

ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

(THE INNER LIFE)

C. W. LEADBEATER

ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

(THE INNER LIFE)

QUYỂN II

Dịch Giả
TÂM THANH

CHI BỘ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ
HỘI THÔNG THIÊN HỌC HOA KỲ

2023

MỤC LỤC

LỜI TRI ÂN	7
LỜI MỞ ĐẦU CHO PHIÊN BẢN MỸ	9
GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ	11

CHƯƠNG I

ĐỜI SỐNG SAU CỬA TỬ

Nhà Thông Thiên Học Sau Khi Chết	13
Sự Liên Hệ Giữa Người Chết Và Trái Đất	15
Hoàn Cảnh Sau Khi Chết	30
Ám Ảnh (nhập xác) Loài Thú	35
Những Con Thú Đã Cá Nhân Hóa	49
Khu Vực Của Những Trạng Thái Cảm Xúc	50
Hoàn Cảnh Của Đời Sống ở Cõi Trời Chân Phúc	58
Nhân Quả Trong Đời Sống ở Cõi Trời Chân Phúc	67

CHƯƠNG II

CÔNG VIỆC Ở CỐI TRUNG GIỚI

Những Người Cứu Trợ Vô Hình	81
Hồi Ưc Về Kinh Nghiệm ở Cối Trung Giới	100
Những Chiều Đo Cao Hơn	111

CHƯƠNG III
THỂ TRÍ
VÀ QUYỀN NĂNG TƯ TƯỞNG

Thể Trí	117
Một Quyền Năng Bị Bỏ Quên	130
Trực Giác Và Hứng Khởi	140
Các Trung Tâm Tư Tưởng	143
Tư Tưởng Và Loài Tinh Hoa Chết	151

CHƯƠNG IV
NHỮNG QUYỀN NĂNG TÂM LINH

Quyền Năng Tâm Linh	154
Thông Nhân	167
Hợp Âm Huyền Bí (Mystic Cord)	183
Phương Pháp Soi Tiền Kiếp	192
Tiên Tri	210

CHƯƠNG V
ĐẠI THIÊN THẦN
VÀ TINH LINH THIÊN NHIÊN

Hào Quang Của Đại Thiên Thần	217
Thần Cây	226

Lời Tri Ân

Tâm Thanh xin thành tâm cảm ơn Thầy Tô-Văn-Hiệp và các anh chị em trong ban dịch thuật của chi bộ Phụng Sự Chân Lý đã hết lòng giúp đỡ trong công việc chuyển ngữ cũng như ấn tống quyển sách này. Nguyên bản của Tập 2 có 9 Chương, đã được tách ra làm hai quyển vì 9 Chương quá dày cho một cuốn sách. Tập 2 có 5 Chương đã được ấn hành, và Tập 3 có 4 Chương còn lại sẽ được ấn hành nay mai.

Mong rằng các cuốn sách này sẽ giúp độc giả giải nghi một số vấn đề về con người và vũ trụ và sớm tiến đến đền Minh Triết Thiêng Liêng.

Ngày 10 tháng 5, 2023

LỜI MỞ ĐẦU CHO PHIÊN BẢN MỸ

Lời hứa hẹn xuất bản quyền hai của các bài thuyết trình tại Adyar đã được hoàn tất sau nhiều sự trì hoãn không thể tránh khỏi. Sau nhiều đắn đo cân nhắc, chúng tôi nghĩ rằng tốt nhất nên bỏ tựa đề *Sự Sống Ẩn Tàng* và ấn tống bộ này dưới tên *Đời Sống Nội Tâm, Quyển II*. Một số các buổi đàm luận thân mật trong các lớp học ở Adyar đã xuất hiện trên báo *Nhà Thông Thiên Học*, nhưng nhiều chương trong cuốn sách này có chứa những sự kiện mà trước đây chưa từng được ấn tống, như “Hỏa Tinh và các Cư dân của nó.”

Bản thảo của *Những Điều Bí Ẩn*, hứa hẹn là một cuốn sách lên đến bảy trăm trang, đã sẵn sàng cho nhà in, và chúng tôi chỉ chờ đợi một thời điểm thích hợp để xuất bản nó.

C.W. LEADBEATER
Adyar, 29 tháng 6, 1911.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Khi Bà Hội Trưởng vắng mặt ở Adyar vì chuyến du hành qua Anh quốc và Mỹ quốc vào năm ngoái, tôi phải chịu trách nhiệm cho các lớp họp mặt của học sinh ở đây. Trong khoảng thời gian này, tôi đã thuyết trình nhiều bài giảng ngắn trong vòng thân mật và trả lời hàng trăm câu hỏi. Những gì tôi nói đã được ghi lại bằng tốc ký và cuốn sách này là kết quả của những bài ghi chép đó. Trong một số trường hợp, những gì được bàn luận trong các buổi họp trên sân thượng đã được mở rộng thành một bài viết ngắn cho tờ báo *Nhà Thông Thiên Học* hoặc *Thông Tin Adyar*; trong tất cả các trường hợp đó, tôi đã in lại bài viết thay vì bản tốc ký vì lợi điểm là một số đã được sửa chữa và bổ sung thêm chi tiết. Đương nhiên, một cuốn sách như vậy có tính cách hơi rời rạc và cũng sẽ có những chỗ bị lập đi lập lại; tuy nhiên, khuyết điểm sau đã được cắt bớt khi có thể. Có nhiều chủ đề đã được nhắc đến trong những cuốn sách trước kia của tôi, nhưng những gì được viết trong đây đều đại diện cho kết quả của những khám phá mới nhất liên quan đến các chủ đề đó.

Các chủ đề đều được phân loại kỹ lưỡng đến mức có thể, và bộ sách này là Tập Hai với 9 phần còn lại.

C. W. LEADBEATER

Adyar, tháng 7, 1911.

CHƯƠNG I

ĐỜI SỐNG SAU CỬA TỬ

NHÀ THÔNG THIÊN HỌC SAU KHI CHẾT

Khi một thành viên của Hội Thông Thiên Học tỉnh lại ở cõi trung giới sau khi đã vĩnh viễn bỏ lại thể xác ở cõi trần, tốt nhất là y nên bắt đầu tự kiểm điểm lại, như nhận định mình đang ở đâu, cuộc sống đối diện trước mặt y sẽ là như thế nào, và làm thế nào y có thể tiếp tục sống cho tốt. Cách khôn khéo nhất chính là y nên hỏi ý kiến của một vài người bạn có kinh nghiệm nhiều hơn y về vấn đề này, và thực tế đây là những gì mà các thành viên đã chết thường hay làm. Hãy nhớ rằng khi một thành viên đi vào cõi trung giới sau khi chết, y không phải chỉ xuất hiện ở đây lần đầu tiên. Thông thường, y đã làm rất nhiều công việc ở nơi đây trong lúc ngủ, và do đó y đang ở tại một môi trường rất quen thuộc với mình. Nói chung, phản ứng đầu tiên của y là nên đi thẳng đến vị Hội Trưởng thân mến của chúng ta, và đây là

một điều tốt nhất mà y có thể làm, vì không ai có đủ khả năng hơn để cho y một lời khuyên hữu ích. Có quá nhiều khả năng làm việc ở cõi trung giới nên không ai có thể đặt ra một quy tắc nào nói chung, mặc dù một người không thể nào làm sai quá mức khi y chỉ muốn giúp đỡ đồng loại. Có rất nhiều cơ hội để học hỏi cũng như làm việc ở nơi đây, nên người mới đến sẽ phải quyết định nên chia thì giờ ra giữa các cơ hội này như thế nào.

Các thành viên của Hội Thông Thiên Học không thể nào thay đổi được cõi trung giới để khiến cho nó trở nên thuận tiện hơn cho họ hơn là ở cõi trần, và như vậy cũng giống như mọi người khác, họ đều phải đối diện với những gì xảy ra ở nơi đó. Nếu có một người say rượu đi trên đường, những người cùng đi trên con đường đó sẽ gặp y cho dù họ có là thành viên của Hội hay không, và cõi trung giới không có gì khác hơn với cõi trần về phương diện này. Những hội viên từng được hướng dẫn về các quy luật cai quản cõi trung giới lẽ ra phải biết nhiều hơn những người chưa được hướng dẫn về cách làm thế nào để đối phó với các thực thể khó ưa có thể đồng hành với họ; trên thực tế, họ đều có khả năng gặp gỡ chúng cũng như những người khác. Tuy nhiên, có thể họ đã gặp qua các thực thể này nhiều lần trong lúc hoạt động ở cõi trung giới khi còn sống, và không có lý do gì mà họ phải sợ chúng hơn trước đó; thật ra, gặp chúng ở chính cõi của chúng

sẽ làm cho họ dễ thông cảm với chúng nhiều hơn và giúp đỡ chúng tốt hơn theo khả năng mà chúng có thể tiếp nhận được.

Không có sự khác biệt nào giữa hoàn cảnh của một người bình thường và một nhà ngoại cảm (psychic) sau khi chết, trừ việc là nhà ngoại cảm đã quen thuộc với hoàn cảnh ở cõi trung giới và do đó sẽ cảm thấy dễ chịu hơn khi ở môi trường mới của y. Là một nhà ngoại cảm có nghĩa là y có thể đưa một điều gì đó từ sự sống vĩ đại vào tâm thức hồng trần; do đó, trong trường hợp của thể xác, có một sự khác biệt giữa nhà ngoại cảm và người bình thường, nhưng sự khác biệt này sẽ biến mất sau khi họ cởi bỏ lớp áo của thể xác.

SỰ LIÊN HỆ GIỮA NGƯỜI CHẾT VÀ CỐI TRẦN

Một người chết thường biết rất rõ về cảm giác của thân nhân của mình, những người mà y đã rời bỏ. Nếu bạn thử nghĩ thật kỹ về điều gì có thể được biểu lộ qua thể vía, bạn có thể dễ dàng hiểu được khả năng hiểu biết của y. Y không nhất thiết phải theo dõi hết mọi chi tiết của những gì đang xảy ra ở cõi trần; y không nhất thiết phải biết các bạn của y

đang ăn món gì hoặc cụ thể họ đang làm gì, nhưng y biết được họ đang vui hay buồn, và y cảm nhận ngay được những cảm xúc như yêu hay ghét, ghen tuông hay đồ kỵ.

Khi một bọm rượu cứ lơ lửng trước một quán rượu, y chỉ có thể hít vào mùi rượu bằng cách hiện hình một phần nào (có nghĩa là, bằng cách tạo ra một lớp áo bằng chất dĩ thái chung quanh y). Y không thể ngủi được nó theo cách thông thường của chúng ta, và đó là lý do tại sao y lúc nào cũng phải lo ép người khác vào trạng thái say mềm để y có thể nhập vào cơ thể của họ một phần nào đó để ám ảnh họ, và qua cơ thể đó y có thể trực tiếp kinh nghiệm một lần nữa vị giác và những cảm giác khác mà y khao khát đến điên cuồng.

Mắt, mũi, và miệng có đôi phần chính xác của chúng trong thể vía, nhưng chúng ta không nên nghĩ rằng người ở cõi trung giới nhìn thấy bằng đôi mắt, nghe bằng đôi tai, hoặc ngủi và ném bằng mũi và miệng. Toàn bộ chất liệu của thể vía không ngừng di chuyển nhanh nhẹn từ bộ phận này sang bộ phận khác, nên bất cứ một hạt phần tử (particle) nào của thể vía đều không thể chuyên biệt hoá như các đầu mút dây thần kinh đã được chuyên biệt hoá trong thể xác. Các giác quan của thể vía làm việc không phải qua các cơ quan đặc biệt mà qua từng hạt phần tử của thể vía, nên với thị giác trung giới, một người có thể nhìn thấy bằng bất cứ bộ phận nào trong cơ

thể của y và chung quanh người của y cùng một lúc, thay vì chỉ thấy được ở trước mặt của y. Ở cõi trung giới, y có thể nắm lấy đôi phần bàn tay của một người đang sống, nhưng vì hai bàn tay sẽ xuyên qua nhau mà không có một cảm giác va chạm nào, y sẽ không có lý do gì để làm như vậy. Tuy nhiên, y vẫn có thể tự hiện ra một bàn tay dù người khác không nhìn thấy được, nhưng họ có thể cảm nhận được một cảm giác giống như một bàn tay bình thường của thể xác chạm qua họ, một hiện tượng thường được quan sát ở các buổi cầu hồn.

Có ba cảnh ở cõi trung giới mà từ đó những vong linh có thể (nhưng không nên) nhìn thấy và theo dõi những sự kiện đang xảy ra ở cõi trần. Ở cảnh thấp nhất, họ thường hay bận rộn với các việc khác và không quan tâm nhiều đến những gì đang xảy ra ở cõi trần, trừ phi, như đã được giải thích trong văn chương của chúng ta, họ đam mê những chôn ăn chơi trác táng; tuy nhiên ở cảnh tiếp theo, họ sẽ rất gần gũi với cõi trần và có thể ý thức được rất nhiều việc liên quan đến nó, mặc dù cái mà họ nhìn thấy không bao giờ thật sự là chất liệu hồng trần mà luôn là đôi phần của nó ở cõi trung giới. Ý thức này, ở mức độ giảm thiểu rất nhanh chóng, vẫn có thể tồn tại khi họ đi lên hai cảnh kế tiếp; nhưng ở cảnh cao hơn nữa, họ chỉ có thể liên lạc với cõi trần bằng một nỗ lực đặc biệt thông qua một người trung

gian, và ở cảnh cao nhất, ngay cả phương pháp này cũng sẽ rất khó được thực hiện.

Mức độ một người có thể nhìn thấy và theo dõi các sự kiện ở cõi trần từ cõi trung giới lệ thuộc vào nhân phẩm và tính tình của y, cũng như tùy ở giai đoạn tiến hoá của y. Hầu hết những người mà chúng ta thường gọi là người tốt, sau khi họ đã sống hết kiếp sống của họ ở cõi trần, đều phải lướt qua tất cả các cảnh thấp hơn của cõi trung giới trước khi tỉnh lại ở các cảnh cao hơn, và do đó họ sẽ không ý thức được bất cứ điều gì xảy ra ở cõi trần. Tuy nhiên, một phần ít trong số người này có thể bị kéo lại liên hệ với cõi trần nếu họ còn quá lo lắng cho một người nào đó còn sống ở cõi trần.

Trong bản chất của những người kém tiến hoá hơn có chất liệu của các cảnh thấp hơn nên họ có thể dễ dàng theo dõi những gì đang xảy ra ở cõi trần ở một mức độ nào đó. Phần đông thuộc trường hợp này họ là những người mà tất cả suy nghĩ của họ đều có dính mắc đến thế giới này - những người có rất ít hoặc thậm chí không có hoài bão tinh thần hoặc trí tuệ cao siêu. Xu hướng hướng về cõi trần gia tăng với hành động và sự quan tâm của một người, nên thoát đầu y có thể vui vẻ không biết gì về các sự việc đang xảy ra ở cõi dưới, nhưng y có thể không may mắn bị nó lôi kéo lại, thường là do sự đau buồn ích kỷ của người còn sống. Sau đó, y phải cố gắng giữ cho bản thân mình không bị mất

liên lạc với đời sống mà y vốn đã không còn thuộc về nữa; trong trường hợp này, khả năng nhìn thấy được những sự vật trên trái đất sẽ gia tăng trong một khoảng thời gian, nhưng sau đó tâm tư của y sẽ đau khổ khi nhận thấy rằng khả năng đó đang vượt khỏi tầm tay của y. Sự đau khổ như vậy đều do một sự bất bình thường được giới thiệu vào đời sống trung giới do chính hành động của y, bởi vì nó hoàn toàn không có một vị trí trong quá trình tiến hoá bình thường và trật tự sau cái chết.

Nếu có người phàn nàn rằng theo cách này, người chết không nhìn thấy được cõi trần y như thật, chúng tôi phải trả lời ngay rằng cả người chết và chúng ta ở cõi này cũng không bao giờ thấy được cõi trần y như thật, bởi vì chúng ta (hoặc hầu hết mọi người) chỉ nhìn thấy được phần đặc và chất lỏng của nó và hoàn toàn khiếm thị đối với những phần thuộc chất hơi và chất dĩ thái bao la hơn; cũng như vậy, người chết hoàn toàn không nhìn thấy được vật chất ở cõi trần hoặc thậm chí toàn bộ đối phần của nó ở cõi trung giới, mà chỉ nhìn thấy được một phần của đối phần thuộc về cảnh đặc biệt mà y đang cư ngụ tại thời điểm đó. Người duy nhất có được một cái nhìn gần như toàn diện về mọi thứ là người đã phát triển quyền năng thông nhãn về cảnh dĩ thái và cõi trung giới trong lúc y vẫn còn đang sống ở cõi trần.

Một khó khăn khác của người đã mất đi thể xác là không phải lúc nào y cũng chắc chắn nhận ra được đối phần trung giới của thể xác ngay cả khi y đang nhìn thấy nó. Y thường cần có khá nhiều kinh nghiệm trước khi chết để nhận thức được các đồ vật một cách rõ ràng, và bất kỳ nỗ lực nào y đưa ra để nhận diện chúng sau khi chết đều mơ hồ và không chính xác, như thường được thấy trong những ngôi nhà bị ma ám, nơi việc ném đá, đi âm âm, hoặc những chuyển động mơ hồ của các đồ vật hồng trần xảy ra. Do đó, khả năng nhận diện các đồ vật phần lớn là một câu hỏi về kinh nghiệm và kiến thức, nhưng nó ít khi nào hoàn hảo trừ phi y đã biết một điều gì đó về những vấn đề này trước khi chết.

Một người bạn viết thư cho tôi hỏi rằng liệu người chết ở cõi trung giới có thể thường thức được đối phần của một vở kịch ở nhà hát hay không, và liệu y có kiếm được chỗ ngồi ở đó hay không nếu tòa nhà đã đầy người.

Dĩ nhiên, một rạp hát đầy người có đối phần của nó ở cõi trung giới mà người chết có thể nhìn thấy được. Tuy nhiên, vở kịch đó có thể không đem lại cho họ một sự thích thú nào, vì họ không nhìn thấy được trang phục cũng như sự diễn xuất của các diễn viên như chúng ta nhìn thấy, và cảm xúc của những diễn viên này, vì là giả chứ không phải thực, không để lại một ấn tượng gì ở cõi trung giới. Các thể vía có thể và thường xen kẽ lẫn nhau mà không

gây hại gì cho nhau. Nếu bạn thử suy nghĩ một chút thì bạn sẽ thấy ngay tại sao nó là như vậy. Khi bạn ngồi cạnh bất cứ người nào trong toa xe lửa hoặc xe điện, thể vía của bạn và của y phần lớn phải thâm nhập lẫn nhau. Sự thâm nhập này không có gì khó khăn vì các hạt phần tử trung giới, theo tỷ lệ kích thước của chúng, đều ở một khoảng cách xa hơn với nhau so với các phần tử hồng trần. Đồng thời, tốc độ rung động của chúng cũng có ảnh hưởng nghiêm trọng với nhau, nên ngồi gần một người có tư tưởng không được thanh khiết, ganh tị, hoặc tức giận là một điều không tốt. Do đó, một người chết có thể dễ dàng đi vào trong một rạp hát chật kín người - nhất là khi mọi người đều ngồi trên mặt đất hoặc trên các bậc thềm - trong khi một thực thể trung giới có thể lơ lửng trên không trung.

Người tự tử là một người bỏ học trước khi y hoàn tất cả các bài vở đã được chỉ định; y đã phạm phải một lỗi lầm lớn vì đã tự mình quyết định một việc nghịch lại với Thiên Ý. Hậu quả của việc phản kháng lớn như vậy luôn là một điều nghiêm trọng. Chắc chắn nó sẽ ảnh hưởng đến kiếp sau của y và có thể rất nhiều kiếp sau nữa. Chi tiết xảy ra ngay sau khi một người tự tử chết cũng giống như trường hợp của một nạn nhân của một vụ tai nạn, vì cả hai đều cùng bị đẩy vào cõi trung giới bất thành linh như nhau. Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn là một người chết vì tai nạn chưa có chuẩn bị tâm lý để đón

cái chết nên họ sẽ bị bất tỉnh và thường lướt qua cảnh thấp nhất của cõi trung giới mà không ý thức được gì về những sự ghê tởm đáng sợ của nó. Trái lại, một người tự tử đã hành động có ý thức và họ thường ý thức được mọi đau khổ về hầu hết các điều rùng rợn và gớm ghiếc. Y không thể được miễn khỏi những cảnh tượng và cảm xúc đau khổ mà y đã tự chuốc lấy; tuy nhiên, y có thể thường được một vài người bạn tử tế với lòng tốt bụng giúp đỡ đáng hiểu được về chúng và được cổ vũ để y có được sự nhẫn nại, kiên trì, và hy vọng.

Mặc dù việc tự tử được hoàn toàn công nhận là một lỗi lầm, và một lỗi lầm rất trầm trọng, không ai kêu gọi chúng ta lên án người bạn của chúng ta khi họ phạm phải sai lầm đó. Mỗi trường hợp đều khác nhau và chúng ta không thể nào hiểu nổi ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau trong mỗi trường hợp, mặc dù nó sẽ được cứu xét rất kỹ trong việc thi hành pháp luật của công lý vĩnh hằng.

Để đoán được hoàn cảnh của một người sau khi chết ở cõi trung giới, có hai yếu tố chính cần được cứu xét: (1) khoảng thời gian mà y phải sống ở một cảnh nào đó ở cõi trung giới, và (2) mức độ ý thức của y ở tại cảnh đó. Như đã được nhắc đến, thời gian cư ngụ của một người ở tại bất kỳ cảnh nào ở cõi trung giới đều lệ thuộc vào số lượng vật chất thuộc cảnh đó mà chính y đã bỏ công ra xây cất trong thể vía của mình khi còn tại thế.

Tuy nhiên, tâm ý thức của một người ở một cảnh cụ thể nào đó không nhất thiết phải tuân theo chính xác một quy luật như thế. Chúng ta hãy xem thử một thí dụ cực đoan của một vài biến đổi có thể xảy ra để hiểu được cách làm việc của nó. Giả sử một người mang từ kiếp trước của y một số tật xấu cần phải được biểu lộ qua một số lượng lớn các chất liệu thuộc cảnh thấp nhất, và trong kiếp hiện tại, y có đủ may mắn để học được từ những năm đầu đời khả năng và việc cần thiết phải kiểm soát những tật xấu đó. Có thể những nỗ lực kiểm soát của y không đều đặn và hoàn toàn thành công, nhưng nếu có, sự thay thế các phần tử thô kệch bằng những phần tử thanh nhẹ hơn sẽ diễn ra một cách vững vàng mặc dù chậm chạp.

Quá trình này dù tốt gấp mấy vẫn là một sự tiến bộ chậm rãi và do đó chuyện có thể xảy ra là người đó có thể chết đi trước khi quá trình này được hoàn tất phân nửa. Trong trường hợp như vậy, chắc chắn thể vía của y sẽ còn giữ lại một số chất liệu thuộc cảnh thấp nhất đủ để buộc y phải cư ngụ tại đó trong một khoảng thời gian đáng kể, nhưng nó sẽ là vật liệu mà tâm thức của y chưa bao giờ sử dụng trong kiếp này, và vì y không thể nào đột nhiên có một thói quen mới, kết quả là y sẽ ngủ yên lành ở cảnh đó cho đến khi phần chất liệu đó tan rã, trong lúc y vẫn còn nằm trong một trạng thái vô ý thức - có nghĩa là, y sẽ thực sự ngủ say trong suốt thời gian

đó, do đó hoàn toàn không bị ảnh hưởng gì bởi những thứ khó chịu của nó.

Người ta sẽ thấy rằng cả hai yếu tố này trong đời sống sau cửa tử - cảnh mà con người được đưa đến và tầm mức ý thức của y ở đó – hoàn toàn không lệ thuộc vào cách chết của y mà ở cách sống của y, nên bất kỳ một tai nạn nào, dù đột ngột hay khủng khiếp, hiếm khi có thể ảnh hưởng được nó. Tuy nhiên, có một lý do đằng sau lời cầu nguyện quen thuộc cũ xưa của Giáo Hội: “Lạy Chúa nhân lành, xin cứu vớt chúng con khỏi cái chết đột ngột” vì mặc dù một cái chết bất đắc kỳ tử không nhất thiết ảnh hưởng đến vị trí của một người ở cõi trung giới tệ hơn, nhưng ít nhất nó cũng không thể làm cho nó được tốt hơn; trong khi đó, sự hao mòn chậm chạp của tuổi già nua hoặc sự dày vò của bất cứ bệnh kinh niên nào hầu hết đều kèm theo sự tan rã và nói lỏng đáng kể của các phần tử thể vía, nên khi một người hồi phục ý thức ở cõi trung giới, y sẽ khám phá rằng một phần nào công việc của mình ở cõi đó đã được hoàn tất.

Đôi khi, nỗi kinh hoàng và xáo trộn lớn về mặt tâm lý sau một cái chết do tai nạn thật là một bất lợi lớn cho việc chuẩn bị tâm lý cho đời sống ở cõi trung giới; thật vậy, người ta biết có những trường hợp mà sự kích động và khủng hoảng như vậy vẫn kéo dài sau cái chết, mặc dù may mắn thay điều đó rất hiếm. Tuy nhiên, thông thường lòng ao ước có

một khoảng thời gian để chuẩn bị tâm lý cho cái chết không phải chỉ là một sự mê tín đơn thuần mà nó có một sở lý do chính đáng ở bên trong. Đương nhiên, đối với ai theo đuổi cách sống của một nhà Thông Thiên Học, việc di chuyển tiếp tục qua cõi trung giới từ cõi trần chậm hay nhanh vốn không quan trọng, vì y luôn cố gắng tiến bộ hết sức mình, và mục tiêu trước mắt của y vẫn giống nhau trong cả hai trường hợp.

Tóm lại, rõ ràng dường như cái chết vì tai nạn không nhất thiết phải kéo dài thời gian ở cảnh thấp nhất của cõi trung giới, mặc dù theo một quan điểm khác, nó có thể được coi là bị kéo dài một chút thời gian ở nơi đó vì nó tước đi cơ hội mà nạn nhân cần có để thiêu rụi các phần tử thuộc cảnh thấp đó trong lúc họ phải chịu đựng một chứng bệnh mãn tính. Trong trường hợp của các đứa trẻ, rất có thể là chúng khó phát triển được nhiều cá tính có liên quan với các cảnh thấp nhất của cõi trung giới trong cuộc sống ngắn ngủi và tương đối ngây thơ của chúng; quả thật, theo kinh nghiệm thực tế thì chúng hầu như không bao giờ được tìm thấy ở cảnh đó. Trong bất kỳ trường hợp nào, cho dù chúng bị chết vì tai nạn hoặc bệnh tật, đời sống của chúng ở cõi trung giới tương đối là ngắn ngủi; đời sống ở cõi trời chân phúc¹, mặc dù có lâu hơn, vẫn có tỷ lệ hợp lý của

¹ Cõi trời chân phúc còn được gọi là cõi hạ trí.

nó, và chúng sẽ nhanh chóng tái sinh ngay sau khi các lực mà chúng đã phát huy trong kiếp sống gần gũi ở cõi trần đã được đồng hoá, giống như trường hợp của những người lớn mà chúng tôi đã quan sát do ảnh hưởng của cùng một đại định luật.

Bình thường, những gì tác động lên cái xác không *nhất thiết* phải ảnh hưởng đến người đang sống bên kia ở cõi trung giới. Tôi cần phải đưa ra hai trường hợp ngoại lệ: trường hợp thứ nhất, bên lề đời sống bình thường có những nghi thức ma thuật ghê gớm tạo ra một ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình trạng của người ở cõi bên kia; trong trường hợp thứ hai, mặc dù tình trạng của xác chết không làm thay đổi con người thật bên trong, tuy nhiên đôi khi nó vẫn có, nguyên nhân là do sự thiếu hiểu biết hoặc đại dốt của y. Tôi sẽ cố gắng giải thích thêm sau đây.

Sau khi chết, một người sẽ sống ở cõi trung giới bao lâu lệ thuộc vào hai yếu tố chính: (1) *bản chất* của đời sống của y khi còn ở cõi trần, và (2) *thái độ tâm trí* của y sau khi chết. Khi còn sống ở cõi trần, y luôn ảnh hưởng đến việc xây cất các chất liệu trong thể vía của mình. Y trực tiếp ảnh hưởng đến nó qua những đam mê, cảm xúc và dục vọng lay động đến y; y gián tiếp ảnh hưởng nó qua tác động của những tư tưởng của y từ bên trên (thể trí) đưa xuống, và từ mọi chi tiết trong đời sống vật chất của y (sự điều tiết hoặc buông thả, sự thanh khiết hoặc nhơ bần,

thức ăn và thức uống) từ bên dưới đưa lên. Nếu y cứ ngoan cố kiên trì làm điều ác theo bất cứ đường lối nào trên đây, y sẽ đại dột tự xây dựng cho mình một thể vía thô kệch và ghê tởm, chỉ quen đáp ứng với những rung động thấp hèn của các cảnh thấp, và y sẽ thấy mình bị trói buộc vào cảnh đó sau khi chết trong một khoảng thời gian dài và chậm chạp trong khi thể vía đó từ từ tan rã. Mặt khác, nếu y có một đời sống đứng đắn và chùng mực, y sẽ tự tạo cho mình một dẫn thể được xây dựng phần lớn bằng các vật chất thanh nhẹ hơn, và y sẽ gặp ít phiền não và khó chịu hơn trong kiếp sống sau khi chết; do đó, sự tiến hoá của y sẽ tiến triển một cách nhanh chóng và thuận lợi hơn.

Nói chung, điều này thường dễ được chấp nhận, nhưng yếu tố quan trọng thứ hai - *thái độ tâm trí* sau khi chết - thường bị lãng quên. Điều tốt nhất là y nên nhận thức được vị trí của mình trong vòng bán cung tiến hoá nhỏ nhoi này - để hiểu được rằng mình đang ở trong giai đoạn rút lui dần dần vào bên trong hướng về cõi của chân ngã, và do đó việc làm của y là phải tách rời tư tưởng của mình càng ngày càng xa khỏi các vấn đề trần tục và tập trung tâm trí càng nhiều càng tốt vào những vấn đề tinh thần, vì chúng sẽ chiếm giữ tâm tư của y trong suốt đời sống ở cõi trời chân phúc. Bằng cách này, y sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự tan rã tự nhiên của thể vía và sẽ tránh được lỗi lầm đáng buồn thường

xuyên là không cần thiết phải trì hoãn bản thân ở lại những cảnh thấp hơn mà lẽ ra chỉ là một chỗ cư trú tạm thời.

Tuy nhiên, thông thường nhiều người không chịu nâng cao tư tưởng của mình mà lại dành hết thời gian cố giữ liên lạc với cõi vật chất mà họ đã rời bỏ, do đó gây rắc rối lớn cho bất cứ một ai cố gắng giúp họ. Thứ duy nhất mà họ quan tâm khi còn sống là các vấn đề thế tục, và họ cứ ngoan cố bám vào chúng và không chịu buông bỏ ngay cả sau khi chết. Đương nhiên theo thời gian, họ càng ngày càng cảm thấy khó khăn trong việc cố gắng giữ liên lạc với mọi thứ ở dưới đây, nhưng thay vì can đảm đón nhận tiến trình thanh lọc từ từ và hướng về phía tinh thần, họ lại cực lực chống trả nó bằng mọi cách trong khả năng có thể của họ. Mãnh lực tiến hoá cuối cùng rồi cũng trở nên quá mạnh đối với họ và họ sẽ bị cuốn theo dòng thủy triều lợi ích của nó, nhưng họ vẫn cố gắng chống trả từng bước một trên con đường này, do đó không chỉ tự gây ra vô số khổ đau và phiền phức không cần thiết cho mình mà còn trì hoãn sự tiến bộ hướng thượng của họ một cách nghiêm trọng.

Giờ đây, trong sự chống đối vô minh và tai hại với ý chí của vũ trụ, con người có một trợ lực rất đáng sợ là xác chết của y như là một điểm tựa ở cõi này. Y tự nhiên có mối quan hệ *mật thiết* với nó, và nếu y đại dốt muốn làm như thế, y có thể dùng nó

như một cái neo để giữ mình cắm mãi trong bùn cho đến khi cái xác đã thối rữa khá nhiều. Hỏa táng có thể cứu con người khỏi bản thân họ trong việc này, vì khi thể xác đã được giải quyết đúng cách, tất cả các tàu bè đã bị đốt sạch đằng sau lưng (đúng theo nghĩa đen của nó), sức thu hút nắm giữ y lại may thay sẽ bị giảm đi rất nhiều.

Do đó, chúng ta có thể thấy rằng, cho dù việc chôn cất hoặc ướp xác bằng cách nào đi nữa cũng không thể ép buộc một linh hồn thuộc về nó phải kéo dài thời gian ở lại cõi trung giới nghịch với ý của họ, nhưng một trong hai hình thức này vẫn là một sự cám dỗ đặc biệt để trì hoãn họ lại, và nó sẽ là một trở thủ đắc lực hơn nếu họ không may lại muốn làm như vậy. Không có linh hồn tiến hoá nào lại muốn bị giữ lại ở cõi trung giới, thậm chí bằng một hình thức hết sức ngu xuẩn như việc ướp xác. Cho dù thể xác có được hỏa táng hoặc để cho nó tự thối rữa từ từ theo cách ghê tởm bình thường, hoặc nó được bảo quản vô thời hạn như việc ướp xác theo kiểu Ai Cập, thể vía của người chết vẫn theo đuổi con đường tan rã nhanh chóng của riêng nó mà không hề bị ảnh hưởng bởi những điều này.

Trong nhiều lợi điểm của việc hỏa táng, điểm chủ yếu là nó ngăn ngừa triệt để bất cứ nỗ lực nào nhằm tạm thời tái hợp một nguyên lý với các

nguyên lý khác² một cách phản tự nhiên, hoặc bất cứ nỗ lực nào để sử dụng thi thể cho những mục đích tà thuật thấp hèn - chưa nói gì đến các mối đe dọa nguy hiểm (bệnh dịch) cho người sống mà có thể được ngăn chặn bằng phương pháp hỏa táng.

HOÀN CẢNH SAU KHI CHẾT

Các môn đồ thường hỏi rằng, đối với một người bình thường, một đời sống chìm trong tiềm thức hoặc năng động là tốt hơn ở cõi trung giới. Điều này tùy vào bản chất của đời sống sinh hoạt và giai đoạn tiến hoá của đương sự. Sau khi chết, người bình thường vẫn còn có một số tham vọng chưa cạn kiệt còn đọng lại trong thể chất của y, và lực khao khát này cần phải được giải quyết trước khi y có thể chìm vào trong trạng thái tiềm thức. Nếu sinh hoạt duy nhất của y chỉ là những ham muốn thấp hèn, đương nhiên tốt hơn hết là y không nên bị bất cứ một thứ gì xen vào sự chìm đắm vào trạng thái tiềm thức càng ít càng tốt, bởi vì bất cứ một nghiệp mới nào mà y tạo ra có rất ít khả năng là một thứ gì có lợi ích cho y.

2 Các dẫn thể.

Mặt khác, nếu y đã đủ tiến hoá để có thể giúp đỡ người khác ở cõi trung giới và nhất là nếu y đã có thói quen làm việc ở nơi đó trong lúc ngủ, không có lý do gì mà y không nên dùng thời gian buộc phải lưu trú ở nơi đó một cách hữu ích, mặc dù y không nên tạo ra những lực mới để có thể kéo dài thời gian lưu trú của y tại đó. Những ai đang làm việc dưới sự chỉ dẫn của các vị đệ tử của Chân Sư sẽ tự nhiên đến cổ vấn với họ vì họ có nhiều kinh nghiệm hơn về lĩnh vực này, và đến lượt họ, họ cũng có thể tham khảo ý kiến với những Vị Cao Cả khác có kiến thức rộng rãi hơn.

Đời sống ở cõi trung giới cũng như ở cõi trần có thể được chỉ đạo bằng ý chí, nhưng nó luôn nằm trong giới hạn bị cai quản bởi nghiệp lực của mỗi cá nhân - hay nói một cách khác, bởi hành động *quá khứ* của họ. Một người bình thường ít khi có chủ kiến hoặc ý chí mạnh mẽ và do đó y thường là “sản phẩm” của môi trường do chính y tự chiêu cảm ở cõi trung giới cũng như ở cõi trần; tuy nhiên, một người có ý chí kiên cường lúc nào cũng có thể tận dụng những điều kiện tốt nhất ở môi trường và sống theo ý của mình bất chấp hoàn cảnh chung quanh. Rốt cuộc, những gì do ý chí của y đã gây ra có thể được dần dần sửa đổi bởi chính ý chí của y nếu thời gian cho phép.

Ở cõi trung giới, một người không thể nào bỏ được nhiều thói hư, tật xấu hơn so với y khi còn ở

cõi trần, trừ phi y thật sự dồn hết tâm tư vào việc đó. Có rất nhiều ham muốn mãnh liệt và dai dẳng trong y và chúng cần có một thể xác để được thỏa mãn, nhưng vì y không còn có nó nữa nên chúng sẽ dày vò y thật nhiều trong một khoảng thời gian khá lâu; tuy nhiên theo thời gian, chúng sẽ tự hao mòn, tàn lụi và biến mất vì y không có cách nào để thỏa mãn chúng như ý. Theo cách tương tự, khi tâm thức dần dần rút lui khỏi thể xác bởi nỗ lực nửa tỉnh thức của linh hồn, chất liệu của thể xác cũng từ từ hao mòn và tan rã, và do đó con người sẽ dần dần loại bỏ được những gì đã cầm chân y lại, cản trở y không vào được cõi trời chân phúc.

Tuy nhiên, điều rắc rối nhất là con người thường không nhận thức được sự cần thiết của việc loại bỏ các điều ác đang giam giữ y. Rõ ràng là nếu y nhận thức được sự thật về vấn đề này và đặt hết tâm tư vào công việc, y có thể đẩy mạnh hai quá trình thanh lọc đã được đề cập ở trên rất nhanh. Nếu y biết rằng công việc của y là đốt hết những ham muốn trần tục và rút lui vào bên trong tâm thức của mình càng nhanh càng tốt, y sẽ sốt sắng làm những điều này; nhưng ngược lại, vì không biết nên y lại thường nghiền ngẫm về những ham muốn và vô tình kéo dài sự sống của chúng, rồi tuyệt vọng bám vào những phần tử thô kệch nhất của chất liệu thể xác cho đến khi y kiệt sức chỉ vì cảm giác kết nối với chúng làm cho y dường như cảm thấy gần gũi hơn

với đời sống vật chất mà y cực kỳ khao khát. Vì vậy, chúng ta có thể thấy tại sao một trong những công việc quan trọng nhất của những người cứu trợ vô hình là giải thích sự thật này cho người chết biết, và đó cũng là lý do tại sao một kiến thức minh triết đơn thuần về giáo lý của Thông Thiên Học là vô giá đối với một người bình thường.

Ban đầu, người chết đến cõi trung giới còn chưa nhận ra được mình đã chết, và ngay khi cả sự thật đó đến với y, nó không có nghĩa là y lập tức hiểu được cõi trung giới khác với cõi trần như thế nào. Ở cõi trần, con người là nô lệ của một số nhu cầu cần thiết: y phải có thức ăn, áo mặc và chỗ ở; để mua những thứ này, y phải có tiền và hầu hết trong mọi trường hợp, để có tiền y phải làm một công việc gì đó. Ở dưới cõi trần này, tất cả các điều này đều là việc hiển nhiên đối với chúng ta đến nỗi khi một người đã được phóng thích khỏi gông cùm này, y phải mất một thời gian rất lâu để có thể tin rằng y thật sự đã được tự do, và trong nhiều trường hợp, y vẫn tiếp tục tự áp đặt những gông cùm không cần thiết này lên mình mà trên thực tế đã được gạt bỏ qua một bên.

Do đó, đôi khi chúng tôi thấy người mới chết đang cố gắng ăn - ngồi xuống và chuẩn bị cho mình các bữa ăn hoàn toàn do trí tưởng tượng, hoặc tự xây nhà cho bản thân mình. Tôi từng thấy một người ở vùng đất “trường-hạ” tự xây nhà cho mình

bằng cách đặt lên từng miếng gạch, và mặc dù y đã làm ra từng miếng gạch bằng tư tưởng của mình, y vẫn chưa nắm được sự thật rằng y có thể dùng một nỗ lực như vậy để đồng thời tạo ra luôn một căn nhà cho chính mình. Y được dần dần dẫn dắt để nhận ra rằng, bởi vì những viên gạch đó vốn không có trọng lượng như ở cõi trần vì hoàn cảnh hiện giờ của y đã khác với khi xưa, và vì vậy nó đã khiến y đi tìm hiểu thêm về hiện tượng mới lạ này.

Ở cảnh trường hạ, con người sống trong một môi trường với các khung cảnh do chính họ tự tạo ra, mặc dù có một vài người chọn tránh khỏi rắc rối này bằng cách chấp nhận những khung cảnh đã được dựng sẵn lên bởi người khác. Những người sống ở cảnh thứ sáu trên bề mặt của trái đất sẽ thấy rằng họ được bao quanh bởi đôi phần trung giới của những ngọn đồi, cây cối, và sông hồ đang hiện diện ở cõi trần, và do đó họ không cần thiết phải tạo ra những khung cảnh cho bản thân họ; nhưng những người ở các cảnh cao hơn, lơ lửng trên bề mặt của trái đất ở một khoảng cách cụ thể, thường tự dựng lên cho mình bất kỳ khung cảnh nào mà họ muốn theo phương pháp mà tôi đã mô tả.

Thí dụ phổ biến nhất là họ tự tạo cho mình những khung cảnh kỳ lạ được mô tả trong nhiều kinh sách khác nhau, do đó ở những vùng này, chúng tôi luôn thấy mình bị bao vây bởi những nỗ lực vụng về và thiếu óc sáng tạo để dựng lên những

hình ảnh về các ý tưởng như châu báu mọc trên cây, biển thủy tinh được hòa lẫn với lửa, các sinh vật có nhiều con mắt ở bên trong, và các vị thần linh với một trăm cái đầu và một trăm cánh tay. Do hậu quả của sự thiếu hiểu biết và định kiến trong đời sống thể tục của họ, nhiều người đã bỏ ra rất nhiều thì giờ theo cách này vào những việc làm vô ích, trong khi họ có thể dành thời giờ đó để giúp đỡ cho đồng loại.

Đối với người đã nghiên cứu Thông Thiên Học và do đó có kiến thức về các cõi cao hơn, một trong những đặc điểm đáng mến nhất của họ là sự bình thản, an nhiên và tự tại đến từ việc hiểu rằng tất cả các nhu cầu vật lý khiến cho đời sống thể tục của họ nhọc nhằn đã không còn hiện hữu. Chỉ có người chết mới được hoàn toàn tự do - tự do để làm bất cứ điều gì mà họ muốn và sử dụng thời gian theo ý của họ. Vì vậy, họ có tự do cống hiến hết sức mình vào việc giúp đỡ cho đồng loại.

ÁM ẢNH (NHẬP XÁC) LOÀI THÚ

Chúng ta đều quen với ý nghĩ rằng, trên đường đi xuống đầu thai, một linh hồn đôi khi có thể bị lôi khỏi lộ trình tự nhiên của y và bị trì hoãn vô thời hạn ở cõi trung giới vì sự thu hút giữa y và hồn

khóm của một loài thú nào đó có đặc tánh giống như y. Chúng ta biết rằng sự thu hút này đôi khi chiếm hữu linh hồn đó ở cõi trung giới sau khi chết và giam giữ y trong mối liên hệ mật thiết với hình thể con thú do nghiệp lực, và y phải chịu đau khổ khủng khiếp với nó vì hậu quả của sự độc ác, tàn bạo của y. Tất cả các điều này đã được Bà Besant giải thích trong một lá thư được Bà gửi đến một tòa soạn tại Ấn độ, đã được tái bản trong quyển *Người Góp Nhặt Minh Triết Thiên Lương (The Theosophic Gleaner)*, tập xv, trang 231, như sau:

“Linh hồn con người không thể nào luân hồi vào con thú, vì luân hồi có nghĩa là sinh vào một thể xác sau đó thuộc quyền sở hữu và điều khiển bởi linh hồn. Mối quan hệ hình phạt giữa một linh hồn và con thú không phải là luân hồi, vì linh hồn của con thú, người chủ hợp pháp của hình thể đó, không hề bị đuổi ra, và linh hồn của con người cũng không thể kiểm soát được cơ thể mà y tạm thời bị kết nối. Cũng không phải linh hồn của con người trở thành con thú hay mất đi bản chất của con người khi y phải thọ lãnh hình phạt đó. Y không phải quay lại những nấc thang tiến hóa thấp hơn của loài người, mà sau khi y được thả tự do, lập tức lấy lại hình thể con người ở trình độ tiến hóa trước đó của y. (Xin coi lại trường hợp của Java Bharata và vợ của Rishi đã được thả tự do sau khi chạm vào chân của Rama - những trường hợp cho thấy quan niệm thông

thường rằng con người có thể *trở thành* một viên đá hoặc một con thú là sai.)

“Sự thật là như vậy: khi Ngã thức, một linh hồn con người, vì lòng ham muốn xấu xa hoặc bằng một cách nào khác, tạo ra một mối liên hệ chặt chẽ với một con thú, thể vía của y sẽ biểu hiện những thú tánh tương tự như vậy, và ở cõi trung giới - nơi mà những đam mê và tư tưởng tạo ra hình tướng - y có thể lấy hình dạng của một con thú. Vì vậy, sau khi chết ở *Pretaloka*,³ linh hồn sẽ hiện thân trong lớp áo thể vía giống hay gần giống như một con thú mà các thú tánh như vậy đã được khuyến khích phát triển trong đời sống ở cõi trần. Hoặc ở giai đoạn này,⁴ hoặc ở giai đoạn khi linh hồn quay lại tái sinh và một lần nữa lại ở cõi trung giới, y có thể bị kết nối trong những trường hợp cực đoan bởi ái lực từ điện với thể vía của một con thú có đặc tánh tương tự và do đó, thông qua thể vía của con thú, bị trói buộc như là một tù nhân trong thể xác của nó. Bị xiềng xích như vậy, y không thể nào tiến tới *Svarga*⁵ nếu sự kết nối như vậy xảy ra trong khi y còn là một *Preta*,⁶ hoặc y không thể đầu thai làm người nếu y đang trên đường đi xuống cõi trần. Y thật sự phải chịu một hình phạt bị xiềng xích vào một con thú; y

3 Cõi *Ngạ Quỷ*, dịch ra từ tiếng Phạn.

4 Giai đoạn sau khi mới chết.

5 Cõi *Thiên Đàng*.

6 *Ngạ quỷ* ở cõi trung giới.

vẫn có ý thức ở cõi trung giới, vẫn giữ được các khả năng thuộc về con người, nhưng không thể điều khiển được cơ thể cảm thú mà qua đó y bị kết nối, hoặc biểu hiện được bản tánh của mình qua cơ thể đó ở tại cõi trần. Cấu tạo của con thú không có cơ chế thích hợp để linh hồn con người có thể biểu lộ; nó có thể đóng vai trò của một người cai ngục, nhưng nó không giống như một dẫn thể. Hơn nữa, linh hồn của con thú không bị đuổi đi mà vẫn sở hữu hợp pháp và kiểm soát được chính cơ thể của nó. Shri Shankaracharya⁷ có ám chỉ rất rõ ràng về sự khác biệt giữa hình phạt tù túng này và việc trở thành một viên đá, một cây cỏ, hoặc một con thú. Sự cảm tù như vậy không phải là luân hồi, và nếu chúng ta gọi nó bằng danh từ này là không chính xác; vì vậy, khi hiểu được hết các sự kiện ở trên, tôi phải luôn nói rằng linh hồn con người không thể luân hồi thành loài thú, không thể trở thành một con thú. Đó không phải là một trải nghiệm duy nhất mà một linh hồn đòi truy có thể trải qua trong thế giới vô hình, mà có nhiều ám chỉ khác được tìm thấy trong các Kinh sách Ấn độ, nhưng... những tuyên bố đó chỉ được ghi lại có một phần và thật sự không đầy đủ.

“Trong những trường hợp mà linh hồn chưa đến nỗi truy lạc để bị giam cầm triệt để nhưng thể

⁷ Một học giả và pháp sư tài ba giảng giải Kinh Vệ Đà ở thế kỷ thứ 8 ở Ấn Độ.

vía lại bị thú tánh hoá mạnh mẽ, y có thể đầu thai làm người với các thú tánh sẽ được lộ ra rất rõ ràng trong thể xác - nhân chứng là những con người “quái vật,” thực tế vốn là những con thú thật đáng ghê sợ, mặt heo, mặt chó, v.v... Những người vì buông thả theo các thói hư, tật xấu thậm tệ nhất phải đón nhận những hình phạt khủng khiếp hơn họ có thể ý thức được, vì thiên luật không ngừng hoạt động để đem lại cho mọi người gặt quả của hạt giống mà họ đã từng gieo xuống. Sự đau khổ hằn sâu trong tâm thức của một người khi bị cắt rời khỏi cơ tiến hoá và không thể biểu lộ bản thân mình trong một khoảng thời gian là một điều rất khủng khiếp, và tác động của nó tất nhiên là mang tính cách cải tạo; nó hơi giống hình phạt mà các linh hồn khác phải chịu đựng khi bị kết nối vào hình thể của một người không có một bộ óc lạnh mạnh - những người mà chúng ta gọi là kẻ khờ khạo, người điên, v.v... Sự khờ khạo và mất trí là hậu quả của các tật xấu khác đồng loại với những thứ dẫn đến hình phạt bị cầm tù trong con thú như đã được giải thích ở trên, nhưng trong trường hợp này, linh hồn cũng bị gắn vào một hình thể mà y không thể biểu lộ được bản thân mình một cách trọn vẹn.”

Những thí dụ này là lời giải thích (hay ít nhất một phần của lời giải thích) cho niềm tin được phổ biến rộng rãi rằng con người có thể, trong một số trường hợp đặc biệt, bị tái sinh trong cơ thể của con

thú. Trong những cuốn sách phương đông, cái mà chúng ta phải gọi là ba giai đoạn của *một* kiếp sống thường được nhắc đến như là những kiếp sống riêng biệt. Người ta nói rằng khi một người chết ở cõi trần, y liền được tái sinh ngay lập tức ở cõi trung giới - đơn giản có nghĩa là sau đó, y bắt đầu toàn bộ đời sống đặc biệt ở cõi trung giới; cũng như vậy, cái mà chúng ta nên mô tả là sự di chuyển tiếp tục vào đời sống ở cõi trời chân phúc lại được gọi là cái chết ở cõi trung giới và sự tái sinh ở tầng cao hơn. Vì vậy, thật dễ hiểu rằng trong một những trường hợp bất thường được đề cập ở trên có thể được diễn tả thành “đầu thai thành con thú,” mặc dù đó không phải là ý nghĩa thực sự của ngôn từ này nếu chúng ta dùng nó trong văn chương Thông Thiên Học.

Trong các cuộc điều tra gần đây, chúng tôi có chú ý đến một trường hợp hơi khác với một trong hai trường hợp ở trên - ở chỗ là mối liên hệ với con thú là do con người cố ý tạo ra để thoát khỏi một điều mà y cảm thấy là còn tồi tệ hơn. Chắc chắn loại này cũng được người xưa biết đến và là một trong những loại được nhắc đến trong truyền thuyết “đầu thai thành con thú.” Tôi sẽ cố gắng giải thích về trường hợp này.

Khi một người chết đi, phần dĩ thái sẽ bị rút khỏi phần đậm đặc hơn của thể xác và sau đó không lâu (thường là trong vòng một vài tiếng), thể vía sẽ tách rời khỏi thể phách, và đời sống của y sẽ bắt đầu

ở cõi trung giới. Thông thường, con người sẽ bất tỉnh cho đến khi y tự tách rời ra khỏi thể phách, và như vậy, khi y thức dậy, y sẽ có một cuộc sống mới thuộc về cõi trung giới. Tuy nhiên, có một số người tuyệt vọng cố bám lấy đời sống thế gian cho đến nỗi thể vía của họ không thể nào tách rời khỏi thể phách, và khi thức dậy, họ vẫn còn bị bao bọc trong chất liệu của thể phách.

Thể phách chỉ là một phần của thể xác, bản thân nó vốn không phải là một dẫn thể của tâm thức – nó không phải là một dẫn thể để cho con người có thể sống và hoạt động. Vì vậy, những người tội nghiệp này bị sống trong một hoàn cảnh rất khó chịu, họ giống như bị treo lơ lửng giữa hai cõi. Họ bị chặn khỏi cõi trung giới vì lớp vỏ của chất dĩ thái vẫn còn bao bọc họ, đồng thời, họ đã đánh mất đi các cơ quan cảm giác của thể xác mà chỉ qua đó, họ mới có thể tiếp xúc được với thế giới bên ngoài để có một đời sống bình thường trên mặt đất.

Kết quả là họ trôi dạt đây đó trong sự cô lập, bị câm và sợ hãi trong một màn sương mù dày đặc và u ám, không thể giao tiếp được với các cư dân thuộc về một trong hai cõi; đôi khi, họ thoáng thấy những linh hồn khác cũng đang bị trôi dạt ở trong trạng thái bất hạnh như họ, nhưng họ bất lực không thể nào giao tiếp ngay cả với các người đó, không có khả năng nhập bọn với họ hoặc chấm dứt sự lang thang không có mục đích khi họ bị cuốn vào và bao

bọc bởi một màn đêm dày đặc không hề có một chút tia sáng. Lâu lâu, bức màn dĩ thái có thể hé mở đôi chút để cho họ có một cái nhìn thoáng qua về các cảnh thấp hơn ở cõi trung giới, nhưng đây ít khi là một điều khích lệ tinh thần vì quả thật nó thường bị nhầm lẫn với một cái nhìn thoáng qua của địa ngục; đôi khi trong giây lát, họ có thể nửa nhìn thấy được một số vật quen thuộc ở cõi trần - thường là do tiếp xúc với một hình tư tưởng mạnh mẽ, nhưng sự vén màn hiếm hoi và trêu ngươi của màn sương mù này chỉ làm cho bóng tối của nó càng thêm rùng rợn và vô vọng khi nó khép lại một lần nữa.

Trong khi đó, linh hồn tội nghiệp không thể nhận ra rằng chỉ cần y buông bỏ sự bám víu điên cuồng vào vật chất, y sẽ tức khắc (qua vài phút bất tỉnh) trượt vào đời sống bình thường của cõi trung giới. Tuy nhiên, đó chính là cái cảm giác mà y không thể nào chấp nhận nổi - cảm giác bị mất đi thậm chí một nửa ý thức đau khổ mà y đang có; đúng vậy, y thà bám vào sự rùng rợn của thế giới xám đầy sương mù bao phủ còn hơn là để bản thân mình rơi vào chốn mà đối với y dường như là biên cả của hư vô và hủy diệt. Đôi khi, vì kết quả của sự dạy dỗ ác ôn và báng bổ ở cõi trần, y lo sợ không dám thả lỏng hầu có thể tránh khỏi nạn bị đọa vào địa ngục. Trong cả hai trường hợp, cảm giác đau khổ, tuyệt vọng và thê lương của y đều tăng lên cùng cực.

Có vài cách để thoát khỏi tình trạng khó chịu nhưng tự chuốc này. Nhiều thành viên trong nhóm người cứu trợ vô hình của chúng tôi đã hết sức đi tìm các linh hồn đang ở trong tình trạng đau khổ này và cố gắng thuyết phục họ buông bỏ nó; cũng có nhiều người tốt bụng trong số những người đã chết nhận lấy việc này như một thứ công tác thiện nguyện ở khu ổ chuột của cõi trung giới. Đôi khi, những nỗ lực như vậy có thành công, nhưng nói chung, ít nạn nhân nào có đủ niềm tin và dũng khí để buông xuống cái mà đối với họ là đường dây cứu mạng, cho dù đó là một cách biện hộ đáng buồn. Theo thời gian, lớp vỏ dĩ thái cũng bị hao mòn và tiến trình tự nhiên của tạo hoá cũng được tái lập, bắt cháp các nỗ lực phản kháng của họ; đôi khi trong cơn tuyệt vọng, họ cũng dự đoán được kết quả này nên đã hạ quyết tâm thà kết thúc trước cho dễ chịu hơn là tiếp tục sống một cuộc đời như vậy, và do đó họ tự buông bỏ nó một cách liêu lĩnh - rốt cuộc, họ nhận được một kết quả bất ngờ choáng ngợp nhưng thích thú đối với họ.

Tuy nhiên, trong lúc đầu cố gắng vùng vẫy, một vài người xui xẻo đến nỗi khám phá ra được các phương pháp phản tự nhiên để phục hồi ở một mức độ nào đó khả năng tiếp xúc với cõi trần thay vì bị chìm đắm trong cõi trung giới. Họ có thể dễ làm như vậy thông qua một người đồng cốt, nhưng “người hướng dẫn tinh thần” (“spirit-guide”) của

người đồng cốt thường sẽ nghiêm khắc cấm họ nhập vào. Người hướng dẫn làm như vậy là rất đúng, vì trong sự kinh hoàng và yêu cầu ham muốn quá lớn, họ thường là những kẻ hoàn toàn mất lương tri; họ sẽ ám ảnh và thậm chí làm cho người đồng cốt bị loạn trí, tranh giành thể xác đó như một kẻ chết đuối đang cố vùng vẫy để sống; tuy nhiên, tất cả đều hoàn toàn vô ích vì kết quả cuối cùng chỉ có thể kéo dài thêm sự đau khổ của họ bằng cách củng cố thành phần vật chất mà tốt hơn hết là nên bị loại bỏ.

Đôi khi, họ tìm cách chiếm lấy một người không biết mình có bản chất đồng cốt - thông thường là một cô gái trẻ nhạy cảm nào đó, nhưng họ chỉ có thể thành công trong nỗ lực này khi linh hồn của cô gái trẻ yếu đuối không nắm chắc được các dẫn thể của mình nên mới cho phép những tư tưởng hoặc đam mê xấu xa thao túng. Khi quan hệ giữa linh hồn và các dẫn thể là lành mạnh và bình thường, người đó không thể nào bị trục xuất bởi các nỗ lực điên cuồng của những linh hồn tội nghiệp mà chúng tôi vừa mô tả.

Tuy nhiên, con thú không có linh hồn nào đăng sau nó, mặc dù nó có một mảnh của hồn-khóm có thể được cho là đại diện thay cho một linh hồn. Việc nắm giữ các dẫn thể của nó bởi mảnh nhỏ này chắc chắn không thể nào giống được như một linh hồn của con người, và do đó, chúng ta có thể nói rằng “linh hồn” của con thú dễ bị trục xuất hơn là linh

hồn của con người. Đôi khi, như tôi đã nói, linh hồn của một người lang thang trong thế giới xám có thể bất hạnh đến nỗi y khám phá ra được điều này, và vì vậy trong cơn điên cuồng, y có thể ám ảnh cơ thể của một con thú, hay nếu y không thể hoàn toàn xua đuổi linh hồn của con thú, y sẽ tìm cách để giành lấy một phần kiểm soát để chia sẻ quyền sở hữu với người chủ hợp pháp ở một mức độ nào đó. Trong trường hợp như vậy, một lần nữa y có thể tiếp xúc với cõi trần xuyên qua con thú; y có thể nhìn thấy qua con mắt của con thú (thường khi là một trải nghiệm rất ly kỳ), và y sẽ cảm nhận được bất cứ một sự đau đớn nào xảy ra trên xác thân của con thú; trên thực tế, trong tâm thức của y, y *chính là* con thú trong thời điểm đó.

Một thành viên lớn tuổi và khả của một trong các chi nhánh Anh quốc của chúng tôi đã thuật lại là ông ta từng tiếp xúc với một người đàn ông đến thăm ông để xin một lời khuyên về một trường hợp rất đặc biệt. Người khách này là một người đàn ông dường như đã từng trải qua những ngày tháng tốt đẹp hơn nhưng lại bị rơi vào hoàn cảnh nghèo khó đến nỗi ông ta buộc phải làm bất cứ một công việc gì mà ông kiếm được, và do đó ông ta đã trở thành một đồ tể tại một lò mổ lớn. Ông tuyên bố rằng ông hoàn toàn không thể nào thi hành được nhiệm vụ ghê tởm của mình, bởi vì khi ông chuẩn bị hành hình con thú thì ông luôn bị chặn lại bởi những

tiếng kêu ai oán xé lòng với những câu nói như sau: “Hãy tha cho chúng tôi! Đừng đập, vì chúng tôi là những người bị kẹt vào các con thú này, và chúng tôi cũng phải chịu nỗi đau của chúng.” Vì vậy, khi ông nghe rằng Hội Thông Thiên Học có nghiên cứu về những vấn đề lạ lùng và huyền bí, ông đã đến để xin một lời khuyên. Rất có thể, ông ta có một phần nào khả năng nhĩ thông, hoặc có lẽ ông ta đủ nhạy cảm để bắt được các hình tư tưởng của những kẻ tội nghiệp đã tự nối kết mình với con thú, và những tư tưởng này biểu hiện như là những tiếng kêu la, cầu cứu xin thương xót. Thật không có gì đáng ngạc nhiên khi ông ta không thể nào tiếp tục hành nghề của mình.

Điều này có thể làm cho một người ăn thịt, một người coi săn thú vật là một “trò thể thao,” và nhất là một người mổ xẻ sinh vật, tạm thời dừng lại, vì một người giết hoặc hành hạ một con thú có thể đang gây ra đau đớn khôn lường cho một linh hồn của một người.

Tôi không nghi ngờ rằng, đối với một người có đầu óc linh hoạt, tội lỗi kỳ lạ này ít nhất có thể là lý do mà một số bộ tộc tin rằng không bao giờ nên sát hại một số thú vật “hầu tránh việc vô tình trục xuất linh hồn của tổ tiên mình.” Khi một người tự nhốt mình vào một con thú, họ không thể tự ý rời khỏi cơ thể của con thú đó, ngay cả khi họ đã biết đủ để muốn rút lui; họ chỉ có thể làm điều này từ từ và với

một nỗ lực đáng kể có lẽ sẽ kéo dài nhiều ngày. Thông thường, sau khi con thú chết thì họ mới được thả tự do, và thậm chí lúc đó, họ vẫn còn bị kết nối với phần thể vĩa cần phải được giữ bỏ. Sau cái chết của con thú, một linh hồn như vậy đôi khi cố ám ảnh một con thú khác cùng bầy, hay thật ra bất cứ một con thú nào khác mà họ có thể bám lấy trong cơn tuyệt vọng.

Tôi từng đề ý là các con thú bị ám ảnh bởi con người một phần hay toàn phần thường hay bị đàn thú xa lánh hoặc sợ hãi, và bản thân chúng cũng thật sự thường bị điên lên vì tức giận và sợ hãi trước việc kỳ quái và trước sự bất lực của chính chúng. Những con thú thường bị ám ảnh có vẻ là những con thú kém phát triển hơn - như con bò, cừu, và lợn. Những con vật thông minh hơn, như chó, mèo, và ngựa, dường như không thể bị trục xuất dễ dàng - mặc dù tôi đã từng bị lôi cuốn bởi một trường hợp đặc biệt rùng rợn của một tu sĩ đạo Chúa đã tự trói buộc mình vào một con mèo theo kiểu như vậy. Rồi cũng có một trường hợp nổi tiếng của con khỉ ở Pandharpur có một kiến thức lạ lùng về nghi lễ của Brahmana. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, linh hồn xâm chiếm phải hài lòng với những gì y có thể đoạt được, vì nỗ lực chế ngự thậm chí những con thú ngu ngốc hơn y cũng thường đòi hỏi một nỗ lực tối đa của y.

Việc ám ảnh loài thú đường như là một hình thức biến hóa hiện nay thay vì một đời sống ghê gớm của ma cà-rồng. Trong thời đại của giống dân thứ tư, những người bám víu điên cuồng vào đời sống thế tục đôi khi tìm cách duy trì một hình thức sống thấp hèn và rùng rợn không thể tả trong chính thể xác của họ bằng cách hút máu tươi của người khác. May mắn thay trong giống dân thứ năm, điều này không còn có thể xảy ra được nữa, nhưng loại người như vậy đôi khi lại rơi vào cạm bẫy của việc ám ảnh loài thú - tất nhiên là cũng đủ tệ, nhưng dù sao vẫn không đến nỗi ghê gớm và đáng kinh hoàng như ma-cà-rồng. Do đó, thậm chí ngay ở phương diện xấu nhất và tệ hại nhất của nó, thế giới vẫn đang tiến bộ!

Tôi có biết hai trường hợp ám ảnh loài thú theo hai kiểu khác nhau: một là câu chuyện của một kẻ độc ác đã chết thường có thói quen tạm thời chiếm giữ cơ thể của một con thú nào đó cho mục đích đen tối đặc biệt của y, và trường hợp thứ hai là chuyện của một tên phù thủy phương Đông, vì trả thù cho việc bị sỉ nhục về niềm tin tôn giáo của y, đã dùng thuật thôi miên để gắn kết linh hồn của nạn nhân bất hạnh của y vào hình thể của một con thú. Điều này chỉ có thể được thực hiện nếu nạn nhân đã sẵn có một vài khuyết điểm nào đó khiến người phù thủy có thể lợi dụng được, ví dụ như họ đã cố tình phạm một lỗi gì đó khiến hần có thể dùng luật nhân quả để

tạm thời giam giữ họ lại. Bình thường, cả hai trường hợp này đều khó có thể xảy ra.

Tất cả những việc ám ảnh, dù là trên cơ thể của con người hay con thú, đều là xấu xa và cản trở sự tiến hóa của người thực hiện việc ám ảnh vì chúng tạm thời củng cố sự bám víu vào vật chất của y và do đó làm trì hoãn tiến trình tự nhiên của y vào đời sống ở cõi trung giới, đồng thời còn gây ra đủ mối liên hệ nhân quả không tốt. Đời sống màu xám này, giống như hầu hết tất cả các nguyên nhân khó chịu khác liên quan đến đời sống sau cửa tử, chỉ có thể xảy ra do sự thiếu hiểu biết về các hoàn cảnh thật sự của cuộc sống đó. Càng tìm hiểu nhiều hơn về sự sống và cái chết, chúng ta càng nhìn thấy rõ hơn trách nhiệm của chúng ta là phải cố gắng thi hành việc truyền bá giáo lý Thông Thiên Học, vì rõ ràng nó đem lại sự sống, an vui và tiến hoá cho mọi người.

NHỮNG CON THÚ ĐÃ CÁ NHÂN HOÁ

Khi một con thú đã cá nhân hóa chết đi, nó sống hạnh phúc ở cõi trung giới khá lâu; trong thời gian đó, nó thường ở ngay khu vực căn nhà cũ của nó ở cõi trần và giữ liên hệ mật thiết với người bạn

và người chủ yếu mến nhất của nó - nó có thể nhìn thấy và hưởng thụ được những giây phút bên cạnh họ, mặc dù nó vô hình đối với họ, nhưng tất nhiên ký ức của nó về quá khứ vẫn hoàn hảo như khi còn ở cõi trần. Sau đó, nó sẽ có một thời gian hạnh phúc hơn nữa, đôi khi được gọi là một tâm thức mộng mị mơ màng, sẽ kéo dài cho đến khi nó lấy được hình thể của loài người ở một thế giới tương lai nào đó. Trong suốt thời gian này, nó ở trong một trạng thái tương tự như một người đang ở cõi trời chân phúc, mặc dù ở một cảnh thấp hơn một chút. Nó tự tạo ra môi trường chung quanh cho riêng nó, mặc dù nó chỉ có thể ý thức được điều này một cách mờ mờ và đương nhiên sẽ bao gồm luôn sự hiện diện của người chủ của nó ở cõi trần, trong tâm trạng tốt nhất và thân thiện nhất của y. Đối với mỗi linh hồn có liên hệ đến cảnh đó, cho dù là họ chỉ vừa mới bước vào quá trình tiến hoá của loài người hoặc đang chuẩn bị vượt qua nó, cõi trời chân phúc là cõi mang lại hạnh phúc tuyệt vời nhất mà thực thể ở trình độ đó có thể đạt được.

KHU VỰC CỦA NHỮNG TRẠNG THÁI CẢM XÚC

Những cảnh ở cõi trung giới có thể được coi như là những khu vực khác nhau, nhưng chỉ ở một mức độ giới hạn. Chất liệu cho mọi trạng thái cảm xúc khác nhau chắc chắn đang bao quanh chúng ta ở nơi đây trên bề mặt của trái đất, và một người còn sống, khi sử dụng thể vía của mình trong lúc thể xác đi ngủ, sẽ tiếp xúc với các chất liệu này cùng một lúc và có thể nhận được ấn tượng từ mọi loại chất liệu. Điều này có nghĩa là, nếu tôi sử dụng thể vía của mình trong khi ngủ để nhìn vào thể vía của một người khác *đang còn sống*, tôi sẽ thấy toàn bộ chất liệu của nó, bao gồm dĩ nhiên tất cả các chất liệu của từng cảnh của cõi trung giới. Tuy nhiên, trong trường hợp của một người bình thường đã chết, chất liệu thể vía của họ sẽ bị sắp xếp lại do tiến trình của một thứ được gọi là loài tinh hoa chất cảm dục, và nói chung, chỉ có một loại chất liệu trung giới có thể tiếp nhận được các ấn tượng từ cảm xúc nơi đó.

Cái mà chúng ta thường hay gọi là “nhìn thấy” ở cõi trung giới thật sự không phải là nhìn thấy, vì từ ngữ này ám chỉ việc sử dụng một cơ quan chuyên biệt hóa để tiếp nhận một vài rung động nhất định. Nhận thức ở cõi trung giới được sắp xếp theo một cơ chế hoàn toàn khác biệt. Người ta thường nói rằng con người có thể “nhìn thấy” bằng bất cứ nơi nào trên thể vía của họ - nghĩa là, mỗi phần tử (particle) của thể vía đều có khả năng tiếp nhận

được ấn tượng cảm xúc từ bên ngoài đưa vào đến tâm thức bên trong - nhưng thật ra mỗi phần tử vốn không có khả năng tiếp nhận tất cả mọi ấn tượng.

Thí dụ, tôi nhận thức được cảm xúc thấp hèn nhất của cõi trung giới do chất liệu thuộc loại cảm xúc đó tồn tại trong thể vía của tôi, và tôi nhận được rung động của nó xuyên qua các phần tử thuộc về loại chất liệu thấp nhất đó đang hiện diện trên bề mặt của thể vía của tôi vào lúc đó. Trong suốt cuộc sống hồng trần, vì tất cả các phần tử của thể vía luôn di động xen kẽ giữa nhau giống như những hạt phần tử của nước sôi, nên đương nhiên các phần tử của mọi hạng chất liệu đều hiện diện trên bề mặt của thể vía, và đó là nguyên nhân tại sao tôi có thể nhìn thấy được toàn bộ các tầng lớp vật liệu khác nhau cùng một lúc. Người bình thường sau khi chết, vì một lý do rất thực tế, chỉ có một loại chất liệu cảm xúc nằm bên trên bề mặt của thể vía do sự sắp xếp của các lớp vỏ đồng tâm; do đó, sự “*nhìn thấy*” của y về thế giới cảm dục chung quanh y vốn thật sự không phải là hoàn mỹ.

Nếu y bị nhốt vào trong lớp vỏ của chất liệu thuộc loại tệ nhất, khi y nhìn vào thể vía của một người khác đang sống, y chỉ có thể thấy được phần chất liệu thuộc loại tệ nhất; tuy nhiên, vì y không có cách nào nhận ra được giới hạn của mình nên chắc chắn y sẽ cho rằng mình đã nhìn thấy được toàn bộ thể vía của người khác, do đó người mà y nhìn thấy

sẽ là một người không có một đức hạnh gì khác ngoài trừ những cá tính khó ưa đang biểu hiện qua chất liệu thuộc về cảnh giới đặc thù đó.

Thật ra, y đang sống giữa các ảnh hưởng cao cả và các hình tư tưởng tốt đẹp, nhưng hầu như y không ý thức được sự tồn tại của chúng bởi vì các phần tử thể vía của y có thể đáp ứng lại với những rung động đó đều bị đóng kín lại ở nơi mà chúng không thể chạm tới. Loại chất liệu trung giới thấp nhất tương sẽ ứng với loại chất liệu đậm đặc nhất của cõi trần, và đối phần trung giới của bất cứ vật thể đặc nào ở cõi trần đều được làm bằng chất liệu thuộc về cảnh thấp nhất của cõi trung giới - loại thứ bảy của chất liệu trung giới, nếu chúng ta đếm các cảnh từ trên đi xuống. Đối phần trung giới của sàn nhà, bức tường, và đồ đạc trong phòng đều thuộc về hạng thấp nhất của chất liệu trung giới, và do đó, người mới chết thường thấy các đối phần này một cách sống động và gần như vô ý thức đối với cả bề đại dương của các hình tư tưởng đang vây quanh y, bởi vì hầu hết những hình tư tưởng đó được cấu tạo từ sự kết hợp của các chất liệu trung giới thuộc loại mịn màng hơn.

Theo dòng thời gian, khi tâm thức từ từ rút vào bên trong thì lớp vỏ của chất liệu thô kệch nhất sẽ teo lại và bắt đầu tan rã, và chất liệu của loại tương đối tốt hơn sẽ được lộ ra trên bề mặt mà qua đó các ấn tượng cảm xúc có thể được tiếp nhận. Vì điều

này từ từ diễn ra, nó có nghĩa là một người sẽ nhận thấy đối phần của các đồ đạc cõi trần ngày càng mờ đi trong khi các hình tư tưởng ngày càng rõ ràng hơn, nên dù họ không cần thiết phải bay lượn trong không gian, họ cũng khám phá ra được mình đang sống ở một thế giới hoàn toàn khác hẳn. Nếu trong lúc quá trình này đang xảy ra mà y gặp lại bạn ở thời điểm đó, y có thể cảm nhận được một điều mà đối với y là một sự cải thiện lớn trong tính tình của bạn - không nhất thiết là bạn đã thay đổi, mà chính là y đã có khả năng cảm nhận được những rung động cao hơn của tính tình đó và đã mất đi khả năng tiếp nhận những rung động thấp kém hơn. Tính tình của bạn vẫn có thể y như cũ, tuy nhiên, đối với người đã chết, từ việc chỉ nhìn thấy được những điểm xấu của bạn, y sẽ từ từ trải qua những giai đoạn cảm nhận khác nhau cho đến khi y tiến đến một giai đoạn mà chỉ có phần tốt nhất và cao thượng nhất của bạn được nhận thấy trong tâm thức của y.

Đây chính là ý nghĩa của việc di chuyển từ một cảnh này sang cảnh khác - một người sẽ đánh mất đi một phần của sự phức tạp kỳ diệu của thế giới cảm xúc và một phần khác của nó sẽ hiện ra trong cái nhìn của y. Rốt cuộc, nó cũng chỉ là sự lặp lại ở một quy mô nhỏ hơn những gì đã xảy ra đối với mỗi người chúng ta khi chúng ta chuyển từ *cõi* này sang *cõi* khác. Toàn thể cõi cảm dục và cõi trí đều hiện diện xung quanh chúng ta hiện giờ và ở nơi đây,

nhưng khi nào tâm thức của chúng ta còn tập trung vào bộ não xác thịt thì chúng ta đều vô ý thức đối với chúng. Khi chết, tâm thức được chuyển sang thể vía và lập tức, chúng ta sẽ nhìn thấy được phần cảm xúc của thể giới chúng ta và đánh mất đi cái nhìn ở cõi trần. Lại nữa, sau khi chúng ta lần lượt mất đi thể vía và sống trong thể trí, chúng ta sẽ ý thức được (dù chỉ một phần) cõi trí của thể giới chúng ta và hoàn toàn mất đi cái nhìn ở cõi trung giới và cõi trần vào lúc này. Cũng như một người đang sống ở cõi trung giới có thể giữ cho các phần tử thể vía của y di chuyển liên tục như chúng đã là như vậy bằng cách chống lại loài tinh hoa chất cảm dục trong suốt đời sống ở cõi trần, một người sống ở cõi trần thực tế cũng có thể tự rèn luyện để đồng thời chỉ huy được tâm thức của thể xác, thể vía, và thể trí. Tuy nhiên, điều này hàm ý một sự tiến hóa khá cao.

Vậy để tóm tắt lại những điều đã được nhắc đến ở trên đây: “hướng lên cao hơn” theo ý nghĩa của tâm linh chỉ là việc nâng cao tâm thức từ một giai đoạn cảm xúc này đến một giai đoạn cảm xúc khác ở cõi trung giới khi chất liệu của thể vía đã bị sắp xếp lại bởi loài tinh hoa chất cảm dục sau khi chết. Trong trường hợp như vậy, tâm thức chỉ có thể hoạt động thông qua chất liệu của lớp vỏ nằm ở ngoài cùng, và vì vậy, lúc đầu người chết sẽ bị giới hạn trong tầm nhìn hạn hẹp của cảnh thấp nhất và do đó chỉ có thể ý thức được cảnh cao hơn khi hầu hết lớp

vỏ của chất liệu thô kệch bên ngoài đã bị hao mòn. Vì vậy, một người như thế trong phần đầu của đời sống sau cửa tử sẽ bị biệt lập khỏi những phần tốt đẹp và dễ chịu nhất của đời sống trung giới, và sau khi y thoát khỏi tình trạng đó, theo một nghĩa nào đó, y có thể được nói là đi “lên cao hơn.”

Một nhà Thông Thiên Học, một người biết rõ về các hoàn cảnh ở cõi trung giới, sẽ tuyệt đối từ chối không cho phép loài tinh hoa chất sắp đặt lại thể vía của mình ngay từ đầu; nếu điều đó xảy ra đối với y trong giây phút y bất tỉnh ngay sau cái chết, những người của chúng tôi sẽ giúp đỡ y lập tức phá vỡ sự sắp xếp của loài tinh hoa chất và khôi phục lại thể vía của y về trạng thái nguyên vẹn của nó như khi còn sống, với tất cả các loại chất liệu của nó hoà lẫn với nhau theo một cách tự nhiên để người chết có thể nhận thức được toàn bộ cõi trung giới thay vì chỉ một phần tâm cảnh của nó. Bằng cách này, đời sống trung giới của y sẽ là hoàn hảo ngay từ lúc đầu, và y có thể hoạt động hữu ích hơn nhiều so với khi tâm thức của y bị giới hạn vào một cảnh cố định nào đó.

Tuy nhiên, như tôi đã giải thích trong *Đời Sống Nội Tâm Quyển I* trong chương về các bầu, thật ra có một sự thật đằng sau ý tưởng về một khu vực riêng liên quan đến các cảnh. Ở đây trên bề mặt của trái đất, chúng ta đang sống trong chất liệu thuộc loại chất đặc, chất lỏng, chất hơi, và chất dĩ thái.

Nhưng người ta cũng đúng khi nói một cách tổng quát rằng chất đặc tạo ra nền tảng cho chất lỏng bên trên nó, và chất hơi nằm ở bên trên hai loại chất liệu kém hơn này. Có một số lượng nhỏ nhất định của chất đặc và một số lượng rất lớn của chất lỏng lơ lửng trong bầu không khí bên trên chúng ta, nhưng nói chung, đúng là khu vực của chất đặc được vạch ra từ bề mặt diện tích của trái đất, và bề mặt bên trên các đám mây vạch ra khu vực của chất lỏng, trong khi khu vực của chất hơi trải dài ra nhiều dặm bên trên đám mây đó, và khu vực của chất liệu dĩ thái còn dang rộng ra xa hơn đó rất nhiều. Vì vậy, mặc dù tất cả các loại chất liệu đều hiện hữu xung quanh chúng ta ở nơi đây, chúng ta vẫn có thể nói rằng, theo một nghĩa nào đó, mỗi loại chất liệu đều có một khu vực riêng của nó, và trong trường hợp của mỗi loại, khu vực của loại chất liệu mịn hơn sẽ dang rộng ra xa hơn một chút từ trung tâm của trái đất so với khu vực thấp hơn ở dưới của loại chất liệu đậm đặc hơn.

Tình trạng tương tự như thế cũng được áp dụng cho chất liệu của cõi trung giới. Tất cả các loại chất liệu của nó đều tồn tại ở đây gần với chúng ta, và phần lớn cư dân ở cõi trung giới dành gần hết cuộc sống của họ ở khá gần bề mặt của trái đất, nhưng khi họ rút vào bên trong và tâm thức của họ chạm vào những hạng chất liệu cao hơn, họ khám phá ra rằng họ có thể bay lên từ bề mặt đó một cách dễ

dàng và tự nhiên hơn so với trước đây, và họ có thể đến những vùng có ít những dòng rung động xáo trộn khó chịu hơn. Có lần sau một loạt các buổi cầu hồn, tôi được tiếp xúc với một người đàn ông đã chết báo với người bạn của tôi rằng, ông thường thấy mình ở độ cao khoảng năm trăm dặm trên bề mặt của trái đất. Trong trường hợp này, người đặt ra câu hỏi là một người hiểu biết về Huyền bí học và do đó biết rõ cách đặt các câu hỏi và hiểu được những thí nghiệm của người bạn của y ở phía bên kia một cách rành rẽ và khoa học, nên lời tuyên bố của người bạn anh ấy có thể khá chính xác.

Những chất liệu mịn hơn của cõi trung giới gần như vươn dài đến tận quỹ đạo của mặt trăng, do đó nó có cái tên gọi mà người Hy Lạp đã gán cho nó: thế giới dưới mặt trăng (the astral plane). Thật vậy, vì ranh giới của cõi trung giới gần như trùng khớp với quỹ đạo của mặt trăng, nên lớp vỏ trung giới của mặt trăng và của trái đất thường tiếp cận nhau ở điểm cận địa (perigee), nhưng không phải ở điểm viễn địa (apogee). Vì vậy, tôi biết có một trường hợp của một người đã chết sau khi lên được mặt trăng nhưng không thể quay trở lại địa cầu được. Đó là vì dòng chảy liên tục của chất liệu trung giới đã làm cho y bị rớt lại ở trên mặt trăng - thủy triều không gian đã chảy vào giữa lúc đó, và y phải đợi cho đến khi sự liên hệ được tái lập bởi sự tiếp cận của vệ tinh (mặt trăng) và trái đất.

HOÀN CẢNH CỦA ĐỜI SỐNG Ở CỖ TRỜI CHÂN PHÚC

Điểm khó khăn chính trong việc hiểu rõ về các hoàn cảnh ở cõi trời chân phúc xuất phát từ thói quen lâu ngày của chúng ta là suy nghĩ về phạm ngã giống như là một con người thật. Nếu hai người bạn bị ràng buộc bởi mối quan hệ tình cảm, chúng ta phải nhớ rằng sự ràng buộc là giữa linh hồn chứ không phải hình thể - rằng họ là bạn với nhau bây giờ trên trái đất này bởi vì họ đã từng biết và thương yêu nhau trong hai hình thể khác có lẽ từ mấy ngàn năm về trước. Sự kiện đó thu hút thể xác của họ đến với nhau ở cõi trần này, nhưng nó không giúp cho họ hiểu nhau nhiều hơn ngoài khả năng cho phép của cơ thể vật lý của họ, và hơn nữa, mỗi người đều có ba lớp màn che dày đặc trong hình dạng của thể trí, thể vía, và thể xác để che giấu con người thật sự của họ đối với người kia.

Khi một trong hai người họ chết đi, y sẽ chuyển đến cõi trung giới, và nơi đó y sẽ giáp mặt với người bạn còn sống của y trong giấc ngủ của họ. Ngay cả lúc đó, y có thể nhìn thấy rõ ràng hơn một chút về người bạn của y so với trước kia, bởi vì đối với mỗi người khi ngủ, lớp màn che dày đặc nhất trong 3 lớp

đã được rút khỏi họ. Người chết vẫn chỉ giao tiếp với phạm ngã của người bạn của y, và do đó, nếu có một sự đau buồn lớn nào đó xảy ra trong đời sống còn tỉnh của người bạn đó, nó nhất định sẽ được phản ánh trong tình cảm của y và người chết có thể nhận thức được nó. Vì đời sống khi tỉnh và khi ngủ của chúng ta trên thực tế chỉ là một, nên trong giấc ngủ, chúng ta vẫn có thể nhận thức được điều này và có một ký ức liên tục về cả hai đời sống. Vì vậy, bạn sẽ thấy rằng thể vía của người bạn còn sống (mà người chết đang giao tiếp) là thể vía của phạm ngã, và do đó y sẽ hoàn toàn ý thức được chuyện gì đang xảy ra với phạm ngã đó.

Khi y đến cõi trời chân phúc thì tất cả điều này đều bị thay đổi. Người chết lúc ấy đang làm việc với thể trí của mình - vẫn là cái thể trí mà y đã từng dùng trong kiếp sống hồng trần vừa qua; nhưng ở đây, y sẽ không gặp được thể trí mà người bạn của y đang sử dụng ở cõi trần. Ngược lại, người chết bằng chính tư tưởng của mình sẽ tạo cho người bạn một thể trí hoàn toàn khác biệt, và chính linh hồn của người bạn sẽ dùng nó để biểu lộ sự sống của họ từ chính cõi của linh hồn và từ nhân thể. Đây là một cơ hội bổ sung vào đời sống trí tuệ của người bạn, và nó hoàn toàn khác hẳn với đời sống trần tục của phạm ngã (của người bạn) về mọi mặt.

Một người không thể nào sử dụng hơn một thể xác, nhưng y có thể làm linh hoạt cùng một lúc bất

cứ hình tư tưởng nào mà người khác tạo ra cho y ở cõi trí trong khoảng thời gian họ sống ở cõi trời chân phúc. Tôi nghĩ rằng việc hiểu lầm về sự kiện này đã khiến cho vài người nghĩ rằng có nhiều cơ thể (*do linh hồn có nhiều thể trí để biểu lộ*) có thể là hiện thân của một người.

Vì vậy, bạn sẽ thấy rằng bất kỳ nỗi buồn hoặc phiền não nào xảy ra cho phạm ngã của một người đang sống và có thể ảnh hưởng đến thể trí của y sẽ không ảnh hưởng một chút nào đến hình tư tưởng của thể trí mà linh hồn y đang sử dụng như là một thể trí thứ hai. Nếu trong biểu hiện đó, y biết được tất cả những nỗi buồn hoặc lo âu này, y sẽ coi chúng từ quan niệm của nhân thể - nghĩa là, chúng không phải là một sự phiền muộn hoặc lo âu đối với y, mà chỉ là một bài học hoặc một sự tác động của một nghiệp quả nào đó. Y hoàn toàn không có một ảo tưởng gì từ tầm nhìn này, bởi vì y nhìn thấy vấn đề đó như nó thật sự là từ quan điểm của linh hồn ở ngay tại cõi của nó. Ảo tưởng là do từ quan niệm của phạm ngã, bởi vì chúng ta chỉ thấy phiền muộn hoặc khó khăn mà trên thực tế chỉ là những nấc thang trên con đường tiến hoá của chúng ta.

Hai người bạn có thể hiểu biết về nhau nhiều hơn ở cõi này vì mỗi người chỉ còn có một tấm màn che duy nhất - đó là thể trí phủ lên chân ngã của y, nhưng dù sao đi nữa nó vẫn là một bức màn che. Nếu người chết chỉ biết về một phương diện của

người bạn của mình khi còn sống thì chỉ qua phương diện đó mà người bạn mới có thể tự biểu lộ ở cõi trời chân phúc. Họ có thể biểu hiện nhiều hơn về khía cạnh đó một cách đầy đủ và thoải mái hơn khi trước, nhưng phần lớn họ vẫn bị kẹt chỉ có thể biểu lộ trong phương diện đó. Tuy nhiên, nó vẫn là một biểu hiện đầy đủ hơn so với cái mà người chết có thể thấy được ở những cõi thấp hơn. Y không phải quên đi cái thứ gọi là đau khổ vì y nhớ rất rõ kiếp sống vừa qua của mình, nhưng giờ đây y đã hiểu thêm nhiều thứ vốn không rõ rệt đối với y khi còn ở cõi trần, và niềm vui hiện tại quá lớn đối với y đến nỗi sự phiền muộn dường như chỉ là một giấc mộng mà thôi.

Có người hỏi rằng bằng cách nào chúng ta khi còn ở cõi trần có thể tiếp chuyện được với những bạn của chúng ta ở cõi trời chân phúc; nếu ý bạn ám chỉ phạm ngã của chúng ta, nó không thể nói chuyện được với các người bạn của chúng ta ở cõi trời chân phúc. Linh hồn thật ra có thể làm được việc đó như chúng tôi đã nói, nhưng chúng ta đều không biết gì về điều này khi còn sống trong các bức màn che phủ của phạm ngã.

Thí dụ, có một người mẹ là con chiên ngoan đạo đã chết đi, bà rất thương yêu đứa con gái của mình, và sau khi người mẹ đã đến cõi trời chân phúc, người con gái lại hết lòng hướng về Thông Thiên Học. Người mẹ vẫn tiếp tục tưởng rằng con

gái của mình là một con chiên ngoan đạo (Công giáo) thuần túy; không phải như vậy là bà ta đang sống trong một ảo tưởng hay sao? Đúng thế, bởi vì đây là một trong những giới hạn có thể xảy ra mà tôi đã nhắc đến trước đây. Nếu người mẹ có thể nhìn thấy được các tư tưởng của cô con gái như có thể được diễn đạt bằng lời thông thường, dĩ nhiên sẽ có những điểm trong những điều tiết lộ mới lạ đến với cô con gái mà người mẹ sẽ khó lòng nắm được. Nhưng đối với những gì mà *linh hồn* của cô con gái có thể học được từ phạm ngã của cô ta, cô sẽ có khuynh hướng từ từ khai mở và cải thiện quan niệm của người mẹ, nhưng lúc nào cũng theo đường lối mà người mẹ đã quen. Họ sẽ không có một sự bất đồng ý kiến nào và không có sự tránh né bàn luận về các chủ đề tôn giáo.

Bạn nên hiểu rằng tôi đang nói về trường hợp của một người bình thường; trong trường hợp của một người tiến hóa hơn, một người đã hoàn toàn thức tỉnh trong nhân thể, y sẽ đặt mình một cách có ý thức vào hình tư tưởng được cung cấp cho y bởi người bạn ở cõi trời chân phúc như đi vào thêm một thể trí khác và làm việc trong đó với một mục đích rõ rệt. Vì vậy, nếu một người như vậy có biết thêm kiến thức, y có thể chuyển đạt nó một cách trực tiếp và cố ý với người bạn của mình. Theo cách này mà các vị Chân Sư làm việc với các vị đệ tử của họ nếu

họ chọn sống ở cõi trời chân phúc và muốn cải thiện cá tính của họ một cách đáng kể.

Hoàn cảnh của một người ở cõi trời chân phúc lệ thuộc vào *sức mạnh tinh thần* của bản thân họ. Giữa hai người cùng một trình độ hay một Cung với nhau, người có đời sống tinh thần cao hơn đương nhiên sẽ ở lại lâu hơn; tuy nhiên, nên lưu ý rằng sức mạnh đó có thể được sử dụng nhanh hơn hoặc chậm hơn tùy theo tiêu chuẩn tiến hoá của mỗi người. Những người đã chọn làm việc tận tụy cho các Đấng Cao Cả và do đó nhân loại (thông qua các Ngài) sẽ có khả năng có những trải nghiệm khác đi đôi chút so với người bình thường. Rõ ràng là từ nhiều thiên niên kỷ trước, các Chân Sư của chúng ta đã thành lập một nhóm người phụng sự và trợ tá đặc biệt từ những người tình nguyện cống hiến đời mình cho những công việc như vậy, và Họ dùng tập thể này như là một đoàn tiên phong được gửi đi đến bất cứ nơi nào có nhu cầu cần thiết cho các công việc đặc biệt thuộc loại này.

Những người từng đọc qua các kiếp sống của Alcyone⁸ được ấn hành trong *Nhà Thông Thiên Học* sẽ nhận ra rằng người hùng trong câu chuyện tuyệt vời đó là một thành viên của đoàn thể này - hay nói đúng hơn là một trong các đoàn thể như vậy; vì nguyên nhân này nên chúng ta thấy cùng một đoàn

8 Biệt danh của Krishnamurti, tác giả “Dưới Chân Thầy.”

người như vậy sẽ liên tục xuất hiện cùng với nhau khắp mọi nơi hết lần này qua lần khác trong các kiếp đầu thai liên tiếp của họ. Rõ ràng là trong một tập thể lên đến cả trăm người, họ phải có những lối rẽ khác nhau; sẽ có một số trong nhóm họ có khả năng tạo ra các lực lượng tinh thần mạnh hơn người khác, và nghiệp lực của họ đương nhiên cũng sẽ đưa họ vào các môi trường khác nhau, nhưng một sự thật tuyệt vời là lòng phụng sự tận tụy của họ sẽ lấn át hết mọi yếu tố khác và đưa họ đến với nhau để họ có thể được sử dụng như là một tập thể.

Bạn hãy tin rằng không có một sự bất công nào trong việc này và không có một người nào trong số họ, vì lý do này hoặc lý do kia, có thể trốn tránh được bất cứ một nghiệp quả nào thuộc về họ một cách hợp lý. Thật ra, những người hiến mình để phụng sự thường phải chịu đau khổ khá nhiều trong quá trình phụng sự - đôi khi là vì nhu cầu họ cần phải thanh toán nhanh chóng các nghiệp quả từ quá khứ hầu họ có thể tự do làm các công việc cao cả mà không bị cản trở bởi chúng; hoặc trong các trường hợp khác, có thể vì công việc mà họ phải làm từ kiếp này qua kiếp khác khiến họ không thể nào trả được các nghiệp báo lẽ ra phải đến với họ, và như thế một số nghiệp quả đáng kể được tích trữ có thể sẽ rót trên người họ cùng một lúc trong một cơn đại nạn thảm khốc. Những ví dụ của hai phương

pháp trả quả này có thể được tìm thấy trong các kiếp sống của Alcyone.

Trong trường hợp của hầu hết nhân loại, không có một sự can thiệp nào đến từ bên ngoài, và đời sống ở cõi trời chân phúc sẽ diễn ra tự nhiên theo bất kỳ tốc độ nào được cho là bình thường đối với họ. Dĩ nhiên, diễn tiến của khoảng thời gian này có khác nhau dựa trên sự khác nhau giữa cường độ ánh sáng của thể trí - nó toả ra sáng hơn hay mờ hơn. Người tiến hoá hơn, nhất là nếu y ôm hoài bão phụng sự trước mắt, thường tạo ra nhân quả ngay trong đời sống ở cõi trời chân phúc và do đó, y có thể điều chỉnh thời gian của nó ngay trong lúc nó đang diễn ra.

Đúng là Bà Blavatsky có tuyên bố trong *Chìa Khóa Thông Thiên Học (Key to Theosophy)* là một người theo chủ nghĩa duy vật không thể nào có được một đời sống ở cõi trời chân phúc, vì khi ở cõi trần, y không hề tin vào bất cứ một điều gì như thế; nhưng có thể là bà đã dùng danh từ duy vật theo một ý nghĩa khắt khe hơn nó thường được dùng, vì trong cùng bộ sách đó, bà cũng khẳng định rằng họ không thể có một đời sống có ý thức sau khi chết, trong khi những người làm việc ở cõi trung giới vào buổi tối đều biết rằng có nhiều người mà chúng ta thường gọi là những người theo chủ nghĩa duy vật thường có mặt ở đó, và chắc chắn là họ không bất tỉnh.

Chẳng hạn, một nhà theo chủ nghĩa duy vật nổi tiếng quen thân với một trong các hội viên của chúng tôi không lâu trước đây đã được bạn y nhìn thấy y ở cảnh cao nhất của cõi trung giới, nơi mà y ôm một đồng sách và tiếp tục nghiên cứu như y vẫn thường hay làm ở cõi trần. Khi bị chất vấn bởi người bạn, y thành thật công nhận rằng những lý thuyết mà y tin chắc bấy lâu ở cõi trần đã bị phản bác bởi các sự thật không thể chối cãi được, nhưng xu hướng chủ nghĩa duy vật của y vẫn còn đủ mạnh để làm cho y không thể chấp nhận được những gì người bạn của y nói về sự hiện hữu của một trạng thái tinh thần cao hơn ở cõi trời chân phúc. Tuy nhiên, chắc chắn rằng trong nhân cách của người đàn ông này có đủ nhiều điểm để y có thể tồn tại ở cõi trời chân phúc, vì sự hoài nghi của y đối với đời sống sau khi chết vẫn không cản được sự trải nghiệm của y ở cõi trung giới, nên không có lý do gì để chúng ta cho rằng nó có thể cản trở được sự biểu lộ của các sức mạnh cao hơn trong y ở cõi trí.

Ở dưới đây, chúng tôi liên tục khám phá ra rằng tạo hóa không hề tha thứ cho sự thiếu hiểu biết của chúng ta về các định luật thiên nhiên; nếu một người nghĩ rằng lửa không thể đốt cháy, y đưa tay của mình vào ngọn lửa và sẽ nhanh chóng được thuyết phục là y đã sai. Theo cách tương tự, một người không tin vào luật luân hồi không thể ảnh hưởng đến sự thật của tạo hoá, và ít nhất trong vài trường

hợp, y sẽ đơn giản khám phá rằng y đã sai sau khi chết. Loại chủ nghĩa duy vật mà Bà Blavatsky đề cập đến có lẽ là một thứ gì đó thô thiển và thậm tệ hơn thuyết vô thần bình thường - một thứ gì đó khiến người nhất quyết ôm chặt nó không thể sở hữu được một đức tính gì mà cần đòi hỏi một đời sống ở cõi trời chân phúc để giải quyết nó; tuy nhiên, chúng tôi chưa từng quan sát được một trường hợp nào như vậy.

NHÂN QUẢ CỦA ĐỜI SỐNG Ở CÔI TRỜI CHÂN PHÚC

Trong những ngày đầu học Thông Thiên Học, chúng tôi đã được chỉ dạy để coi mọi cõi trừ cõi trần là sân trường của hậu quả chứ không phải là của nguyên nhân. Người ta cho rằng con người sẽ dành phần lớn kiếp sống của y ở cõi trần để tạo nghiệp, rồi phần còn lại của đời sống của y ở cõi trung giới và cõi trí để giải quyết nó, và một đề nghị là con người còn có cách khác để tạo thêm nghiệp, thậm chí ở cõi trung giới, được coi gần như là dị thuyết.

Sau nhiều năm trôi qua và sau khi một số người trong chúng tôi đã có thể tận mắt quan sát các hoàn cảnh ở cõi trung giới, chúng tôi thấy rõ rằng ý nghĩ này là sai lầm, vì rõ ràng chúng tôi có thể hoạt động

ở cõi đó để thực hiện các công việc khác nhau và tạo ra những kết quả có tầm ảnh hưởng lớn lao. Chúng tôi cũng sớm nhận thấy rằng, không phải chỉ có người còn giữ liên hệ với thể xác mới có thể tạo ra những thành tích này mà bất cứ người nào khác đã vứt bỏ thể xác cũng có khả năng đó. Chúng tôi thấy rằng bất cứ người tiến hoá nào cũng đều hoạt động tích cực về mọi mặt khi còn tồn tại, cho dù đó là ở cõi trung giới sau khi họ chết hoặc ở cõi trần trước đó, và chắc chắn là họ có thể giúp đỡ hoặc cản trở không chỉ sự tiến hóa của họ mà của người khác sau khi chết cũng như trước đó; vì vậy, họ luôn tạo ra nghiệp quả có tầm ảnh hưởng lớn lao.

Quan điểm đổi mới này về các hoàn cảnh sau khi chết dần dần cũng được đưa vào văn học của chúng ta, và hiện giờ nó có thể được coi là đã được tất cả các nhà Thông Thiên Học chấp nhận. Nhưng nhiều năm sau khi chúng tôi đã thay đổi những quan niệm sai lầm của mình về vấn đề quan trọng này, chúng tôi vẫn còn giữ ý nghĩ rằng, ít nhất tại cõi trời chân phúc, con người không thể làm gì khác hơn ngoài việc tận hưởng những kết quả mà y đã tạo ra cho bản thân trong các giai đoạn của kiếp sống vừa qua. Nói chung, điều này là đúng đối với một người bình thường, mặc dù chúng ta không phải lúc nào cũng nhận ra rằng ngay cả trong quá trình tận hưởng đó, cư dân ở cõi trời chân phúc vẫn đang ảnh hưởng đến nhau và do đó vẫn tạo ra nghiệp quả.

Một người đã thành công nâng cao tâm thức của mình lên đến cấp độ của nhân thể đã thống nhất hai ngã thức cao hơn và thấp hơn (để dùng danh từ cũ), và đối với y, những lời tuyên bố được đưa ra đối với một người bình thường dĩ nhiên sẽ không được áp dụng. Một người như vậy ý thức được *linh hồn* của mình trong suốt cuộc sống hồng trần của y, và nó hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi cái chết của thể xác hoặc thậm chí bởi cái chết thứ nhì hoặc thứ ba khi thể vía và thể trí sẽ bị loại bỏ theo thứ tự. Đối với y, cả một chuỗi thay đổi các lớp áo (dẫn thể) đó chỉ là một đời sống rất dài, và điều mà chúng ta gọi là “*chuyển thể*” đối với y chỉ là một ngày trong cuộc sống đó. Trong suốt quá trình phát triển, tâm thức của y hoàn toàn tỉnh thức và đương nhiên nó có nghĩa là y đang tạo nghiệp ở giai đoạn này cũng như ở các giai đoạn khác, và trong khi ở bất cứ giây phút nào hoàn cảnh của y cũng là kết quả của những nguyên nhân mà y đã gieo ra trong quá khứ, không có một khoảnh khắc nào mà y đang không sửa đổi hoàn cảnh của mình bằng cách rèn luyện tư tưởng và ý chí cho thật vững.

Hiện nay, những người đạt được trình độ này rất hiếm, nhưng có những người khác sở hữu khả năng này ở trình độ kém hơn. Sau khi đã trải qua đời sống ở cõi trung giới và cõi hạ trí, mỗi người sẽ có một phút hồi quang phản chiếu của linh hồn và lúc đó y sẽ nhìn thấy được toàn bộ kiếp sống vừa

qua của mình và rút tĩa được một ấn tượng về sự thành công hoặc thất bại của mình trong kế hoạch mà linh hồn đã quyết định thực hiện; đồng thời, y cũng có một dự báo về kiếp sống tương lai của mình với một ý niệm bao quát về bài học mà nó sẽ dạy cho y hoặc về một tiến bộ nhất định nào mà linh hồn muốn đạt được trong kiếp đó. Linh hồn chỉ có thể bắt đầu ý thức được giá trị của những cái nhìn thoáng qua này một cách rất chậm chạp, nhưng khi y hiểu được chúng thì y tự nhiên sẽ bắt đầu sử dụng chúng.

Cứ như vậy, bằng những bước tiến bộ nhỏ đến nỗi khó có thể nhận ra được, y sẽ đạt đến một giai đoạn tiến hoá mà cái nhìn thoáng qua này sẽ không còn chỉ là tạm thời nữa. Lúc đó, y có thể cân nhắc nó một cách tỉ mỉ hơn và đầu tư thời gian vào các kế hoạch cho kiếp sống đang trải dài ra trước mắt. Tâm thức của y sẽ từ từ gia tăng và y sẽ có một đời sống giá trị hơn ở các *cảnh cao hơn* của cõi trí mỗi lần y chạm đến chúng. Khi y đạt được đến giai đoạn này, y sẽ nhanh chóng khám phá ra rằng y là một trong vô số các linh hồn khác, và y có thể làm một điều gì đó với cuộc sống của mình khi ở chung với họ ngoài việc vạch ra kế hoạch tương lai cho chính mình. Y có thể thật sự sống một cuộc đời tỉnh thức ở đó với những người ngang vai vế với y, và trong quá trình đó, y sẽ ảnh hưởng họ bằng nhiều cách và ngược lại cũng bị họ ảnh hưởng. Do đó, đây là một khả năng

tạo nghiệp - và tạo nó ở một quy mô ngoài tầm với của y ở các cõi thấp hơn, vì mọi tư tưởng ở các cảnh cao hơn của cõi trí có một sức mạnh thực tế vượt rất xa sức mạnh của tư tưởng hạn hẹp của chúng ta ở cõi trần.

Cái mà tôi đang nói ở đây hoàn toàn khác với một tâm thức đã đạt được sự hợp nhất giữa hai ngã thức cao hơn và thấp hơn. Khi kỳ tích đó được sở đắc, tâm thức của con người luôn cư ngụ trong chân ngã, và từ chân ngã, nó có thể hoạt động qua *bất cứ* dẫn thể nào mà người ấy đang sử dụng trong lúc đó. Tuy nhiên, trong trường hợp của một người chưa đạt đến sự hợp nhất này, tâm thức của linh hồn chỉ có thể hoạt động ở cõi của nó khi y không còn bị cản trở bởi bất cứ dẫn thể nào thấp hơn, và nó chỉ tồn tại cho đến khi y tự đưa mình xuống một lần nữa để tái sinh, vì ngay sau khi y nhận lấy một dẫn thể thấp hơn thì tâm thức của y trong thời gian đó chỉ có thể biểu hiện qua *đúng* dẫn thể đó.

Ngoài tâm thức hoàn hảo của linh hồn, có những giai đoạn phát triển khác nhau cần được lưu ý. Một người bình thường ở ngoài đường thường không có một tâm thức rõ ràng và đáng tin tưởng ở các cõi khác ngoại trừ ở cõi hồng trần. Thể vía của y có thể đã phát triển đầy đủ và thật sự có thể được dùng như một dẫn thể độc lập theo mọi cách và bất cứ cách nào; tuy nhiên, có lẽ y không quen sử dụng nó và vì vậy, những trải nghiệm của y ở cõi trung

giới thường mang một tính chất mơ hồ và không rõ ràng. Đôi khi, y có thể nhớ lại rất rõ về một trong các số trải nghiệm đó, nhưng nói chung, thời gian đi ngủ của thể xác là một khoảng trống đối với y.

Giai đoạn tiếp theo giai đoạn này là sự phát triển từ từ của thói quen sử dụng thể vía, theo thời gian sẽ được kết liền với một số hồi ức về những gì y đã làm trong khi y hoạt động trong nó. Phần kết của giai đoạn này là sự khai mở tâm thức của thể vía, mặc dù điều này thường chỉ xảy do kết quả của các nỗ lực cụ thể của việc hành thiền. Khi đạt được sự khai mở này, tâm thức con người sẽ là liên tục suốt ngày và đêm cho đến cuối cuộc sống ở cõi trung giới, và nhờ vậy, y tránh được sự gián đoạn tạm thời của tâm thức sau khi bỏ lại thể xác.

Giai đoạn tiếp theo sau - thường là một giai đoạn khá lâu - là sự phát triển tâm thức của thể trí, và khi điều này được thực hiện, mỗi phàm ngã sẽ có ý thức liên tục từ khi chào đời cho đến cuối kiếp sống của nó ở cõi trời chân phúc. Nhưng ngay cả lúc đó, nó chỉ là tâm thức của phàm ngã chứ không phải là của chân ngã, vì còn một bước nữa cần phải được thực hiện trước khi sự hợp nhất có thể xảy ra.

Rõ ràng những người đã đạt được đến bất cứ giai đoạn tiến hoá nào của tâm thức trên đây đều đang tạo nghiệp cùng với sự mở rộng tâm thức của họ; tuy nhiên, chuyện gì đang xảy với một người bình thường, một người chưa thành công ngay cả

đến việc kết nối tâm thức giữa cõi trung giới với cõi trần? Ngay cả trong lúc y đang làm bất cứ việc gì ở cõi trung giới khi đi ngủ, y nhất định đang tạo nghiệp. Thậm chí, nếu y có một tình thương hoặc một tình yêu mù quáng đối với vài người đặc biệt nào đó và đến với họ trong giấc ngủ với những ý niệm thân thiện mơ hồ, y chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến họ ở một mức độ nào đó, và ảnh hưởng này sẽ là một điều tốt. Do đó, y cũng không thể tránh khỏi sự phản hồi ngược lại trên bản thân mình, đây cũng là một điều tốt. Việc này cũng xảy ra nếu cảm xúc đó không may là một ác cảm hay một sự căm thù, và kết quả đối với y trong trường hợp đó không khác gì hơn là một sự đau khổ.

Sau khi chết, khi y chỉ sống hoàn toàn trong thể giới cảm dục, tâm thức của y thường rõ hơn so với trước kia trong lúc đi ngủ, nên y tương đối có thể suy nghĩ và làm việc với mục đích rõ ràng hơn đối với người khác và do đó có nhiều cơ hội hơn để tạo ra thiện nghiệp hoặc ác nghiệp. Tuy nhiên, khi một người như vậy kết thúc đời sống ở cõi cảm dục và chuyển qua cõi trời chân phúc, y đi đến một trạng thái mà hành động không còn là một khả năng nữa đối với y. Khi còn sống, y đã khuyến khích thể trí hoạt động theo vài đường lối nhất định, nên hiện giờ khi y sống hoàn toàn trong thể trí, y sẽ thấy như mình bị nhốt lại ở trong một tòa tháp cao cách ly với thể giới xung quanh và chỉ có thể nhìn từ đó ra

ngoài qua những ô cửa sổ đã được mở ra nhờ những hoạt động trí thức trước đây của y.

Qua các cửa sổ đó, các lực mạnh mẽ của cõi đó tác động lên y; y đáp lại chúng và hưởng thụ một đời sống thật vui tươi nhưng vẫn bị hạn chế theo các lối đó. Tuy nhiên, mặc dù y không thể hưởng thụ trọn vẹn các khả năng của thế giới cõi trí, nhưng chúng ta cũng không nên cho rằng y ý thức được một chút gì về sự hạn chế của các hoạt động hoặc cảm xúc của y. Trái lại, y có đầy niềm hạnh phúc đến mức tối đa mà y có thể tiếp nhận được, và y không thể nào tưởng tượng được còn có một niềm vui nào lớn hơn hạnh phúc mà y đang trải nghiệm. Đúng, y đã tự giam mình trong các giới hạn nhất định, nhưng y lại hoàn toàn vô ý thức đối với chúng; y có tất cả những gì y mong mỏi hoặc suy nghĩ trong các giới hạn này. Y tự bảo bọc mình với hình ảnh của tất cả người bạn của y để thông qua các hình ảnh đó, y thực sự có được mối liên hệ mật thiết với họ hơn bao giờ hết so với bất cứ ở cõi nào khác.

Như vậy, chúng ta hãy xem khả năng tạo nghiệp của y trong đời sống có giới hạn kỳ lạ này là gì - giới hạn, chúng ta phải nhớ, chỉ từ quan điểm của cõi trí, vì theo cách đặc biệt của nó, khả năng của nó thật sự mạnh mẽ hơn cõi trần rất nhiều. Một người dưới các điều kiện này *không* thể nào bắt đầu một đường lối mới về tình thương hoặc lý tưởng phụng sự, tuy tình thương hoặc lòng phụng sự theo

các đường lối cũ mà y đã quyết định chắc chắn sẽ mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì chúng có thể là khi y phải làm việc dưới các giới hạn nặng nề của thể xác.

Một người bình thường như chúng tôi đã mô tả hoàn toàn không có ý thức gì đối với hạn chế của mình và vô tình đang tạo ra ba nghiệp quả riêng biệt trong suốt đời sống của y ở cõi trời chân phúc. Chúng ta hãy lấy ví dụ về cảm xúc của tình thương. Y thương yêu một số bạn bè, và có thể rằng ngay sau khi y chết, số bạn hữu đó vẫn còn thương nhớ đến y với lòng triu mến, và vì vậy hồi tưởng về y sẽ tạo ra một ảnh hưởng ngay trên *phàm ngã* của các người bạn. Tuy nhiên, hoàn toàn không liên quan đến điều này là ảnh hưởng mà tôi đã đề cập ở trên – là y tạo ra một hình tư tưởng cho mỗi người bạn, và bằng cách này thu hút một phản ứng mạnh mẽ từ linh hồn của người bạn đó. Tình thương mà y tuôn tràn vào linh hồn đó (biểu lộ qua hình tư tưởng mà y tạo ra cho họ) là một thiện lực to tát, nó đóng một vai trò không nhỏ trong sự tiến hoá của linh hồn đó. Nó gọi lên trong họ một lực tình thương mà nếu không, có lẽ sẽ không bao giờ được kích thích trong người đó, và sự tăng trưởng đều đặn của phẩm chất tuyệt vời đó trong đời sống thiên đàng khoảng mấy trăm năm sẽ nâng người bạn đó lên một cấp đáng kể trên nấc thang tiến hoá. Để làm được điều này cho một linh hồn khác chắc chắn là một hành động tạo

ra nghiệp lực, mặc dù người huy động bộ máy này đã làm việc một cách vô ý thức.

Đôi khi, tác động của một lực như vậy trên linh hồn của người bạn còn sống có thể biểu lộ bản chất của nó ngay cả trên phạm vi của người bạn đó ở cõi trần. Tác động như vậy trên linh hồn được hình thành qua một hình tư tưởng đặc biệt, nhưng vì phạm vi của người bạn vẫn còn đang sống trên thế giới này là biểu hiện của linh hồn đó, nên nếu linh hồn đó được cải thiện một cách đáng kể thì ít nhất sự sửa đổi đó có thể biểu lộ trong vật chất ở cõi thấp hơn ở dưới đây. Người ta có thể hỏi tại sao một tư tưởng của một người ở cõi trời chân phúc không thể tác động lên bạn mình giống như hình tư tưởng của một người còn đang sống - tại sao những rung động gửi đi từ thể trí của y không thể tác động thẳng lên thể trí của người bạn, và tại sao nó không thể tạo ra một hình tư tưởng đi xuyên qua không gian và bám vào người bạn của mình theo cách bình thường. Nếu y đang di chuyển tự do và có ý thức ở cõi trí thì điều này sẽ xảy ra đúng như vậy, nhưng lý do mà nó không làm được như vậy là vì hoàn cảnh đặc biệt của người ở cõi trời chân phúc.

Một người ở cõi trời chân phúc thường hoàn toàn khép kín bản thân mình với phần còn lại của thế giới - ở cõi trí cũng như ở những cõi thấp hơn, và như vậy y đang sống trong một lớp vỏ tư tưởng của chính mình. Nếu tư tưởng của y có thể đến với

chúng ta theo cách thông thường thì tư tưởng của chúng ta cũng đến với y theo cách tương tự, nhưng chúng ta biết rằng nó không phải là như vậy. Hình tư tưởng mà y tạo ra về bạn mình nằm trong cái vỏ đó, do đó y có thể tác động lên nó; và vì linh hồn người bạn đã tuân sự sống xuống cho hình tư tưởng đó nên sức mạnh đến với linh hồn người bạn cũng phải qua cách đó, và như chúng tôi đã nói, từ linh hồn người bạn, nó có thể tự biểu lộ ở một mức nào đó ngay cả lên phạm ngã của người bạn ở cõi dưới đây. Lớp vỏ của chất liệu cõi trí cũng giống như vỏ trứng ở cõi trần. Cách duy nhất để đưa bất kỳ thứ gì vào bên trong vỏ trứng đó mà không làm vỡ nó là đổ vào nó từ chiều đo thứ tư, hay tìm ra một lực mà rung động của nó phải đủ thanh nhẹ để thấm qua giữa các phân tử của cái vỏ mà không ảnh hưởng đến chúng. Điều này cũng được áp dụng vào lớp vỏ tư tưởng, nó không thể bị thâm nhập bởi bất kỳ rung động của chất liệu nào cùng cấp độ với nó, nhưng những rung động thanh nhẹ hơn thuộc về linh hồn có thể đi xuyên qua nó mà ít nhất không làm hại đến nó, để nó có thể được tác động từ bên trên đi xuống một cách tự do nhưng không thể nào từ bên dưới đi lên.

Hình tư tưởng được tạo ra bởi người chết có thể được coi như là một thể trí nhân tạo thứ hai, được tạo ra với tình thương tuân vào trong đó và đưa đến người bạn. Phạm ngã của người bạn ở dưới đây

không biết gì về điều này, nhưng linh hồn của người bạn đó hoàn toàn ý thức được điều này và y lao mình vào trong đó một cách sẵn sàng và vui vẻ, biết được rằng đây tình cờ là một cơ hội cho y biểu hiện thêm và do đó phát triển. Từ điều này, nó có nghĩa là một người biết làm cho mình trở nên dễ thương - một người thực sự có nhiều bạn bè - sẽ tiến hoá nhanh hơn nhiều so với một người bình thường, và một lần nữa, điều này rõ ràng là nhân quả của sự phát triển các phẩm chất bên trong một người để làm cho y thật đáng mến.

Và đó là kết quả trực tiếp của hành động của y trên những cá nhân khác; tuy nhiên, còn có hai khía cạnh khác của tác động này không nên được bỏ qua. Khi một người tuân xuống một cơn lũ tình thương như vậy và chiêu cảm những cơn lũ khác từ sự đáp ứng của bạn bè, rõ ràng là y đang cải thiện môi trường thể trí chung quanh mình. Đó là một điều tốt cho thế giới và nhân loại đang cùng nhau phát triển trong một bầu không khí trong lành như vậy, vì các tư tưởng tốt lành sẽ ảnh hưởng lên tất cả các cư dân ở đó - thiên thần, con người, động vật, cây cối - và việc này lúc nào cũng là một điều tốt trên mỗi một hình thể khác nhau của sự sống mà chúng đang ảnh hưởng.

Kết quả thứ nhì và *quan trọng hơn* (trong số các kết quả được tạo ra cho thế giới) sẽ dễ hiểu hơn đối với những người đã từng nghiên cứu cuốn sách

Hình Tư tưởng, vì trong đó tác giả có cố giải thích về con thác lũ tuôn tràn từ Thượng Đế để hồi đáp lại một tư tưởng sùng kính *vị tha*. Người ta thường giải thích rằng một sự đáp ứng như vậy không phải chỉ đến với cá nhân người khởi xướng ra tư tưởng đó, mà nó còn giúp lấp đầy kho chứa năng lượng tinh thần được trông coi bởi Vị Ứng Thân cho các Chân Sư và các vị đệ tử của họ để sử dụng trong công việc giúp đỡ nhân loại. Điều gì xảy ra với lòng phụng sự cũng xảy ra với tình thương *vị tha*, và nếu một sự bộc phát của tình thương hoặc lòng phụng sự trong đời sống tương đối hạn hẹp ở cõi trần có thể tạo ra một kết quả tuyệt vời như vậy, người ta sẽ dễ thấy rằng một sự bộc phát mạnh mẽ hơn ở cõi trí, được duy trì trong khoảng thời gian có lẽ một nghìn năm, sẽ thật sự đóng góp đáng kể vào kho chứa năng lượng đó, và điều này sẽ mang lại cho thế giới một lợi ích không thể nào ước lượng được theo bất kỳ cách nào mà chúng ta có thể tính được ở cõi trần.

Do đó, rõ ràng trong khi khả năng tạo phước của một người sẽ gia tăng khi tâm thức của y phát triển ở các cõi cao hơn, một người rất bình thường chưa có một phát triển đặc biệt gì về tâm thức thậm chí cũng có khả năng làm được nhiều điều tốt trong thời gian y lưu lại ở các cõi cao hơn. Trong thời gian dài ở cõi trời chân phúc, y thật sự có thể giúp đỡ đồng loại của mình và tạo ra nhiều nhân quả tốt đẹp cho bản thân. Tuy nhiên, để làm được như vậy,

y phải là một người không có tình yêu ích kỷ và biết phụng sự *vô điều kiện*. Chính phẩm chất *vị tha* - biết quên mình - đã đặt quyền năng vào trong tay của y; do đó, nó là một đức hạnh mà mỗi người cần phải trau dồi ngay bây giờ trong một tâm thức đầy đủ để sau khi chết, họ có thể phát triển tối đa lợi điểm của nó trong các khoảng thời gian dài lâu hơn này với các điều kiện mà hiện giờ họ không thể nào thực hiện được.

CHƯƠNG II

CÔNG VIỆC Ở CÔI TRUNG GIỚI

NHỮNG NGƯỜI CỨU TRỢ VÔ HÌNH

Nhiều người viết thư cho chúng tôi, nộp đơn xin được gia nhập vào đoàn người cứu trợ vô hình và hỏi rằng họ phải chuẩn bị như thế nào. Những người muốn đảm nhận công việc này nên đọc kỹ cuốn sách được viết ra dưới tựa đề này và nên đặc biệt cố gắng phát triển những phẩm hạnh cần thiết đã được mô tả trong đó. Tôi không có gì bổ sung thêm vào những điều gì tôi đã viết ở trong đó, ngoài việc nhắc nhở bất cứ ai muốn làm việc này ở cõi trung giới trước tiên hãy nên tìm hiểu về các hoàn cảnh của đời sống ở nơi đó càng nhiều càng tốt.

Khi bước vào cõi trung giới, chúng ta vẫn là con người giống y như ở dưới đây nhưng với các giới hạn cụ thể đã được tháo bỏ. Sở thích và hoạt động của chúng ta ở cõi đó vẫn giống y như ở cõi trần: một sinh viên vẫn siêng học, một kẻ lười biếng

vẫn biếng nhác, một người chuyên giúp đỡ ở cõi trần vẫn thường giúp đỡ ở cõi trung giới. Một vài người vẫn tiếp tục gièm pha ác ôn như thuở nào, và như vậy họ vẫn tiếp tục tạo ra khẩu nghiệp. Nhiều người chết vẫn ám ảnh các chỗ quen thuộc của họ ở cõi trần rất lâu. Nhiều người hay bay lơ lửng chung quanh căn nhà tổ tiên của họ và hàng ngày vẫn tiếp tục đi thăm đối phần trung giới của ngôi chùa cũ mà họ thường ủng hộ. Những người khác trôi dạt đây đó để thực hiện những cuộc hành hương mà không phải bị gặp khó khăn hay tốn kém, thăm viếng tất cả các đền thờ lớn mà họ ao ước muốn đến thăm nhưng không thể thực hiện được trong suốt đời sống của họ ở cõi trần.

Đời sống ở cõi trung giới hoàn toàn không bị gián đoạn bởi ngày và đêm. Theo nhiều quan điểm, đời sống ở đó thật hơn so với ở cõi trần, hay ít nhất nó gần hơn với sự thật nhiều hơn, và đời sống ở cõi trần chỉ là một chuỗi gián đoạn của tâm thức mà ở đó hoạt động của chúng ta bị nhiều giới hạn khi tâm thức của chúng ta chỉ hoạt động có một phần. Ở dưới đây, ban đêm dường như là một khoảng trống không đối với hầu hết mọi người chúng ta, và đến buổi sáng chúng ta không còn nhớ gì về những việc chúng ta đã làm. Tuy nhiên, chúng ta không nên cho rằng vì vậy chúng ta cũng u mê như thế ở cõi trung giới. Tâm thức ở đó được mở rộng ra hơn và bao gồm luôn cả tâm thức hồng trần, nên mỗi tối, chúng

ta không chỉ nhớ rất rõ về những gì chúng ta đã làm trong các đêm trước đó mà còn những gì chúng ta đã làm trong ban ngày. Chỉ có bộ óc xác thịt là đàn độn và bị bế tắc, nên khi chúng ta quay lại nó, đó là chính khi chúng ta mất đi tất cả các ký ức (ở trung giới), ngoại trừ những gì mà nó trực tiếp có dự phần. Đời sống ở cõi trung giới sống động hơn nhiều và cảm xúc của nó mạnh hơn bất kỳ những gì chúng ta biết được ở dưới đây. Cái mà chúng ta thường gọi là cảm xúc chỉ là một mảnh tương đối nhỏ của phần còn lại sau khi phần lớn đã bị tổn thất vào việc di chuyển các chất liệu phân tử hồng trần nặng nề, nên thật không khó hiểu là đời sống bên kia phải mãnh liệt và thật đến cỡ nào.

Tuy nhiên, mặc dù điều này là đúng và cũng đúng cho tất cả mọi người, những người bình thường ít khi làm được một việc gì hữu ích ở cõi trung giới. Họ không biết là trên thực tế họ có thể làm việc, và ngay cả nếu họ có biết, có lẽ họ cũng không thấy có lý do gì đặc biệt để cho họ phải làm việc. Một người có thể hưởng thụ một khoảng thời gian rất thú vị ở cõi trung giới, họ chỉ cần bay lượn đây đó và trải nghiệm những cảm xúc vui vẻ khác nhau. Đây có lẽ là điều duy nhất mà hầu hết mọi người đều làm, và họ cần phải có một động cơ mạnh mẽ để tự phản tỉnh và cố gắng cống hiến thì giờ vào việc giúp đỡ những kẻ khác. Chúng tôi phải công nhận rằng đối với một người bình thường, động cơ

này không hiện hữu, nhưng khi chúng ta bắt đầu nghiên cứu Thông Thiên Học và qua đó học được cơ tiến hoá và mục đích của vạn vật, chúng ta sẽ nảy sinh một lòng ao ước thiết tha muốn góp một bàn tay vào nỗ lực để đẩy mạnh cơ tiến hoá, hoàn thành mục đích đó và dẫn dắt đồng loại của chúng ta vào con đường hiểu biết về nó, hầu nhờ đó mà những phiền não của họ sẽ được giải toả và sự tiến bộ của họ sẽ trở nên dễ dàng hơn.

Bây giờ, khi một người đã thức tỉnh với trách nhiệm của mình, y phải làm thế nào để thực hiện được nó? Mọi người chúng ta đều có khả năng làm việc này ở mức độ lớn hay nhỏ, mặc dù có lẽ chúng ta chưa quen làm việc đó. Tất cả những người văn minh và phát triển bình thường đều có một thể vía tốt đẹp để làm việc, giống như những người khoẻ mạnh đều có sẵn những cơ bắp và sức mạnh cần thiết để bơi lội; tuy nhiên, nếu họ chưa học được cách sử dụng chúng thì họ sẽ cần một vài chỉ dẫn cụ thể trước khi họ có thể xuống nước bơi lội được thông thạo và thậm chí an toàn. Điều khó khăn đối với một người bình thường không phải là thể vía của họ không thể hoạt động, mà là trải qua hàng nghìn năm, dẫn thể đó chỉ có thói quen hoạt động khi nhận được các ấn tượng từ bên dưới thể xác đưa lên, nên họ không biết rằng thể vía có thể hoạt động độc lập ở chính cõi của nó, và ý chí có thể trực tiếp ảnh hưởng đến nó. Nhiều người vẫn còn “trong con

mê” ở cõi trung giới bởi vì họ có thói quen chờ đợi những rung động quen thuộc từ thể xác đưa lên để kích thích thể vía hoạt động.

Có nhiều cách mà một người có thể bắt đầu học giúp đỡ. Hãy giả sử một người thân hoặc một bằng hữu của y đã chết đi. Để liên lạc và giúp đỡ người chết trong lúc ngủ, y chỉ cần nghĩ về họ trước khi đi ngủ là đủ rồi và y phải quyết tâm giúp đỡ họ về những điều gì mà họ cần nhất. Y không cần bất cứ ai giúp đỡ y trong việc tìm kiếm hoặc tiếp xúc với họ. Chúng ta phải cố nhớ rằng, ngay khi rời bỏ thể xác vào ban đêm, chúng ta đã đứng ngay trước mặt người bạn đã ra đi giống như chúng ta đã từng làm như vậy khi họ còn sống với chúng ta. Điều quan trọng cần phải ghi nhớ là nên kiềm chế mọi nỗi đau buồn đối với người chết vì nó sẽ ảnh hưởng đến họ.

Nếu một người để mình rơi vào hố sâu tuyệt vọng vì người chết, cảm xúc đó sẽ ảnh hưởng đến y một cách mạnh mẽ vì mọi loại cảm xúc đều tác động lên thể vía của y, do đó những người đang sống trong thể vía sẽ dễ dàng bị chúng ảnh hưởng một cách sâu sắc hơn so với những người còn có thể xác để giảm nhẹ đi phần nào cảm nhận của họ. Người chết có thể nhìn thấy chúng ta, nhưng đó là thể vía của chúng ta mà họ đang nhìn thấy; vì vậy, họ ý thức ngay được những cảm xúc của chúng ta nhưng không nhất thiết phải biết chi tiết về tình trạng thể xác của chúng ta. Chẳng hạn, họ biết được

chúng ta đang vui hay buồn, nhưng họ không biết được chúng ta đang đọc cuốn sách gì. Cảm xúc rất rõ ràng đối với họ nhưng không nhất thiết tư tưởng tạo ra nó. Người chết mang theo tình thương và thù hận của mình; y vẫn nhận ra được những người bạn cũ khi y gặp họ và y cũng có thể kết bạn với những người mới mà y gặp gỡ lần đầu tại cõi trung giới.

Không những chúng ta phải tránh buồn bã mà phải tránh luôn bất kỳ một sự kích động nào. Trên hết, người cứu trợ vô hình phải giữ một thái độ bình tĩnh tuyệt đối. Tôi từng biết một phụ nữ đáng quý với lòng nhiệt thành luôn muốn giúp đỡ người khác, và trong lúc quá hăng hái, cô đã để mình rơi vào một trạng thái phấn khích cực độ. Sự kích động sẽ tự biểu lộ bằng cách làm thể vía nở ra thật lớn với những rung động mãnh liệt và các màu sắc rực rỡ nóng bỏng. Vì vậy, một người mới chết còn chưa quen với môi trường mới ở cõi trung giới, do đó vẫn còn nằm trong tình trạng rụt rè và sợ hãi, đã thất kinh khi thấy một quả cầu rực lửa thật lớn lao đến y với một ý định rõ rệt. Đương nhiên, y cho rằng đây là một con ác quỷ hiện hình như trong kinh sách đã nói đến và đã rú lên bỏ chạy trôi chết trong một khoảng thời gian khá lâu, sự kinh hãi của y càng gia tăng thêm vì nó cứ mãi bám theo y.

Một trường hợp mà ngay cả những người mới tập sự cũng có thể làm cho mình trở nên hữu ích là lúc họ biết được một người bạn hoặc một người

hàng xóm nào sắp sửa chết. Nếu họ có thể tiếp cận gần gũi với người đó và nếu căn bệnh của y cho phép họ đàm thoại với y về diễn tiến của cái chết và các trạng thái sau khi chết, một chút giải thích hợp lý về các điều này sẽ giúp cho tâm trí của y nhẹ nhõm và giải tỏa được nỗi lo âu. Thật vậy, chỉ việc gặp được một người biết nói chuyện với mình một cách tự tin và vui vẻ về cuộc sống bên kia nấm mồ thường là niềm an ủi lớn nhất đối với những ai cảm thấy mình đang tiến gần đến nó.

Tuy nhiên, nếu vì bất cứ lý do gì cuộc thảo luận trực tiếp này giữa hai người không thể xảy ra, việc này có thể được thực hiện trong giấc ngủ bằng cách ảnh hưởng lên người sắp chết từ cõi trung giới. Một người chưa được huấn luyện muốn tìm cách giúp đỡ như vậy nên tuân theo những quy tắc đã được ghi lại trong các cuốn sách của chúng tôi; họ nên ghi khắc ý định giúp đỡ người nào đó vào tâm trí của mình trước khi đi ngủ, và họ cũng nên chuẩn bị kỹ càng những lời lẽ nên được trình bày và ngay cả những ngôn từ nên được sử dụng, vì khi họ đã hạ quyết tâm một cách rõ ràng và chính xác khi còn thức thì họ chắc chắn sẽ thi hành được nó một cách thành thực và chính chắn hơn lúc họ đi ngủ và hoạt động trong thể vía.

Lời giải thích cho người bệnh nhất thiết phải giống nhau trong cả hai trường hợp. Mục tiêu chính của người cứu trợ là trấn an và động viên người đau

khô để họ nhận ra rằng cái chết là một quá trình hoàn toàn tự nhiên và nhẹ nhàng, chứ không phải trường hợp nào cũng là một sự gieo mình thảm khốc hoặc ghê gớm xuống một vực sâu thăm thẳm. Đặc tánh của cõi trung giới, làm thế nào để sắp xếp cuộc sống của họ ở cõi đó cho thật tốt, và sự chuẩn bị cần thiết để tiến đến cõi trời chân phúc ở phía bên kia - tất cả những điều này nên được người cứu trợ giải thích từ từ cho người sắp chết. Người cứu trợ phải luôn nhớ rằng thái độ và tâm trạng của mình thậm chí có hiệu lực nhiều hơn là lời lý luận hoặc khuyên giải, và do đó họ phải cực kỳ thận trọng trong việc thi hành nhiệm vụ của mình với một thái độ bình tĩnh và tự tin tuyệt đối. Nếu bản thân người cứu trợ đang ở trong tình trạng phấn khích thì họ sẽ có khả năng gây hại nhiều hơn là giúp đỡ, cũng như người phụ nữ tội nghiệp mà tôi vừa đề cập đến ở trên.

Việc giúp đỡ người sắp chết nên được tiếp tục sau khi họ đã chết. Một khoảng thời gian vô ý thức sẽ xảy ra sau đó, có thể chỉ kéo dài một phút hoặc thông thường một vài phút hoặc vài tiếng, hoặc thậm chí đôi khi cả vài ngày hoặc vài tuần. Một môn sinh được huấn luyện dĩ nhiên sẽ quan sát tình trạng tâm lý của người chết rồi sau đó điều chỉnh cách giúp đỡ của họ cho thích hợp với nó; một người chưa được huấn luyện cũng sẽ làm tốt thôi nếu họ chọn giúp đỡ người chết ngay từ đầu và lúc nào cũng sẵn sàng hỗ trợ họ vào những đêm kế tiếp

khi cần thiết. Nhiều trường hợp khác nhau có thể ảnh hưởng đến thời gian vô ý thức này nên thật khó đưa ra một quy tắc nào nói chung về nó.

Chúng ta nên quyết định tối thiểu mỗi đêm phải giúp đỡ ai đó đang bị đau khổ, và nếu chúng ta biết được nguyên nhân của sự việc đó, chúng ta nên cố gắng điều chỉnh các biện pháp giúp đỡ của mình cho phù hợp với nhu cầu của trường hợp đó. Nếu đương sự (còn sống) chỉ là bị mệt hay kiệt sức, người cứu trợ nên dùng ý chí của mình để tuôn sinh lực vào người đó. Ngược lại, nếu nguyên nhân của sự đau khổ là họ bị quá kích động hoặc rối loạn, người cứu trợ nên cố gắng dùng một luồng hào quang đặc biệt từ lòng bình thản và dịu dàng để bao bọc họ; thật ra, y đang bao bọc họ trong một hình tư tưởng của sự yên bình và hài hoà, giống như chúng ta đang quấn một người vào trong một cái mền.

Người cứu trợ thường khó tin rằng họ có thể đã thành công khi thức dậy vào buổi sáng và không nhớ được gì về những chuyện đã xảy ra. Trên thực tế, khả năng thành công một chút là điều chắc chắn, và khi người cứu trợ tiếp tục làm công việc của mình, họ sẽ thường nhận ra các dấu hiệu khích lệ nhỏ là họ đang tạo ra một hiệu quả cụ thể cho dù họ không thể nhớ điều này.

Đã có rất nhiều hội viên tự đứng lên làm thử công việc cứu trợ này, và trong một thời gian dài họ không biết gì về kết quả cho đến một ngày kia, họ

vô tình gặp lại được người mà họ đã từng cố gắng giúp đỡ và cảm thấy rất an ủi khi nhận ra rằng người đó đã khá hơn. Đôi khi, chuyện xảy ra là người bạn đó đánh dấu ngày bắt đầu hồi phục của anh ta từ một đêm đặc biệt mà anh ấy đã có được một giấc mơ êm đềm hoặc đáng ghi nhớ, và người cứu trợ giật mình khi họ nhớ lại rằng đó chính là đêm mà họ đã đưa ra một nỗ lực đặc biệt để giúp đỡ người đó. Lần đầu khi điều này xảy ra, người cứu trợ có thể tự thuyết phục mình rằng đó chỉ là một sự tình cờ, nhưng khi các trường hợp “tình cờ” này trở nên khá nhiều thì họ sẽ bắt đầu nhận ra rằng trong đó hẳn có một điều gì hơn thế nữa. Do đó, người mới tập sự hãy cứ hết lòng làm việc và hãy yên lòng chờ đợi kết quả.

Có một thí nghiệm đơn giản đã giúp đỡ khá nhiều cho những người mới tập sự có thêm lòng tự tin. Hãy để một người quyết định đến thăm một căn phòng nào đó ở cõi trung giới rất quen thuộc với họ ở cõi trần – giả dụ, một căn phòng trong nhà của một người bạn và hãy để họ chú ý thật tỉ mỉ về cách sắp xếp đồ đạc và sách vở trong căn phòng đó. Hoặc là, dù họ không có ý định gì trước đó, người thí nghiệm tự nhiên thấy mình ở tại một địa điểm nào đó rất quen thuộc trong giấc ngủ (nói theo cách thường tình là họ nằm mơ thấy mình ở một chỗ nào đó), họ nên đi quan sát nó thật tỉ mỉ. Khi họ hồi tưởng lại vào buổi sáng, nếu tất cả mọi thứ trong

căn phòng dường như vẫn y nguyên như lần cuối cùng họ tận mắt nhìn thấy, thì điều đó có thể khiến họ tin rằng đó không phải là một giấc mơ mà có thể chỉ là một ký ức. Tuy nhiên, nếu họ nhớ ra những thay đổi rõ rệt trong cách sắp xếp hoặc nhận ra một điều gì đó mới mẻ và bất ngờ xuất hiện trong căn phòng đó thì thật đáng để họ đến đó vào buổi sáng để kiểm chứng liệu những hình ảnh mà họ thấy ban đêm có thực sự chính xác hay không.

Những ai trong chúng tôi đã nhất quyết tham gia vào công việc ở cõi trung giới đều phải đảm nhận một số trường hợp cần được giúp đỡ ở đó vào lúc này hoặc lúc kia. Những công việc giúp đỡ như vậy đôi khi mang tính chất của một ca phẫu thuật - một việc chỉ cần làm một lần là xong và sau đó có thể được đặt qua một bên; tuy nhiên, nhu cầu thông thường là một sự an ủi, trấn an và khích lệ cần phải được lập đi, lập lại nhiều ngày để nó có thể từ từ thấm vào tính chất của một vết thương nào đó và chuyển hoá nó thành một thứ gì can đảm và cao thượng hơn. Đôi khi, nó là một kiến thức cần phải được vun bồi từng chút một để một tâm trí được mở mang và có thể tiếp nhận nó. Do đó, mỗi người cứu trợ đều có một số ca bệnh mãn tính, các thân chủ, các bệnh nhân – bạn muốn gọi họ như thế nào cũng được - mà họ phải thăm viếng mỗi tối như một người bác sĩ phải đi khám thường trực các bệnh nhân của họ ở cõi trần.

Chuyện thường xảy ra là những người từng được giúp đỡ mang lòng biết ơn sâu sắc đối với người cứu trợ và do đó họ gắn bó với y để phụ giúp trong công việc của y để mang lại cho người khác những lợi ích mà họ đã nhận được. Vì vậy, chuyện xảy ra là mỗi người cứu trợ thường là điểm trung tâm của một nhóm người nhỏ, một thủ lĩnh của một đoàn người cứu trợ mà lúc nào cũng có công việc để y giao phó cho họ. Ví dụ, phần đông những người đã chết cũng giống như những đứa bé sợ bóng tối. Một người có thể lý luận với chúng, tranh cãi với chúng và thuyết phục chúng một cách nhẩn nại rằng không có gì là đáng sợ, nhưng bàn tay của đứa bé có thể nắm được bao nhiêu trên thực tế vẫn hiệu quả hơn là một chương sách lý luận dài dòng.

Một người cứu trợ ở cõi trung giới với một loạt các trường hợp cần phải giải quyết ngay lập tức không thể nào để dành hết cả đêm để ở bên cạnh và an ủi một người bệnh sợ hãi với nhiều nghi vấn; tuy nhiên, họ có thể xử lý việc này bằng cách giao nó cho một trong các người phụ tá sốt sắng của họ, một người không quá bận rộn và do đó có thể bỏ hết tâm tư vào công việc tình nguyện đó. Để an ủi một đứa bé sợ bóng tối không cần đòi hỏi một sự hiểu biết cao siêu về khoa học - điều mà nó cần là một bàn tay tử tế và một tình bằng hữu. Vì vậy, cõi trung giới có đủ việc làm cho bất kỳ bao nhiêu thiện nguyện viên và bất cứ người nào muốn làm nó - đàn

ông, đàn bà, trẻ con đều có thể trở thành một trong số những người đó. Đối với các việc làm có tính cách đa dạng và phong phú hơn, việc thực hành công việc đó dĩ nhiên phải đòi hỏi nhiều kiến thức hơn, nhưng một trái tim đầy tình thương và lòng thiết tha muốn giúp đỡ là những hành trang đầy đủ nhất để bất cứ ai trở thành một trong những người an ủi phụ, và ngay cả nỗ lực khiêm tốn đó cũng chiêu cảm một ân điển vượt xa mọi tính toán.

Khi người cứu trợ cuối cùng đã giữ bỏ thể xác của y trong kiếp này, y sẽ thấy mình đứng giữa một đoàn bằng hữu rất thân thiện, họ reo mừng khôn xiết vì giờ đây y đã có thể dành trọn cuộc sống của y thay vì chỉ một phần ba với bọn họ. Một người cứu trợ như vậy sẽ không thấy cảm thấy lạ lẫm hoặc mới mẻ gì đối với hoàn cảnh của đời sống sau cửa tử. Sự thay đổi mới đối với y chỉ có nghĩa là y sẽ có thể hiến dâng toàn bộ thời gian của mình vào công việc mà mãi đến giờ vẫn là điều hạnh phúc và bổ ích nhất trong việc làm của y - một công việc mà mỗi đêm y đều nhận lãnh với lòng hoan hỷ và đặt qua một bên nỗi sợ hãi với lòng tiếc nuối - một đời sống thật mà trong đó những chuỗi ngày của đời sống hồng trần chỉ là những thời gian gián đoạn buồn tẻ và vô vị.

Có một hoặc hai điểm khác liên quan đến đời sống trung giới mà người cứu trợ cần nên cố am hiểu. Một trong hai điểm này là phương thức mà tôi

cho rằng chúng ta phải gọi là cách giao tiếp - sự truyền đạt tư tưởng ở cõi trung giới.

Không phải chúng ta ở dưới đây lúc nào cũng dễ dàng hiểu được cách thay thế cho ngôn ngữ được sử dụng ở cõi trung giới. Âm thanh theo nghĩa thông thường của nó không thể xảy ra ở nơi đó - nó thật sự không thể hiện hữu ngay cả ở các cảnh cao hơn của cõi trần. Ngay khi con người vừa vượt lên khỏi bầu khí quyển vào vùng dĩ thái, âm thanh đã không còn tồn tại theo ý nghĩa như chúng ta thường hiểu. Tuy nhiên, biểu tượng cho âm thanh cũng được sử dụng ở các cõi rất cao vì chúng ta luôn tìm thấy nhiều ám thị về một CHỮ mà Thượng đế sử dụng để gọi các thế giới đi vào trạng thái biểu lộ.

Nếu như vào buổi sáng chúng ta nhớ lại việc làm của đêm hôm trước, chẳng hạn như việc gặp một người bạn hay dự thính một bài thuyết giảng, dường như là chúng ta luôn nghe được tiếng nói theo cách thông thường ở cõi trần và bản thân chúng ta cũng đáp lại nó bằng âm thanh. Trên thực tế, nó vốn không phải là như vậy; đó chỉ là vì khi chúng ta đưa hồi ức đến bộ óc xác thịt thì chúng ta tự nhiên diễn tả nó theo cách của các giác quan bình thường. Tuy nhiên, nó cũng không đúng khi chúng ta nói rằng ngôn ngữ ở cõi trung giới là sự di chuyển của tư tưởng; nhiều nhất, chúng ta chỉ có thể nói rằng đó là một sự di chuyển tư tưởng được thực hiện theo một cách rất đặc biệt.

Ở cõi trí một người tạo ra một tư tưởng và nó được truyền ngay đến thể trí của người khác mà không cần sự diễn đạt qua hình thức ngôn ngữ. Vì vậy, ngôn ngữ vốn không phải là quan trọng ở cõi đó; tuy nhiên, những người cứu trợ ở cõi trung giới, những người chưa có khả năng dùng thể trí, phải dựa vào các phương tiện được cung cấp bởi chính cõi trung giới để giao tiếp. Những phương tiện này nằm ở giữa quá trình của sự di chuyển tư tưởng ở cõi trí và lời nói cụ thể ở cõi trần, nhưng nó vẫn cần một công thức biến tư tưởng thành lời nói. Giống như một người phải đưa cho người khác xem một công thức để thực hiện một cuộc đối thoại, y phải trả lời (gần như ngay lập tức, nhưng không hẳn là như vậy) bằng cách cho người kia coi lại công thức tạo ra câu trả lời của y. Để có sự trao đổi này, hai bên cần phải có một ngôn ngữ giống nhau; vì vậy, người cứu trợ biết càng nhiều ngôn ngữ thì y càng trở nên hữu dụng.

Tuy nhiên, các đệ tử của Chân Sư đã được chỉ dẫn cách tạo ra một dẫn thể đặc biệt tạm thời để đối phó với những khó khăn này. Họ thường bỏ lại thể vía cùng với thể xác của mình; họ di chuyển trong thể trí của họ và tạm thời tạo ra một lớp áo thể vía từ chất liệu của môi trường chung quanh khi họ cần đến nó để làm việc ở đó. Những người được chỉ dạy làm theo cách này có lợi thể là họ có thể hiểu được tư tưởng của người khác qua phương pháp di

chuyển tư tưởng ở cõi trí, nhưng khả năng di chuyển tư tưởng của họ theo cách này lại bị giới hạn bởi trình độ tiến hoá của thể vía của người khác.

Ngoài các vị đệ tử đã được huấn luyện rõ ràng, rất ít người có khả năng làm việc có ý thức trong thể trí của họ, vì làm được điều này có nghĩa là họ đã hành thiền nhiều năm với một nỗ lực đặc biệt. Chúng ta biết rằng ở cõi trời chân phúc, con người tự nhốt mình vào trong lớp vỏ tư tưởng của họ, rồi các tư tưởng này tạo ra những con kênh mà qua đó đời sống ở cõi trí có thể ảnh hưởng đến họ. Tuy nhiên, chúng ta không thể gọi điều này là một sự hoạt động ở cõi trí, vì điều đó đòi hỏi khả năng di chuyển qua lại *tự do* và quan sát những điều gì đang xảy ra ở nơi đó.

May mắn thay, tinh linh thể trí không thể tự sắp xếp lại sau khi chết nên chúng ta không hề bị phiền phức với nó như đối với tinh linh cảm dục của cõi trung giới. Quả thật, loài tinh hoa chất cõi trí có khác với loài tinh hoa chất cõi trung giới rất nhiều. Nó kém hơn loài kia cả một dãy tiến hoá và vì vậy nó không thể nào có sức mạnh giống nhau. Nó cố gắng làm việc vì nó có trách nhiệm phải tạo ra hình tướng cho hầu hết các suy nghĩ vớ vẩn của chúng ta, nó luôn nhảy liên tiếp từ chủ đề này qua chủ đề kia, nhưng ít nhất nó không tạo ra bất cứ một lớp vỏ đồng tâm nào, mặc dù có vài phần cụ thể của thể trí

có thể trở nên cứng rắn, như tôi đã giải thích khi thảo luận về vấn đề này.

Khi một người hoạt động trong thể trí, y bỏ lại thể vía trong tình trạng bị đình chỉ không thể nào sinh hoạt được cùng với thể xác. Nếu cần, y có thể dễ dàng bao bọc thể vía đang bị trì độn vào trong một lớp vỏ bọc, hoặc y có thể tạo ra những rung động khiến nó không thể bị xâm nhập bởi các ảnh hưởng xấu xa. Chắc chắn là qua dòng thời gian, bất cứ người nào, bằng cách thiền về Thượng Đế hoặc Đức Thầy, đều có thể nâng cao bản thân mình trước tiên lên cõi trung giới rồi sau đó lên cõi trí, nhưng không ai có thể nói được họ phải tốn bao nhiêu thời gian, vì điều đó hoàn toàn lệ thuộc vào quá khứ của người môn đồ.

Sau khi chết, một người ở cõi trung giới vẫn có thể bắt đầu học thêm và có thêm những tư tưởng mới. Tôi biết rất nhiều người học Thông Thiên Học lần đầu tiên tại cõi trung giới. Tôi còn nghe được trường hợp của một người đàn bà mới học âm nhạc ở nơi đây, nhưng đây là một điều hiếm có. Có lẽ một người chết nào đó đã dạy bà, hoặc có lẽ vị thầy đó còn sống ở cõi trần và tình cờ ở cùng một lúc với bà ở cõi trung giới. Nhiều người ở cõi trung giới thường nghĩ rằng họ đang chơi trên các nhạc cụ trung giới, nhưng thực tế họ chỉ tạo ra những rung động bởi tư tưởng của họ để tạo ra kết quả của các âm thanh. Có một nhóm thiên thần đặc biệt chuyên

môn phản ứng và biểu hiện qua âm nhạc, và đôi khi chúng sẽ chấp nhận dạy cho những ai mà âm nhạc là đam mê lớn nhất trong đời họ.

Hầu hết những người đã chết thường tự khép mình lại với nhiều khả năng học hỏi ở cõi này bằng cách chấp nhận sự sắp xếp lại của thể vía sau khi chết khiến họ bị cản trở không nhìn thấy được những gì thuộc về các cảnh cao hơn. Một nhà Thông Thiên Học sẽ không cho phép việc sắp xếp này được diễn ra bởi vì họ đã quyết định làm việc và do đó họ phải có khả năng di chuyển tự do giữa mọi cảnh. Chúng ta không thể xua đuổi hết các loài tinh hoa chất, nhưng chúng ta có thể kiềm chế tinh linh thể vía, thu hút những chất liệu mịn màng hơn và làm cho linh hồn có đủ sức mạnh để chiếm thể thượng phong. Loài tinh hoa chất thích những cảm xúc thô bạo để chúng có thể tiến hóa hướng hạ – vì vậy, hãy nhớ đây là quá trình tiến hoá đúng và hợp lý đối với chúng. Nếu chúng biết được sự tồn tại của chúng ta, chúng hẳn sẽ cho rằng chúng ta là những thực thể hiểm ác và những kẻ dụ dỗ xấu xa đối với chúng, cố gắng cản trở sự tiến hoá mà chúng biết là đúng đối với chúng. Nếu chúng ta kiên quyết không cho phép thể vía của mình rung động theo tốc độ thô kệch, chất liệu thô kệch đó sẽ từ từ bị loại bỏ khỏi thể vía của chúng ta, cơ cấu của nó sẽ trở nên mịn màng hơn, và tinh linh thể vía sẽ thuộc về loại ít hoạt động hơn.

Sau khi chết, sự tái sắp xếp của thể vía do tinh linh cảm dục tạo ra là trên bề mặt của thể vía chứ không phải trên bề mặt của hình bầu dục bao bọc lấy nó. Tinh linh thể vía đang cố gắng gây ra một cảm giác kinh hoàng đối với người đang định đuổi nó ra khỏi sự tái sắp xếp này để họ đừng làm như vậy. Đây là một lý do tại sao kiến thức về các đề tài này rất hữu ích trước khi chết.

Không có việc đi ngủ tại cõi trung giới. Nhu cầu đi ngủ ở cõi trần là để làm dịu lại các trung tâm lực của thể xác và cho chúng thời gian để tự bồi bổ lại về mặt hoá học, hầu thể vía có thể làm việc thoải mái hơn qua một dụng cụ tốt hơn; tuy nhiên, không có sự mệt mỏi ở cõi trung giới, trừ phi chúng ta dùng danh từ đó để gọi sự suy giảm dần dần của mọi năng lượng khi đời sống ở cõi trung giới đang tiến gần đến hồi kết thúc.

Ở cõi trung giới, chúng ta cũng có thể mất trí nhớ như ở cõi trần. Trong trường hợp này, ý của tôi không phải là sự mất trí nhớ thông thường giữa hai cõi, mà là khả năng không thể nhớ lại được tối nay một vài chi tiết mà chúng ta đã từng làm tối hôm qua hoặc một năm về trước. Quả thật, người ta có thể dễ quên nhiều hơn ở cõi trung giới so với cõi trần bởi vì thế giới ở đó quá náo nhiệt và đông đúc.

Quen một người ở cõi trung giới không có nghĩa là chúng ta biết người đó nhìn ra sao khi họ còn sống ở cõi trần. Ví dụ, nhiều người trong chúng

tôi biết rất rõ Bà Blavatsky nhìn như thế nào trong hình thể mới của Bà ở cõi trung giới, mặc dù chưa ai trong chúng tôi từng nhìn thấy Bà trong hình dáng đó ở cõi trần. Bà thường dùng một hình dáng cũ của Bà, mặc dù nói chung nó là một thể vía mới hiện nay.

HỒI ỨC VỀ KINH NGHIỆM Ở CÖI TRUNG GIÖI

Khi bạn rời khỏi thể xác của bạn đêm nay, bạn sẽ nhớ lại tất cả những gì bạn đã làm trong đêm qua và trong ban ngày - thật ra, bạn sẽ có nguyên cả một ký ức khi bạn đang tỉnh thức, cộng thêm ký ức của đời sống ban đêm ở cõi trung giới. Ký ức ở cõi trung giới bao gồm luôn cả cõi trần, nhưng bộ óc xác thịt của bạn không nhớ được trải nghiệm đó ở cõi trung giới, đơn giản vì nó không có dự phần gì trong đó.

Một sự kết nối đặc biệt cần phải được thực hiện, hay nói đúng hơn, một sự cản trở cần phải được loại bỏ hầu ký ức đó có thể được đưa vào bộ não xác thịt. Trong quá trình tiến hoá chậm chạp, mọi người rồi sẽ có khả năng của một trí nhớ hoàn hảo để họ không còn có bất cứ bức màn che nào nữa giữa hai cõi. Ngoài sự phát triển toàn vẹn này ra, đôi khi cũng có một điều gì đó xảy ra khiến một người cảm thấy cần phải nhớ lại nó ở cõi trần, và như vậy y sẽ cố gắng gây nên một ấn tượng trên bộ não xác thịt để y có thể nhớ lại nó vào buổi sáng. Ngoài ra, cũng có vài sự kiện tạo ra một ấn tượng quá sâu sắc trên thể vía đến nỗi chúng tạo ra ngay một ấn tượng trên não bộ xác thịt qua một hiện tượng làm nó (ký ức đó) dội đi, dội lại liên tục (repercussion) trên bộ não.

Tuy nhiên, một ấn tượng như vậy hiếm khi là hoàn hảo và có nhiều phần không được rõ ràng. Đây là nguồn gốc của thứ mà chúng ta gọi là giấc mộng, và chúng ta biết rằng chúng thường hay hỗn loạn, rời rạc, và thậm chí nực cười đến cỡ nào. Trong trường hợp của một người cứu trợ còn non nớt, sự thật có thể bị bóp méo đến nỗi y thường lầm lẫn chính bản thân mình với người mà y đã từng giúp đỡ.

Tôi nhớ có trường hợp của một thành viên trong đoàn thể chúng tôi được cử đi để giúp đỡ một nạn nhân của một vụ nổ. Y đã được cảnh báo trước

đó một vài phút và có đủ thời gian để cố trấn an và làm ổn định lại tâm trí của nạn nhân đó, và ngay sau khi vụ nổ xảy ra, y vẫn ở lại đó để tiếp tục làm việc; tuy nhiên, đến buổi sáng khi y kể lại câu chuyện đó với tôi, y trình bày rằng nó có vẻ giống như là bản thân y từng là nạn nhân của một vụ nổ. Chúng tôi đoán là y đã đồng cảm quá mức với nạn nhân đến nỗi y cảm thấy được cú sốc và cảm giác bay lên không trung giống y như nạn nhân vậy. Trong một trường hợp khác, cũng là thành viên đó được kêu gọi để giúp đỡ một người lính đang lái một cỗ xe chất lựu đạn xuống một đường núi rất nguy hiểm, và anh ta bị ném ra khỏi xe và bị tử thương do bánh xe cán qua cơ thể của anh ta. Trong trường hợp này, người cứu trợ cũng hoàn toàn đồng cảm với người lính, và hồi ức của y về sự kiện đó là y nằm mộng thấy mình lái một cỗ xe như thế và đã bị ném ra khỏi nó, rồi bị giết chết giống như nạn nhân thật vậy.

Trong các trường hợp khác, những gì được nhớ lại không phải là những gì thực sự đã xảy ra mà là một sự trình bày có tính cách biểu tượng về nó, đôi khi rất rườm rà và thơ mộng. Điều này xuất phát từ đặc tính phát họa của linh hồn - khả năng kịch tính hóa tức thời - nên đôi khi nó xảy ra là một ký hiệu được nhớ lại mà bị đi thiếu chìa khoá chú giải; nó được đưa qua não bộ mà không được thông dịch, nên trừ phi người cứu trợ có một người bạn nhiều

kinh nghiệm hơn ngay lúc đó để giải thích vấn đề, y chỉ có một ý thức mơ hồ về điều mà y thực sự đã làm. Một ví dụ rất hay như thế đã thu hút được sự chú ý của tôi nhiều năm về trước – nó có nhiều chi tiết đến nỗi, vì tôi không ghi chép nó lại ngay trong lúc đó, nên tôi không nắm rõ được một hoặc hai chi tiết của nó và do đó phải buộc lòng phải bỏ sót một vài điểm làm nó kém thú vị hơn nó thật sự là, theo thiên ý của tôi.

Người cứu trợ đó đến thăm tôi vào một buổi sáng để thuật lại một giấc mơ vô cùng sống động đến nỗi y cho rằng nó chắc chắn phải là một điều gì hơn là một giấc mộng. Y nhớ nhìn thấy một cô gái trẻ tuổi đang bị chết đuối trên biển. Tôi nghĩ rằng y có ấn tượng là cô đã bị ai cố ý đẩy xuống, mặc dù tôi không nghĩ rằng y nhìn thấy được hình dáng của người đã làm việc đó. Bản thân y không thể cứu cô ta trực tiếp, bởi vì y chỉ hiện diện ở trong thể vía của mình vào lúc đó và không biết làm sao để tự hiện hình; nhưng cảm giác nhạy bén của y về hiểm họa này đã cho y một sức mạnh để gây ra một ấn tượng về mối hiểm nguy đó trong tâm trí của người yêu của cô gái đó và khiến anh ta đi đến hiện trường; lúc đó, anh ta lập tức nhảy xuống biển và cứu cô gái vào bờ, rồi giao cô lại trong vòng tay người cha của cô. Người cứu trợ nhớ được khuôn mặt của cả ba nhân vật rất rõ và do đó có thể mô tả hình dáng của họ để họ dễ được nhận diện sau này. Người cứu trợ

cầu xin tôi hãy điều tra trường hợp này để y có thể biết được hồi ức của y đáng tin cậy đến cỡ nào.

Khi làm việc này, tôi ngạc nhiên khám phá ra rằng nguyên cả một câu chuyện chỉ là một biểu tượng, và việc thực sự xảy ra có tính chất hoàn toàn khác hẳn. Cô gái đó mồ côi mẹ và chỉ sống đơn độc với người cha. Hình như cô ta vừa giàu, vừa đẹp và có lẽ có nhiều người theo đuổi cô ta. Tuy nhiên, câu chuyện của chúng tôi chỉ có hai điều liên hệ đến sự kiện này: một là có một chàng trai láng giềng trẻ trung đáng mến nhưng rụt rè, đã âm thầm thương cô từ lúc bé, cùng lớn lên với cô trong tình bạn thân thiết, và trên thực tế đã có một hôn ước được nửa hiểu ngầm, nửa ám chỉ; hai là một người đàn ông khác thuộc loại sở Khanh, bề ngoài tuy đẹp trai, bảnh bao và quyến rũ nhưng thực sự là một kẻ dối trá, hám lợi và bất nghĩa. Cô gái bị loé mắt bởi bề ngoài hào hoa phong nhã của y, và cô đã tự thuyết phục mình một cách dễ dàng là sự hấp dẫn của y đối với cô mới là tình yêu thực sự, và những tình cảm trước đó mà cô dành cho người bạn thanh mai, trúc mã kia thật sự không là gì cả.

Tuy nhiên, người cha của cô vẫn sáng suốt hơn cô, và khi kẻ sở Khanh đó đến ngỏ lời, dường như ông ta đã cố ý tiếp đãi anh chàng này với một thái độ lạnh nhạt và lịch sự kiên quyết từ chối không chấp thuận cuộc hôn nhân giữa con gái mình với một người đàn ông mà ông không hề quen biết.

Việc này là một đả kích lớn đối với cô gái, và khi kẻ sở khanh đó lên lút gặp cô, y dễ dàng thuyết phục cô rằng cô đã bị cha cô bạc đãi và hoàn toàn không biết thông cảm với cô, rằng ông là một người độc đoán và cổ hủ quá mức, nên việc duy nhất mà một cô gái có khí khái nên làm để bày tỏ lòng mình là trốn đi với y (kẻ sở khanh đã được nhắc đến ở trên), và tất nhiên người cha sau đó chỉ đành phải có một thái độ hợp lý hơn và tương lai họ sẽ trở nên sáng sủa hơn.

Người con gái khờ dại kia tin y, và y đã từ từ thao túng tình cảm của cô cho đến khi cô chịu đồng ý bỏ trốn với y. Người bạn cứu trợ của chúng ta đã đi đến hiện trường vào tối hôm đó, chính là đêm đã được họ giao hẹn để đào tẩu. Theo một tính cách khá cải lương, kẻ sở khanh đang ngồi đợi trong một cỗ xe ngựa ở góc đường, còn người con gái thì đang ở trong phòng vội vàng chuẩn bị để trốn ra ngoài theo y.

Dĩ nhiên, khi thời điểm đó đã đến thì tâm trí của cô bấn loạn, và cô ta cảm thấy thật quá khó để thực hiện bước cuối cùng. Chính là sự sợ hãi trong tâm trí và lòng cầu mong thiết tha được giúp đỡ về quyết định này của cô đã thu hút được sự chú ý của người cứu trợ khi y tình cờ trôi dạt qua đó. Khi đọc được tư tưởng ấy của cô, y nhanh chóng nắm được tình hình và lập tức bắt đầu cố gắng tạo ra một ảnh hưởng để ngăn chặn bước đi hấp tấp của cô. Tuy nhiên, tâm trí của cô lại ở trong một tình trạng mà y

không thể nào tạo ra được một ấn tượng như ý, và y khẩn thiết nhìn chung quanh để tìm một người khác có tâm trạng dễ uốn nắn tư tưởng hơn. Y cố bắt lấy người cha, nhưng ông lại bận trong thư phòng nghiên cứu một số tác phẩm văn học một cách say sưa đến nỗi y không thể nào thu hút được sự chú ý của ông.

Tuy nhiên, may mắn thay, người tình cũ thời thơ ấu nửa bị lãng quên của cô ấy đang ở gần trong lúc đó, anh ta đang lang thang dưới ánh sao đêm và nhìn lên cửa sổ của cô theo kiểu thịnh hành được các cặp tình nhân trẻ trên toàn cầu yêu chuộng. Người cứu trợ liền chụp lấy anh ấy, biết được tâm sự của anh ấy, và vui mừng khôn xiết sau khi khám phá ra rằng anh ấy rất dễ thụ cảm. Tình yêu sâu sắc của anh ấy đã khiến anh ta dễ lo lắng, và thật dễ để y huyết phục anh ấy đi đủ xa để nhìn thấy cỗ xe ngựa và kẻ sở khanh đang ngồi đợi tại góc đường. Tình yêu đã làm tâm tư của anh ấy nhạy bén hơn, anh ta nắm ngay được tình hình lúc đó và trở nên hoảng hốt và thất kinh. Thật nói cho công bình, ngay trong thời điểm tối hậu đó, anh ta không nghĩ gì về bản thân mình, không nghĩ rằng anh ấy sắp sửa mất đi cô ta, mà chỉ nghĩ rằng cô gái ấy đang tự hủy bản thân mình và tương lai trong giây phút đó. Vì quá kích động, anh ấy đã quên mất lễ nghi và xông vào nhà (vì anh ấy đã quen thuộc với nơi này

từ nhỏ), chạy ngay lên lầu và gặp cô ta ngay tại cửa phòng của cô ấy.

Những câu mà anh ấy đã nói với cô ta giờ cả hai đều không còn nhớ rõ, nhưng trong sự cầu khẩn nhiệt tình và thiết tha của anh ấy, anh đã van xin cô ta hãy suy nghĩ lại trước khi làm điều đáng sợ này và nhận rõ được vực thẳm mà cô ta đang tự gieo mình xuống, rằng cô ta nên suy nghĩ lại cho thật kỹ trước khi tự đưa mình vào con đường thân bại danh liệt, và trước khi làm việc gì, ít nhất hãy bàn bạc cởi mở với người cha đáng kính của cô mà cô đang đền đáp lại sự quan tâm vô bờ bến của ông đối với cô một cách thậm tệ.

Cú sốc về sự xuất hiện đột ngột của anh ta và sự phản đối nhiệt tình của anh ấy đã đánh thức cô ta khỏi cơn mê, và cô hầu như không có một phản kháng nào khi anh ta kéo cô xuống lầu ngay lúc đó để gặp cha của cô khi ông ấy đang ngồi làm việc ở thư phòng. Chúng ta có thể hình dung được sự kinh ngạc của người cha khi câu chuyện này được phơi bày ra trước mắt. Ông ta không hề có một khái niệm gì về thái độ của con gái mình, và bản thân cô ta, giờ đây khi đã thức tỉnh khỏi cơn mê, cũng không thể nào tưởng tượng được chính mình có thể thực sự suy tính một bước đi như vậy. Cô và cha cô đều thật lòng biết ơn người tình nhân trai trẻ trung thành này, và trước khi anh ta rời khỏi cô đêm đó, cô ấy đã chấp nhận lời hứa hôn từ thuở bé và hứa sẽ trở

thành vợ anh ấy trong một khoảng thời gian cách đó không xa lắm.

Đây là những gì thực sự đã xảy ra, và chúng ta có thể thấy rằng những biểu tượng được chọn bởi linh hồn người cứu trợ không phải là hoàn toàn không hợp lý, tuy nó có thể gây ra sự hiểu lầm về các dữ kiện thực sự đã xảy ra.

Đôi khi, không có một cái gì đi qua não bộ có thể được gọi là một hồi ức thực sự, mà chỉ là ảnh hưởng của một điều gì đó đã được nhìn thấy hoặc xảy ra. Một người có thể thức dậy vào buổi sáng với một cảm giác thật phấn khởi và thành đạt nhưng không thể nào nhớ được y đã thành công làm điều gì. Điều này thường ám chỉ một số công việc đã được thực hiện thật tốt, nhưng y thường khó nhớ lại hết tất cả các chi tiết. Vào những lúc khác, y có thể mang về một cảm giác sùng kính, một cái gì đó rất thiêng liêng. Điều này có nghĩa là y đã ở gần một người nào đó thánh thiện hơn hoặc đã chứng kiến một chứng cứ gì đó về một quyền năng cao cả hơn. Trái lại, đôi khi một người có thể thức dậy với một cảm giác kinh hoàng. Đôi khi, đó là do sự báo động của thể xác vì một số cảm giác không quen thuộc, nhưng đôi khi, nó là do tiếp xúc với một điều gì kinh hãi ở cõi trung giới. Hoặc một lần nữa, nó có thể phát sinh từ sự đồng cảm với một thực thể trung giới nào đó đang ở trong một tình trạng khủng hoảng, vì việc bị ảnh hưởng bởi sự đồng cảm với

tâm trạng của người khác là thông thường ở cõi trung giới.

Tuy nhiên, ít người quan tâm đến việc bộ óc xác thịt có nhớ lại được hay không khi họ còn ở trong thể vía, và chín phần mười thường không thích quay lại thể xác. Nhưng nếu bạn thật sự muốn có một thói quen hồi phục ký ức, phương pháp mà tôi đề nghị là như sau:

Để tạo ra sự liên kết, trước nhất hãy nhớ rằng khi bạn rời khỏi thể xác là bạn phải muốn làm như vậy. Sau đó, bạn phải cố gắng quay lại thể xác chậm chậm thay vì vội vã với một cái giật mình như thường lệ. Chính cái giật mình này ngăn cản hồi ức. Ngay trước khi bạn thức dậy, hãy dừng lại và nói với chính mình: “Đó là thể xác của tôi, tôi đang chuẩn bị nhập vào nó. Ngay lúc tôi vừa nhập vào nó thì tôi sẽ bắt nó ngồi dậy ngay và viết xuống tất cả những gì nó có thể nhớ được.” Sau đó, hãy từ tốn nhập vào nó và ngồi dậy ngay tức khắc để viết xuống hết những gì bạn có thể nhớ ngay lúc đó. Nếu bạn đợi thêm vài phút nữa, tất cả thường sẽ tan biến mất. Tuy nhiên, mỗi sự kiện mà bạn có thể đem qua được sẽ làm cầu nối cho những ký ức khác. Các ghi chép có thể dường như hơi rời rạc khi bạn đọc lại chúng sau đó, nhưng bạn đừng nên bận tâm về điều này, vì đó là bạn đang dùng từ ngữ ở cõi trần để diễn tả một trải nghiệm ở cõi khác. Qua cách này, bạn sẽ dần dần phục hồi ký ức tuy phải tốn rất nhiều

thời gian, nhưng trên hết bạn phải có một sự nhẫn nại rất lớn.

Bạn nên cố nhớ rằng khi bạn rời khỏi thể xác là bạn đang vào cõi trung giới, và nó sẽ an ủi tâm thức hồng trần nếu bạn có thể mang về được một số ký ức. Hãy có một kế hoạch rõ ràng trong nỗ lực của bạn. Mỗi lần bạn thành công mang về được một điều gì đó, bạn sẽ dễ nhớ lại nhiều thứ hơn trong lần kế tiếp và sẽ tiến gần hơn đến giai đoạn mà bạn sẽ có một thói quen tự động nhớ lại. Hiện giờ, có một khoảnh khắc vô ý thức giữa lúc ngủ và thức dậy, nó đóng vai trò của một bức màn che. Điều này xảy ra vì mọi rung động đều phải lướt qua một mạng lưới nguyên tử được đan kết rất là chặt chẽ.

Việc quay lại thể xác từ cõi trung giới là một cảm giác gò bó rất khó chịu, giống như một người phải khoác lên mình một chiếc áo choàng dày và nặng. Niềm vui của đời sống ở trung giới lớn đến nỗi niềm vui của đời sống ở cõi trần không là gì cả so với nó. Nhiều người có thể hoạt động ở cõi trung giới trong lúc ngủ coi việc quay lại cõi trần như việc quay lại sở làm mỗi ngày. Không phải họ thật sự chán ghét nó, nhưng họ sẽ không làm như vậy trừ phi bị bắt buộc.

Khi con người có thể sống tự do ở cõi trí, đời sống ở cõi trung giới lại có vẻ như là một nhà tù, và nó cứ như thế cho đến khi chúng ta đến cõi bồ đề, nơi mà bản chất của nó là niềm phúc lạc. Sau khi

đạt đến trình độ này, cho dù con người vẫn còn bị gò bó và không thể biểu lộ được trạng thái phúc lạc ở cõi trần, y vẫn có nó liên tục và biết rằng những người khác, tuy họ chưa có khả năng cảm nhận được nó hiện giờ, sẽ cảm giác và biết được nó ở một thời điểm nào đó trong tương lai. Ngay cả nếu bạn có thể cảm nhận được thực chất của các cõi cao hơn dù chỉ trong một khắc, đời sống của bạn sẽ không bao giờ còn giống như xưa.

Những thú vui ở cõi trung giới quả thật là lớn hơn nhiều so với cõi trần, và nó là một nguy cơ có thể dụ dỗ con người lạc ra khỏi con đường tiến hóa. Con người không thể nào ý thức được sức hấp dẫn tuyệt vời của các thú vui này khi y còn bị giới hạn trong thể xác. Tuy nhiên, ngay cả những lạc thú của đời sống trung giới cũng không thể gây ra nguy hiểm gì cho bất cứ ai đã biết chút gì về những điều cao siêu hơn. Sau khi chết, một người nên cố gắng lướt qua các tầng lớp của cõi trung giới càng nhanh càng tốt, luôn phụng sự một cách hữu ích và không nên buông thả theo những lạc thú êm ái của nó so với khi họ ở cõi trần. Một người không chỉ dùng kiến thức về đời sống ở cõi trung giới và cõi trời chân phúc để khắc phục những đam mê nhục dục mà còn phải vượt qua cửa ải của chúng để đi xa hơn nữa, và điều này không phải chỉ vì niềm vui của đời sống tinh thần mà còn để hoán đổi sự vô thường cho cái vĩnh cửu.

NHỮNG CHIỀU ĐO CAO HƠN

Nếu quả thật chúng ta có bảy chiều đo thì bảy chiều đo lúc nào cũng phải hiện diện ở khắp nơi, và nguyên tắc căn bản này của tạo hóa sẽ không thay đổi, cho dù tâm thức con người đang hoạt động trong thể xác, thể vía, hoặc thể niết bàn. Trong trường hợp cuối cùng, y sẽ có khả năng nhìn thấy và hiểu hết toàn bộ sự việc, nhưng trong các trường hợp khác thì khả năng của y sẽ bị hạn chế. Vì vậy, thực sự không có một vật thể hoặc bản thể gì là ba chiều đo hoặc bốn chiều đo. Nếu không gian có bảy chiều đo thì vạn vật đều tồn tại như thế trong không gian, và chúng ta chỉ khác nhau ở khả năng nhận thức của mình mà thôi.

Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy ba chiều đo ở cõi trần, và do đó chúng ta chỉ nhìn thấy một phần rất nhỏ của vạn vật. Một người có khả năng nhìn thấy bốn chiều đo vẫn chỉ nhìn thấy được một phần của vạn vật, mặc dù y có khả năng nhìn thấy chúng khá hơn người khác. Chúng ta đang sống trong một vũ trụ bao la được cấu tạo bởi chất liệu với nhiều mật độ khác nhau, và (hãy giả sử) nó tồn tại trong không gian của bảy chiều đo. Tuy nhiên, chúng ta khám phá ra rằng bản thân mình sở hữu một tâm thức chỉ

có khả năng nhận thức được ba chiều đo và các chất liệu ở một mật độ nhất định. Tất cả các chất liệu ở mật độ khác, hoặc thanh nhẹ hơn, dường như không hiện hữu đối với chúng ta. Các chiều trên ba chiều đo cũng dường như không tồn tại đối với chúng ta.

Tuy nhiên, việc chúng ta thiếu khả năng nhận thức không hề gây ra bất cứ ảnh hưởng gì đến bản chất của các vật liệu. Một người nhặt lên một viên sỏi. Y chỉ có thể nhìn thấy các phần tử thuộc cõi trần của viên sỏi đó, nhưng nó không ảnh hưởng đến sự thực là chắc chắn viên sỏi đó đồng thời cũng có bên trong nó những phần tử của cõi trung giới, cõi trí, và các cõi cao hơn. Cũng như vậy, trên lý thuyết, viên sỏi đó cũng phải có một phần, dù nhỏ đến cỡ nào đi nữa, nói ra đến bảy chiều đo, nhưng sự thật này vẫn không ảnh hưởng gì đến một sự thật khác là tâm thức của con người chỉ có thể đánh giá được ba chiều trong số các chiều đo.

Để kiểm tra một vật thể, người ta phải sử dụng một cơ quan vật lý (con mắt) với khả năng chỉ tiếp nhận được một số làn sóng được phát xạ bởi các loại chất liệu cụ thể. Nếu y có thể phát triển cái mà chúng ta gọi là tâm thức thể vía, lúc đó y sẽ dùng một cơ quan chỉ có khả năng đáp ứng với những rung động được phát ra bởi các phần tử khác thanh nhẹ hơn của viên sỏi đó. Nếu như trong lúc phát triển tâm thức thể vía mà y lại mất đi thể xác - có nghĩa là, nếu y đã bỏ lại thể xác - y chỉ có thể nhìn

thấy thành phần thuộc về cõi trung giới chứ không thể nhìn thấy được thành phần thuộc về cõi trần. Tuy nhiên, thực chất của vật thể đó dĩ nhiên sẽ không bị ảnh hưởng gì cả, và phần tử hồng trần của nó sẽ không ngừng tồn tại chỉ vì con người trong thời điểm đó đã mất đi khả năng thấy được nó. Nếu y đã phát triển tâm thức thể vía để có thể sử dụng nó đồng thời với thể xác, lúc đó y có thể nhìn thấy cả hai hình dáng của đồ vật thuộc về cõi trung giới và cõi trần, mặc dù cả hai sẽ không cùng hiện ra rõ ràng như nhau cùng một lúc.

Bây giờ, cũng như mọi hình thức cao hơn của vật chất đều hiện hữu trong vạn vật mặc dù con người chưa được huấn luyện để nhìn thấy chúng, cũng như vậy, tất cả chiều đo trong không gian đều hiện diện trong vạn vật mặc dù con số của các chiều đo mà chúng ta có thể quan sát được lệ thuộc vào trạng thái tâm thức của chúng ta. Ở cõi trần, thông thường chúng ta chỉ nhận thức được ba chiều đo, mặc dù bằng cách huấn luyện đặc biệt, bộ não xác thịt có thể học được cách nhận thức một vài hình thức đơn giản của bốn chiều đo. Tâm thức ở cõi vía có khả năng nhận thức được bốn chiều trong bảy chiều đo, nhưng nó không có nghĩa là một người đã mở tâm thức thể vía có thể lập tức nhận thức được sự vươn ra của mọi vật theo bốn chiều đo; ngược lại, chắc chắn rằng một người bình thường sẽ không hiểu được điều này khi y đi vào cõi trung giới. Y chỉ

nhận ra rằng có một độ mờ ảo nào đó - một sự khác biệt không thể hiểu được trong những vật mà y thường thấy, và phần đông những người trải qua đời sống ở cõi trung giới đều không hề phát hiện được thêm điều gì về những phẩm chất đặc biệt của các chất liệu bao quanh họ.

Vì vậy, chúng ta nên nói rằng, không phải vì có được thị giác trung giới mà con người có thể lập tức thưởng thức được chiều đo thứ tư, mà đúng hơn là nó cho y khả năng để phát triển quyền năng đó qua một sự thực tập lâu dài, cẩn thận và nhẫn nại, nếu y biết một điều gì về vấn đề này và chịu khó học hỏi. Các thực thể thuộc về cõi trung giới, (như các tinh linh thiên nhiên, chẳng hạn), có lẽ không hiểu gì về các thực thể khác nhưng lại có khả năng tự nhiên thấy được khía cạnh của chiều đo thứ tư trong vạn vật. Tuy nhiên, chúng ta không nên cho rằng vì vậy chúng có thể nhìn thấy được mọi vật được một cách hoàn hảo, vì chúng chỉ có thể nhìn thấy được chất liệu trung giới trong vạn vật nhưng không thể nhìn thấy được chất liệu hồng trần, cũng như chúng ta ở một giới hạn khác chỉ có thể nhìn thấy được chất liệu hồng trần nhưng lại không thể nhìn thấy được chất liệu trung giới.

Theo như tôi được biết, chưa có ai dạy rằng các thực thể trung giới có thể ý thức được chúng ta ở cõi trần. Rõ ràng là chúng hoàn toàn không ý thức được bất cứ thứ gì thuộc về cõi trần, nhưng chúng có ý

thức được đối phần trung giới của chất liệu hồng trần mà trên thực tế là gần như một thứ, mặc dù nó không hẳn là như vậy.

Tôi không nghĩ rằng các chiều đo cao hơn có thể được coi như là sự biểu lộ phẩm chất của vật chất đối với tâm thức của chúng ta, mặc dù người ta có thể suy diễn rằng một số có thể biểu lộ như vậy trong vài trường hợp đặc biệt. Chẳng hạn, mật độ của chất hơi có thể là được nói là một cách vươn ra của nó vào chiều đo thứ tư.

Nếu một vật có thể đi xuyên qua một bức tường, câu hỏi về chiều đo thứ tư sẽ không được đặt ra, cũng như các đặc tính liên quan đến nó cũng không được chất vấn. Nhưng để một vật có thể đi xuyên qua bức tường thì chính nó hoặc một phần của bức tường có kích thước tương xứng với nó phải bị phân tán – có nghĩa là, nó phải bị giảm xuống trạng thái nguyên tử hoặc một trong các trạng thái dĩ thái để các phần tử có thể đi xuyên qua nhau một cách tự do mà không bị cản trở. Đây hoàn toàn là cách suy nghĩ của ba chiều đo. Một cách khác và hoàn toàn khác hẳn là không làm tan rã vật đó hay bức tường đó mà là đưa toàn bộ vật thể đi qua từ một hướng khác vào, nơi không có bức tường. Nhưng tâm thức hồng trần của chúng ta không biết gì về hướng đó.

Nếu một người có một cái tách làm bằng đất xốp, chắc chắn người đó có thể đóng đầy cốc nước

bằng cách biến nước thành hơi và ép nó thấm qua bên thành cốc; điều này giống như quá trình thông thường của việc phân tán và tái lập nước, phân tán nó thành trạng thái thanh nhẹ hơn để nó có thể được ép qua các lỗ hơi của cái cốc, rồi phục hồi lại trạng thái tự nhiên của nó sau khi nó đã thấm qua. Tuy nhiên, người ta cũng có thể đông đầy tách nước bằng cách đơn giản hơn là mở nắp và đổ nước từ trên cao xuống, và trong trường hợp này, nước không cần phải thay đổi trạng thái của nó vì nó được đưa vào trong tách từ một hướng mà không có bức tường để xuyên qua. Đây chỉ là hai cách để tạo ra cùng một kết quả, và chúng không nhất thiết phải loại trừ lẫn nhau.

CHƯƠNG III

THỂ TRÍ VÀ QUYỀN NĂNG TƯ TƯỞNG

THỂ TRÍ

Sau khi đọc xong cuốn *Con Người Hữu Hình* và *Vô Hình*, có nhiều môn đồ nhận xét rằng danh sách của các đức hạnh được liệt kê dường như chưa được đầy đủ, và có những đức hạnh tuy không được nhắc đến nhưng ít nhất cũng rất phổ thông - chẳng hạn như lòng can đảm, lòng tự trọng, sự vui vẻ, sự thành thực, và lòng trung thành. Lý do mà các đức hạnh này không được liệt kê vào danh sách đầu tiên là bởi vì chúng không có các màu sắc dễ được phân biệt với nhau như những đức hạnh khác, mặc dù chúng ta không nên cho rằng vì vậy mà người có thông nhãn sẽ không phân biệt được sự hiện diện hoặc vắng bóng của chúng. Những phẩm hạnh như vậy thường được nhận ra bởi sự khác biệt về sự cầu

trúc của thể trí hoặc bởi những thay đổi trên bề mặt của nó, nhưng chúng ta có thể nói một cách tổng quát rằng chúng thường được biểu hiện qua *hình dạng* hơn là qua màu sắc.

Trong các hình vẽ về thể trí trong cuốn sách được đề cập ở trên, chúng ta phải nhớ rằng màu sắc thể hiện cho một số phẩm hạnh chính yếu và nói lên một điều gì đó về cách sắp xếp chung của dẫn thể đó. Nói chung, tất cả những màu sắc đại diện cho các đức tính tốt sẽ được tìm thấy ở nửa phần trên của thể trí, và những màu sắc của các tính xấu sẽ nằm hầu hết ở nửa phần dưới. Màu tím của lý tưởng cao vời, màu xanh của lòng sùng tín, màu hồng của tình thương, màu vàng của trí khôn, và ngay cả màu cam của lòng tự hào hoặc tham vọng - tất cả các màu này đều nằm ở phần trên, trong khi một ý nghĩ bị thúc đẩy bởi lòng ích kỷ, ganh tị hoặc tức tối thường rơi xuống đáy của hình bầu dục. Dù rằng các hình vẽ này cho thấy khá rõ ràng về hình dạng của thể trí nếu nó thực sự nằm trong trạng thái nghỉ ngơi, có một sự thay đổi khá lớn về các hình dạng này khi một người đang suy nghĩ thật sâu hoặc tỉ mỉ về một vấn đề gì đó.

Đơn vị hạ trí có thể được coi là trái tim và trung tâm của thể trí, và hình dạng của thể trí nói chung dựa trên quan hệ hoạt động giữa các bộ phận khác nhau của đơn vị này. Những hoạt động trí tuệ khác nhau đương nhiên sẽ được sắp xếp tùy theo các loại

hoặc chuyên môn nhất định, và các chuyên môn này sẽ biểu thị qua các phần khác nhau của đơn vị thể trí. Các đơn vị hạ trí không nhất thiết phải giống nhau. Chúng khác nhau khá nhiều tùy theo Cung và sự tiến hoá của chủ nhân chúng. Nếu một đơn vị hạ trí nằm yên, năng lực mà nó tỏa ra sẽ tạo ra một số cái phễu trong thể trí, giống như ánh sáng chiếu qua miếng kính của lồng đèn huyền thuật (máy chiếu phim) tạo ra một cái phễu ánh sáng tỏa rộng trong không gian giữa lồng đèn và tờ giấy (màn hình).

Trong trường hợp này, bề mặt thể trí có thể được ví như là tờ giấy (màn hình), bởi vì ảnh hưởng trên bề mặt của nó chỉ có thể được nhìn thấy bởi một người đang nhìn vào thể trí từ bên ngoài; do đó, nếu đơn vị hạ trí đang nằm trong trạng thái nghỉ ngơi, chúng ta sẽ thấy bề mặt của thể trí biểu hiện một số hình ảnh có màu sắc đại diện cho các kiểu suy nghĩ khác nhau của con người với các khoảng trống màu đen giữa chúng. Nhưng đơn vị hạ trí, giống như các tổ chức hóa học khác, đang xoay nhanh trên trục của nó, và tác động này tạo ra một loạt các dải nằm ngang trên bề mặt thể trí, không phải lúc nào cũng được xác định rõ ràng hay có cùng một bề rộng như nhau, nhưng các dải màu sắc vẫn có thể dễ được phân biệt và thường ở cùng một vị trí tương đối với nhau.

Khi tư tưởng của một hoài bão xuất hiện, nó luôn tự biểu thị bằng một vòng tròn màu tím nhỏ

xinh xắn trên đỉnh đầu của quả trứng thể trí. Khi người cầu đạo tiến gần đến ngưỡng cửa Đạo, kích thước và hào quang của vòng tròn này tăng trưởng, và trong một Điểm Đạo Đồ, nó là một chiếc mũ dạ quang lồng lẩy với các màu sắc đáng yêu nhất có thể tưởng tượng được. Bên dưới nó thường xuất hiện một vòng màu xanh của ý nghĩ sùng kính, thường là một vòng hẹp, ngoại trừ trong trường hợp của một số ít người có lòng tin vào tôn giáo thật sự sâu sắc và chân chính. Bên cạnh đó, chúng ta có thể có một phạm vi rộng lớn hơn nhiều của những tư tưởng yêu thương, có thể mang màu đỏ thắm hoặc màu hồng phấn, tùy theo loại tình cảm mà nó biểu thị. Ở gần khu vực tình cảm và thường được liên kết chặt chẽ với nó, chúng ta có một dải màu cam thể hiện lòng tự hào và tham vọng, và một lần nữa, trong mối liên hệ mật thiết với lòng tự hào lại xuất hiện vành đai màu vàng của trí tuệ thường được chia thành hai dải, biểu thị theo thứ tự các tư tưởng thuộc về triết học và khoa học. Vùng màu vàng này thường thay đổi rất nhiều trong những người khác nhau, đôi khi nó lấp đầy toàn bộ phần trên của quả trứng, vượt lên trên lòng sùng kính và tình thương, và trong trường hợp này, lòng tự hào thường là thái quá.

Bên dưới các nhóm màu sắc đã được mô tả, chiếm phần giữa của quả trứng là một vành đai rộng dành cho các hình tướng cụ thể - phần của thể trí mà

từ đó phát sinh ra tất cả các loại hình tư tưởng thông thường. Các màu chính ở đây là màu xanh lá cây, thường được tô điểm thêm bởi màu nâu hoặc màu vàng, tùy theo tánh tình của con người.

Không có phần nào của thể trí đa dạng hơn là phần này. Một số người có thể trí đầy ắp các hình tư tưởng cụ thể, trong khi một số khác chỉ có một vài hình tư tưởng cụ thể. Chúng biểu hiện rõ ràng và có đường nét xác định trong một số người; trong một số khác, chúng mơ hồ và hoàn toàn không rõ rệt. Chúng được phân loại, ghi chú và sắp xếp theo thứ tự một cách tỉ mỉ trong một số người; và trong một số khác, chúng không được sắp xếp rõ ràng mà bị bỏ mặc trong một tình trạng hỗn loạn vô cùng vô vọng.

Ở phần dưới của quả trứng là vòng đai biểu lộ tất cả các loại tư tưởng xấu xa. Một sự kết tụ của loại bùn ích kỷ thường lấp đầy một phần ba hoặc thậm chí một phân nửa của thể trí, và bên trên đó đôi khi hiện ra một vòng tròn biểu thị sự thù hận, gian xảo, hoặc sợ hãi. Dĩ nhiên, khi con người tiến hoá, phần dưới này sẽ biến mất và phần trên sẽ từ từ nở rộng ra cho đến khi nó lấp đầy cả thể trí, như được trình bày trong các hình vẽ trong cuốn sách *Con Người Hữu Hình và Vô Hình*.

Nồng độ cảm xúc gợi lên tư tưởng được biểu thị bằng sự rực rỡ của màu sắc. Chẳng hạn, trong cảm giác sùng kính, chúng ta có thể có ba giai đoạn

là lòng tôn trọng, sùng kính, và tôn thờ; trong tình thương, chúng ta có thể có các giai đoạn là lòng tốt bụng, tình bạn, và tình yêu. Tư tưởng càng mạnh thì rung động lại càng mạnh, tư tưởng càng vị tha và hướng về tinh thần càng nhiều thì tần số rung động càng cao. Loại trước (tư tưởng mạnh) tạo ra sự rực rỡ của màu sắc, loại thứ nhì (tư tưởng vị tha) tạo ra sự tinh xảo về màu sắc.

Trong các vòng đai hoặc khu vực khác nhau này, chúng ta thường thấy ít nhiều các đường vân rõ rệt và có thể đánh giá được phẩm chất của con người bằng cách kiểm tra các đường vân này. Ví dụ, một người có một ý chí mạnh mẽ sẽ làm cho toàn bộ thể trí có đường nét rõ rệt hơn. Tất cả các đường vân và bức xạ (radiation) đều ổn định, vững chãi, và có thể được phân biệt rõ ràng; ngược lại, trong trường hợp của một người bình thường hay do dự và yếu đuối về mặt ý chí, các đường nét mạnh mẽ và cứng cáp này sẽ vắng mặt, các đường nét phân chia ranh giới giữa các cá tính khác nhau sẽ mờ mờ, và các đường vân và bức xạ sẽ nhỏ, yếu, và cong vẹo. Lòng can đảm được thể hiện bằng các đường nét cứng rắn và mạnh mẽ, nhất là trong dải màu cam có liên hệ đến lòng tự hào. Lòng tự trọng cũng biểu hiện ở khu vực đó của thể trí, nhưng bằng sự điềm tĩnh và lòng tự tin với đường nét khác hẳn với lòng can đảm.

Tính thật thà và sự tỉ mỉ biểu hiện rất rõ trong các đường vân đều đặn ở phần thể trí dành riêng cho các hình tư tưởng cụ thể và bằng sự trong sáng và đúng đắn của các hình tư tưởng xuất hiện ở nơi đó. Lòng trung thành thể hiện bằng cách tăng cường tình thương và lòng sùng tín, và bằng cách liên tục tạo ra trong phần đó của hình bầu dục của thể trí một hình ảnh của đối tượng của lòng trung thành. Trong phần lớn trường hợp của lòng trung thành, tình thương, và lòng tôn thờ, một hình ảnh mạnh mẽ bền bỉ được tạo ra cho đối tượng của các cảm xúc này và nó luôn trôi nổi trong hào quang của người suy nghĩ, để khi tư tưởng của y hướng về người đó, lực mà y tuôn ra sẽ củng cố hình tư tưởng đã có sẵn thay vì tạo ra một hình tư tưởng mới như thường lệ.

Niềm hân hoan (joy) sẽ khiến thể trí và thể vía rực lên và bùng sáng, và tạo ra một gợn sóng đặc biệt trên bề mặt của các thể. Sự vui vẻ (cheerfulness) nói chung tự thể hiện dưới dạng sủi bọt được biến đổi từ hình dạng trên và trong một hình dạng đều đặn, thanh thản dễ nhìn. Trái lại, sự ngạc nhiên (surprise) biểu hiện bằng một sự co thắt mạnh của thể trí, kèm theo với sự rực sáng của các vòng đai tình thương nếu sự ngạc nhiên là một điều dễ chịu, và bằng một sự biến đổi về màu sắc thường bao gồm khá nhiều màu nâu và xám ở phần dưới của hình bầu dục nếu sự ngạc nhiên là một điều khó chịu. Sự co thắt này thường được truyền đến thể vía

và ngay cả thể xác, và nó hay gây ra một cảm giác đặc biệt khó chịu, đôi khi ảnh hưởng đến luân xa đan điền (khiến đương sự cảm thấy bị hụt hẫng hoặc sanh bệnh), và đôi khi đến luân xa trái tim, trong trường hợp này nó gây ra sự hồi hộp hoặc thậm chí tử vong, nên một sự bất ngờ đột ngột có thể giết chết một người bị yếu tim. Sự kinh ngạc (awe) cũng giống như sự ngạc nhiên (wonder), nhưng khác là nó kèm theo một sự thay đổi đáng kể trong phần tôn sùng của thể trí, thường phình ra dưới ảnh hưởng này và có những đường vân nổi lên rõ ràng hơn.

Khi dòng tư tưởng của một người hướng về một trong các con kênh này một cách mãnh liệt, phần thể trí đáp ứng với tư tưởng đó thường phình ra, kèm theo sự sáng sủa hơn về màu sắc và do đó thay đổi hình dạng cân xứng của hình quả trứng (của thể trí) trong một khoảng thời gian. Ở nhiều người, sự phình ra như vậy là vĩnh viễn, và điều này có nghĩa là số lượng tư tưởng về môn đó đang tăng trưởng đều đặn. Thí dụ, nếu một người đang tham gia vào một nghiên cứu khoa học nào đó và vì vậy đột nhiên phải đổ nhiều tư tưởng của mình theo đường lối đó nhiều hơn khi trước, kết quả đầu tiên là một sự phình ra như tôi đã mô tả; nhưng nếu y giữ số lượng tư tưởng của mình về các đề tài khoa học đều đặn như ở mức độ mà y đang làm hiện nay, phần phình ra sẽ từ từ xếp lại vào đường viền chung của quả

trứng, nhưng dải màu sắc của nó sẽ trở nên rộng hơn khi trước.

Tuy nhiên, nếu sự thích thú của người đó đối với các chủ đề khoa học tăng trưởng một cách đều đặn, phần phình ra vẫn hiện diện mặc dù vành đai đã nở rộng. Tác động của điều này nói chung là trong người chưa tiến hóa, phần dưới của hình bầu dục thường có xu hướng lớn hơn phần trên, nên thể trí và thể vía có hình dạng của một quả trứng với đầu nhỏ nằm bên trên; trong khi đó, ở người tiến hoá hơn, những đức tính biểu hiện ở phần trên lúc nào cũng có xu hướng tăng trưởng, và do đó trong một khoảng thời gian, chúng ta có kết quả của một hình quả trứng với đầu nhỏ nằm ở phía dưới. Nhưng xu hướng tự nhiên là hình bầu dục lúc nào cũng sẽ tự điều chỉnh lại cho nó được cân xứng, nên sự xuất hiện như vậy chỉ là tạm thời.

Người ta thường nói rằng các chất liệu trong thể trí và thể vía đều di chuyển không ngừng. Chẳng hạn, khi thể vía bị xáo trộn do bất kỳ một cảm xúc đột ngột nào, tất cả các chất liệu của nó dường như bị cuốn xoáy trong một cơn bão tố, nên trong thời gian đó, tất cả các màu sắc đều trở nên hỗn loạn. Tuy nhiên, sau đó, vì trọng lượng đặc biệt của các chất liệu khác nhau sẽ phản ánh hoặc chiếu ra các màu sắc khác nhau nên toàn bộ thể vía sẽ được tái sắp xếp một lần nữa vào các khu vực thường lệ của nó. Ngay cả khi đó, các chất liệu cũng không phải là

yên nghĩ hoàn toàn, vì các hạt phân tử (particles) lúc nào cũng đều lao đi loanh quanh trong các khu vực này, tuy chúng ít khi rời khỏi vành đai của mình để xâm lấn chỗ khác. Tuy nhiên, sự di động trong khu vực của chúng là một điều lành mạnh, vì một người thiếu sự di động như vậy sẽ là một loài giáp xác về tư tưởng, không có khả năng phát triển cho đến khi y phá vỡ được cái vỏ đó. Sự linh động của chất liệu trong bất kỳ khu vực cụ thể nào sẽ gia tăng phù hợp với số lượng tư tưởng dành cho chủ đề mà nó được dùng để biểu lộ.

Nếu một người để cho suy nghĩ của mình bị cứng ngắt về một chủ đề nào đó, sự ứ đọng đó sẽ được phản ánh chính xác như vậy trong chất liệu dành riêng cho chủ đề đó. Nếu một người phát sinh thành kiến, suy nghĩ về chủ đề đó sẽ hoàn toàn ngừng lại, và một vòng xoáy nhỏ được thành lập mà chất liệu thể trí cứ chạy vòng vo trong đó cho đến khi nó đông đặc lại và trở thành một cái mụn cóc. Trừ phi và đến khi mụn cóc này bị hao mòn hoặc được nhổ tận gốc, con người không thể sử dụng được phần thể trí đặc biệt đó của y, và y không thể suy nghĩ về chủ đề đó một cách hợp lý. Cái khối hơi thối đông đặc này sẽ ngăn cản hết mọi hoạt động tự do cho dù nó hướng ngoại hoặc hướng nội; một mặt, nó ngăn cản không cho y nhìn thấy vấn đề một cách rõ ràng, hoặc ngăn cản không cho y tiếp nhận những cái nhìn mới đáng tin về vấn đề đó; mặt khác, nó

còn ngăn cản không cho y có được bất kỳ một ý kiến sáng suốt nào về vấn đề đó.

Những vết như vậy trong thể trí không may cũng là trung tâm của sự truyền nhiễm – yếu điểm không nhìn thấy rõ được sự thật có thể tăng dần và lan rộng. Nếu một phần của thể trí con người bị ứ đọng, những phần khác cũng dễ bị ảnh hưởng theo; nếu một người cho phép mình có thành kiến về một vấn đề gì, y sẽ nhanh chóng phát sinh thành kiến với nhiều vấn đề khác, bởi vì dòng chảy lành mạnh của chất liệu thể trí đã bị trói buộc và một thói quen nhìn sai sự thật đã được thành hình. Thành kiến về tôn giáo là phổ biến và nghiêm trọng nhất, vì nó hoàn toàn ngăn cản bất cứ suy nghĩ hợp lý nào liên quan đến vấn đề đó. Thật không may là phần lớn nhân loại đều có nguyên phần này của thể trí, lẽ ra phải được lấp đầy với các chất liệu tôn giáo linh hoạt, lại bị thụ động, đóng vôi, và nẩy đầy mụn cóc, đến nỗi ngay cả một quan niệm sơ đẳng nhất về sự thật của tôn giáo vẫn là một điều không thể chấp nhận được đối với họ, cho đến khi một biến cố lớn xảy ra.

Bạn có thể nhớ rằng trong cuốn *Con Người Hữu Hình và Vô Hình*, các hình vẽ có trình bày thể vía của các kiểu người thuộc về loại sùng tín và khoa học. Một vài kiểu biến hóa của hai loại người này mà chúng ta thường gặp là người có trực giác và người có thái độ thực tế. Loại người sau nói

chung thường có nhiều màu vàng hơn trong thể trí của họ, và các dải màu sắc thường là đều đặn và có trật tự. Họ là người ít có tình cảm và trí tưởng tượng hơn người có trực giác, do đó ở nhiều mặt, họ thường ít hăng hái và xông xáo hơn, nhưng mặt khác, họ ít khi làm sai, và nói chung việc gì mà họ làm thường được thi hành rất tốt và cẩn thận. Trong dẫn thể của người có trực giác, chúng ta thấy có nhiều màu xanh hơn, nhưng các màu sắc nói chung là mơ hồ và nguyên cả dẫn thể ít có trật tự. Y hay bị đau khổ nhiều hơn so với loại người có tính trầm tĩnh hơn, nhưng đôi khi chính vì sự đau khổ này mà y lại tiến bộ nhanh hơn. Dĩ nhiên, cả hai đức tính sốt sắng và nhiệt tình, trầm tĩnh và trật tự, đều có một vị trí trong con người hoàn hảo, chỉ là đức tính nào sẽ được thành tựu sớm hơn mà thôi.

Các dòng tư tưởng huyền bí và sự hiện diện của các quyền năng tâm linh được biểu thị bằng những màu sắc không hiện hữu ở cõi trần. Khi một người bắt đầu phát triển theo đường lối huyền bí, toàn bộ thể trí của y phải được nhanh chóng thanh lọc và đưa vào trạng thái hoạt động toàn diện, vì mọi phần của nó đều là cần thiết và mọi bộ phận phải tuyệt đối nằm trong trạng thái tốt nhất nếu y muốn có bất kỳ một sự tiến bộ nào thật sự. Điều cần thiết nhất là họ phải có khả năng tạo ra những hình tư tưởng mạnh mẽ và rõ ràng, và thêm vào đó, nếu họ có thể hình dung được chúng một cách rõ ràng thì điều đó

sẽ hữu ích và là một niềm khích lệ lớn đối với bản thân. Hai hoạt động trên không nên bị nhầm lẫn với nhau; một người có thể làm ra một hình tư tưởng mạnh và rõ hơn một người khác, nhưng lại không thể hình dung nó được rõ ràng. Sự cấu tạo tư tưởng là một hoạt động trực tiếp của ý chí được thực hiện qua thể trí, còn việc hình dung chỉ là khả năng nhìn thấy bằng thông nhãn hình tư tưởng mà y đã tạo ra. Hãy để y suy nghĩ thật sâu về một vật nào đó, và hình ảnh của nó sẽ hiện ra trong thể trí – nó vẫn ở đó cho dù y có hình dung được nó hay không.

Chúng ta cần phải nhớ rằng mọi suy nghĩ ở cõi trần đều phải được thực hiện qua bộ não xác thịt, vì vậy để thành công, điều thiết yếu không phải là chỉ phát triển thể trí mà còn phải đưa cả bộ óc xác thịt vào nề nếp để thể trí có thể dễ dàng làm việc qua nó. Ai cũng biết bộ não có một số khu vực nhất định có liên quan đến các phẩm tính và khả năng suy nghĩ theo các đường lối đặc biệt của con người, và tất cả mọi thứ này đều phải được sắp xếp cho trật tự để tương ứng chính xác với các khu vực trong thể trí.

Một điểm khác, có lẽ quan trọng nhất, là còn có một mối quan hệ khác cần phải được tạo ra và duy trì tích cực – mối quan hệ giữa linh hồn và thể trí - vì linh hồn mới chính là lực lượng đứng đằng sau sử dụng tất cả những phẩm tính và sức mạnh này. Để chúng ta có thể suy nghĩ được về bất cứ điều gì, trước tiên chúng ta phải nhớ nó; để cho chúng ta

nhớ nó, chúng ta phải chú ý đến nó; chú ý là sự hướng hạ của linh hồn xuống các dẫn thể của mình để có thể nhìn ra ngoài thông qua chúng. Rất nhiều người có một thể trí tốt và một bộ não tốt, nhưng họ hiếm khi biết dùng đến chúng bởi vì họ ít chú ý đến sự sống bên trong - có nghĩa là, bởi vì linh hồn chỉ đặt một phần nhỏ của y xuống những cõi thấp hơn nên các dẫn thể được thả tự do chạy tán loạn như ý. Tôi đã từng viết về cách chữa trị cho tình trạng này ở một cuốn sách khác. Tôi có thể nói ngắn gọn là như vậy: Hãy tạo cho linh hồn những điều kiện y mong muốn, và y sẽ lập tức đưa bản thân mình xuống nhiều hơn để tận dụng các lợi thế của các cơ hội như thế. Nếu linh hồn muốn phát triển tình thương, hãy cho y cơ hội bằng cách vun đắp tình thương một cách tối đa ở các cõi thấp hơn, và linh hồn sẽ lập tức đáp lại. Nếu điều y muốn chính là trí tuệ, hãy cố gắng học hỏi để bạn có thể trở nên khôn ngoan hơn ở cõi trần, và một lần nữa, linh hồn sẽ quý nỗ lực của bạn và vui vẻ hợp tác. Hãy tìm hiểu những thứ gì mà linh hồn muốn và thành toàn cho y, và bạn sẽ không có lý do gì để than phiền về phản ứng của linh hồn.

MỘT QUYỀN NĂNG BỊ BỎ QUÊN

Nhiều người chưa nghiên cứu sâu về vật chất và bản chất của nó sẽ không bao giờ biết rằng tư tưởng sở hữu một sức mạnh phi thường. Hơi lực (sức mạnh của hơi nước) và thủy lực là những hiện tượng thực tế đối với con người vì họ có thể nhìn thấy được tác động của chúng, nhưng quyền năng tư tưởng là một cái gì đó mơ hồ, khó hiểu và vô hình đối với họ. Tuy nhiên, những người chịu bỏ công phu nghiên cứu về vấn đề này sẽ hiểu rõ rằng quyền năng tư tưởng cũng là một sự thực như những thứ kia.

Điều này là sự thật trên hai phương diện - *trực tiếp* và *gián tiếp*. Mỗi người đều nhận ra được tác động gián tiếp của tư tưởng trên người họ, vì hiển nhiên họ phải suy nghĩ trước khi có thể làm bất cứ điều gì, và tư tưởng là động lực của hành động, cũng như nước là động lực của nhà máy thủy lực. Tuy nhiên, nhiều người thường không biết rằng tư tưởng cũng có một tác động *trực tiếp* lên vật chất, nên dù người đó có biến tư tưởng của mình thành hành động hay không thì chính tư tưởng đó cũng đã tạo nên một kết quả riêng của nó.

Độc giả của chúng ta biết rằng có nhiều loại vật chất mịn màng hơn loại hữu hình đối với thị giác hồng trần, và sức mạnh tư duy của con người tác động trực tiếp lên số chất liệu này và khiến chúng di

chuyển. Một tư tưởng biểu lộ như là một sự rung động trong thể trí của con người; nó được truyền ra bên ngoài và tạo ra một kết quả trên chất liệu của môi trường. Do đó, tư tưởng tự nó là một lực lượng thật sự, và điểm đáng chú ý về điều này là mỗi người chúng ta đều sở hữu sức mạnh này. Một số ít người giàu có đã nắm trong tay họ quyền quản lý hơi lực và điện lực của toàn cầu; ai cũng cần có tiền để mua được quyền sử dụng nó, và do đó đối với nhiều người, đây là một việc họ không thể thực hiện được. Nhưng hiện giờ cũng có một quyền năng nằm sẵn trong tay mọi người - nghèo cũng như giàu, trẻ cũng như già - điều mà chúng ta chỉ cần làm là học sử dụng nó.

Thật vậy, hiện giờ, bất người nào trong chúng ta cũng đang sử dụng nó ở mức độ nào đó, nhưng vì chúng ta không hiểu được nó nên chúng ta thường vô tình dùng nó để gây hại hơn là làm lợi cho chính bản thân mình và những người khác.

Những ai đã từng đọc qua cuốn sách *Các Hình Tư Tưởng* sẽ nhớ rằng trong đó có giải thích rằng một tư tưởng tạo ra hai kết quả chính ở bên ngoài - một rung động phát xạ và một hình trôi nổi. Chúng ta hãy xem chúng ảnh hưởng thế nào đến bản thân tác giả và những người khác.

Điều đầu tiên cần phải nhớ là sức mạnh của thói quen. Nếu chúng ta tập cho thể trí của chúng ta làm quen với một loại rung động đặc biệt nào đó, nó

sẽ học tạo lại rung động đó dễ dàng hơn. Nếu chúng ta suy nghĩ về một loại tư tưởng nào đó ngày hôm nay, nó sẽ làm cho chúng ta dễ suy nghĩ về tư tưởng đó hơn ngày mai. Nếu một người cho phép mình bắt đầu nghĩ xấu về người láng giềng, y sẽ dễ nhanh chóng nghĩ xấu về người đó hơn và khó nghĩ ra điều gì tốt lành về người ấy. Do đó, nó tạo ra một thành kiến vô cùng phi lý khiến y trở nên hoàn toàn mù quáng với ưu điểm của người hàng xóm và chỉ thổi phồng lên khuyết điểm của họ một cách khủng khiếp.

Sau đó, tư tưởng của y bắt đầu lôi kéo cảm xúc của y, bởi vì y chỉ nhìn thấy cái xấu ở người đó nên y bắt đầu ghét họ. Những rung động thô kệch trong chất liệu thể trí sẽ kích thích các chất liệu đậm đặc hơn ở cõi trung giới, cũng như gió làm khuấy động mặt biển. Chúng ta cũng biết rằng bằng cách ngẫm nghĩ lại về những gì mà ta cho là bất công đối với ta, ta sẽ dễ nổi giận, mặc dù chúng ta thường quên đi một lý luận khác rất hợp lý là bằng cách suy nghĩ một cách bình tĩnh và hợp lý, một người cũng có thể ngăn cản hoặc gạt bỏ cơn tức tối.

Hình tư tưởng còn có một tác động khác phản hồi trên người tạo ra nó. Nếu nó nhắm vào một người khác, tư tưởng đó sẽ lao đến họ như là một hoả tiễn, nhưng nếu tư tưởng đó (thông thường là như vậy) có liên quan chính đến chính bản thân tác giả thì hình tư tưởng đó cũng sẽ lơ lửng chung

quanh y, sẵn sàng tác động lên y và tự tái tạo lại chính nó - có nghĩa là, khơi dậy tư tưởng đó thêm một lần nữa trong tâm trí của y. Người đó sẽ cảm thấy như thể nó được đặt vào tâm trí của mình từ bên ngoài, và nếu đó là một tư tưởng xấu thì y cho rằng ma quỷ đang dụ dỗ y, trong khi kinh nghiệm đó không có gì khác hơn là một kết quả phản hồi tự nhiên của tư tưởng trước đó của chính y.

Bây giờ, hãy thử xem phần kiến thức này có thể được sử dụng như thế nào. Rõ ràng là mọi tư tưởng và cảm xúc đều để lại một dấu ấn bền bỉ, bởi vì nó có thể làm mạnh hoặc yếu đi một xu hướng, và hơn nữa, nó luôn tác động lên tác giả. Do đó, rõ ràng là chúng ta phải cẩn thận tối đa với bất kỳ tư tưởng hoặc cảm xúc nào mà chúng ta cho phép nảy sinh trong ta. Chúng ta không nên bào chữa, như nhiều người đã từng làm, rằng những cảm giác tiêu cực là chuyện đương nhiên trong những hoàn cảnh đặc biệt, mà chúng ta phải xác định lại đặc quyền thống trị vương quốc tư tưởng và tình cảm của mình. Nếu chúng ta có thể nhiễm thói quen nghĩ xấu thì chúng ta cũng có khả năng nhiễm thói quen nghĩ tốt. Chúng ta có thể tập thói quen tìm thấy những phẩm tính tốt thay vì xấu trong những người mà ta tiếp xúc, và chúng ta sẽ ngạc nhiên khi nhận ra rằng các phẩm tính tốt lành này là nhiều và quan trọng đến cỡ nào. Vì vậy, chúng ta sẽ trở nên thân thiện hơn

với mọi người thay vì ghét bỏ họ, và ít nhất có khả năng đánh giá họ một cách công bình hơn.

Chúng ta nhất định có thể tạo cho mình một thói quen hữu ích là tập suy nghĩ những tư tưởng tốt lành và tử tế, vì nếu chúng ta làm được như vậy, chúng ta sẽ nhanh chóng cảm thấy được hiệu quả của sự tập luyện này. Tâm trí của chúng ta sẽ bắt đầu làm việc dễ dàng hơn theo con kênh của lòng ngưỡng mộ và tán thưởng, thay vì theo con kênh của sự hoài nghi và chê bai; khi nào bộ não của chúng ta trống không, những tư tưởng tốt thay vì xấu sẽ xuất hiện, bởi vì chúng sẽ là tác động của những hình ảnh ôn hòa mà chúng ta đã dày công tu luyện để bảo bọc chúng ta. “Tướng tự tâm sanh” - rõ ràng việc sử dụng quyền năng tư tưởng theo một hệ thống có quy tắc sẽ làm cho đời sống của chúng ta trở nên dễ chịu và thoải mái hơn.

Bây giờ, chúng ta hãy xem tư tưởng của chúng ta ảnh hưởng đến người khác như thế nào. Các cơn sóng bức xạ, cũng như nhiều những rung động khác trong thiên nhiên, có xu hướng tái lập. Đặt một đồ vật trước ngọn lửa, một chốc sau đồ vật đó sẽ trở nên nóng bỏng, tại sao? Bởi vì bức xạ của các rung động nhanh nhẹn từ chất liệu nóng bức trong lò lửa đã khuấy động các phần tử của đồ vật đó đi vào trạng thái dao động nhanh hơn. Cũng vậy, nếu chúng ta kiên trì phát ra những làn sóng suy nghĩ tử tế lên người khác, sớm muộn gì nó cũng sẽ đánh

thức những rung động tương tự trong y. Những hình tư tưởng nhắm vào y sẽ lơ lửng chung quanh y và tác động lên y một cách tốt lành khi có cơ hội. Cũng như một tư tưởng xấu có thể là một con quỷ cám dỗ đối với chính tác giả hay một kẻ khác, một tư tưởng tốt cũng có thể thật sự là một vị thần hộ mạng, khuyến khích đạo đức và xua đuổi tật xấu.

Rất đáng tiếc thái độ cầu nhàu và hay soi mói lỗi của người khác là một thói quen rất thịnh hành hiện nay, và những người có thái độ này dường như không bao giờ nhận ra được điều tai hại mà họ đang làm. Nếu chúng ta nghiên cứu hậu quả của nó một cách khoa học, chúng ta sẽ thấy rằng thói quen bêu xấu người khác không có gì khác hơn là một hành động độc ác. Nó không quan trọng là lời đồn này có nền tảng thật sự hay không, vì trong cả hai trường hợp, nó không thể nào mà không gây ra tai hại. Ở đây, chúng ta có một số người cứ tập trung tâm trí của họ vào một cá tính xấu giả định nào đó của một người khác, rồi họ cố ý lôi kéo sự chú ý của hàng tá người khác đến nó, những người mà lẽ ra không bao giờ nảy sinh ra một ý nghĩ như vậy.

Giả sử họ buộc tội nạn nhân của họ có tính ganh tị. Lập tức, hàng trăm người bắt đầu đổ xuống đầu kẻ đau khổ bất hạnh này những luồng tư tưởng gợi ý ganh ghét. Hiển nhiên, nếu người đàn ông tội nghiệp này có bất kỳ xu hướng gì về tính xấu đó, không phải nó sẽ bị tăng cường bởi một cơn nước lũ

như thế? Và nếu lời đồn ác ý này không có nền tảng gì như nó thường xảy ra, những kẻ háo hức lan truyền nó bằng mọi giá sẽ cố hết sức tạo ra tật xấu này trong người đàn ông đó, một tật xấu mà sự hiện hữu hư cấu của nó làm cho họ cảm thấy hả dạ một cách hả hê.

Hãy tiếp tục nghĩ về bạn bè của bạn, nhưng hãy nghĩ về ưu điểm của họ, không phải chỉ vì đó là một điều lành mạnh hơn cho bạn, mà bởi vì khi làm được như vậy, bạn sẽ củng cố chúng. Khi bạn buộc phải miễn cưỡng nhận ra một cá tính xấu nào đó trong một người bạn, hãy cố để ý *không* suy nghĩ về nó, mà ngược lại hãy nghĩ về một đức hạnh đối nghịch với nó mà bạn hy vọng người đó sẽ phát triển. Nếu y có tính keo kiệt hoặc lòng dạ hẹp hòi, hãy cẩn thận tránh đòn đại về khuyết điểm này hoặc thậm chí nghĩ về nó, bởi vì nếu như bạn làm như vậy, rung động mà bạn gửi đến cho y chỉ khiến nó trở nên tồi tệ hơn. Thay vào đó, hãy cố hết sức suy nghĩ về đức tính mà y cần có, bao phủ y với các làn sóng của tính hào phóng và tình thương, vì như vậy bạn sẽ thật sự giúp đỡ cho người anh em của bạn.

Hãy sử dụng quyền năng tư tưởng theo các đường lối này thì bạn thật sự sẽ trở thành một trung tâm ban phúc lành ở chân trời bé nhỏ của bạn. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng bạn chỉ có một số năng lượng giới hạn để sử dụng, và nếu bạn muốn có đủ năng

lượng để trở nên hữu ích thì bạn không nên lãng phí nó.

Người bình thường chỉ là một trung tâm của các rung động bất loạn; y luôn ở trong một trạng thái lo âu phiền não về một điều gì đó hay ở trong một trạng thái trầm cảm nặng nề, còn không thì y lại bị kích động quá độ trong nỗ lực muốn đạt được một điều gì đó. Vì lý do này hoặc lý do kia, y lúc nào cũng ở trong một trạng thái kích động không cần thiết, thường chỉ vì những chuyện vặt vãnh. Điều này có nghĩa là y lúc nào cũng đang lãng phí năng lượng, phung phí nó một cách vô ích thay vì lẽ ra nên dùng nó vào trong các công việc hữu ích mà y nên gánh vác – một hành động có lẽ sẽ khiến y cảm thấy khoẻ mạnh và hạnh phúc hơn.

Một cách khác mà y có thể lãng phí nhiều năng lượng là tham gia vào những cuộc tranh luận không cần thiết, vì lúc nào y cũng cố gắng thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Y quên rằng bất cứ vấn đề nào cũng có nhiều mặt, cho dù đó là tôn giáo, chính trị, hoặc những vấn đề thực tiễn khác trong đời sống; rằng người khác hoàn toàn có quyền tự do về quan điểm của họ, và dù sao đi nữa thì nó cũng không quan trọng, bởi vì thực chất vấn đề đó vẫn là như vậy cho dù họ có suy nghĩ ra sao. Phần lớn các vấn đề mà con người tranh cãi thực sự không đáng để bàn đến, và những người lớn

tiếng nhất và tự tin nhất thường chính là những người thiếu hiểu biết nhất.

Một người muốn làm việc có lợi cho mình hoặc cho người khác qua quyền năng tư tưởng phải biết tiết kiệm năng lượng của mình; y phải điềm tĩnh và thực tế, phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi nói hay hành động. Tuy nhiên, không nên nghi ngờ sức mạnh phi thường của tư tưởng, vì bất cứ người nào chịu bỏ sức ra học hỏi đều có thể sử dụng nó, và qua cách đó, mỗi người chúng ta đều có thể tiến bộ rất nhanh và làm nhiều việc hữu ích cho đời.

Bạn nên học hỏi về quyền năng tư tưởng và cố gắng kiểm soát các tư tưởng xấu xa, độc ác, hay ích kỷ. Các tư tưởng đều tạo ra kết quả của chúng cho dù chúng ta có muốn chúng hay không. Mỗi lần bạn kiểm soát được chúng thì bạn sẽ có khả năng điều khiển chúng dễ hơn lần sau. Gởi tư tưởng đến cho một người khác trên thực tế cũng giống như việc tặng tiền, đó là một hành động từ thiện mà thậm chí người nghèo nhất cũng có thể làm được. Một người khôn khéo có thể tạo ra kết quả mà y muốn một cách có ý thức. Lan truyền sự trầm cảm là một điều tội lỗi vì nó cản trở những tư tưởng cao thượng hơn xuất hiện. Nó gây ra nhiều đau khổ cho những người nhạy cảm và là nguyên nhân gây ra sự sợ hãi cho trẻ em vào ban đêm. Thật không phải đạo khi ta ô nhiễm một sự sống còn non dại, như nhiều người đã làm bằng cách để cho những tư tưởng xấu xa và

khổ khổ rơi lên nó. Hãy quên đi nỗi buồn của bạn và thay vào đó, hãy gửi đi những tư tưởng tốt lành đến những người đang mang bệnh.

Tư tưởng của bạn không phải (như bạn có thể cho rằng) chỉ là chuyện riêng của bạn, bởi vì rung động của nó có ảnh hưởng đến người khác. Các tư tưởng xấu có tầm ảnh hưởng còn xa hơn những lời nói độc ác, nhưng chúng không thể ảnh hưởng một người hoàn toàn miễn nhiễm với bản chất mà chúng chuyên chở. Chẳng hạn, tư tưởng thêm rượu không thể xâm nhập cơ thể của một người đã hoàn toàn biết tiết chế. Nó có thể tấn công vào thể vía của y, nhưng vì nó không thể xâm nhập y nên nó sẽ quay ngược lại người đã gởi ra nó.

Ý chí có thể được rèn luyện để tác động trực tiếp lên vật chất hồng trần. Một thí dụ bạn có thể nằm trong kinh nghiệm của bạn là một hình tư tưởng thường được sử dụng cho các mục đích tham thiền; nó được quan sát là nét biểu lộ của nó có vẻ thay đổi vì sức mạnh của một hình tư tưởng mạnh mẽ và bền bỉ chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến các phần tử vật lý ở cõi trần. Bà Blavatsky thường bắt học trò của Bà rèn luyện ý chí bằng cách yêu cầu họ treo một cây kim bằng một sợi chỉ và sau đó tập di chuyển nó bằng sức mạnh của ý chí. Một nhà điêu khắc cũng sử dụng quyền năng tư tưởng này theo một cách hoàn toàn khác hẳn. Khi y nhìn thấy một khối đá cẩm thạch, y tạo ra một hình tư tưởng mạnh

mẽ về bức tượng mà y có thể điêu khắc từ nó. Sau đó, y đặt hình tư tưởng này vào bên trong phiến đá và bắt đầu đục đẽo từng chút các phần nằm ngoài hình tư tưởng cho đến khi chỉ còn lại phần của phiến đá đã được thấm nhuần bởi hình tư tưởng.

Hãy tập bỏ ra một chút thì giờ hàng ngày dành cho việc tạo ra các tư tưởng tốt lành về người khác và gửi chúng đến họ. Đây là một bài tập rất tốt cho bạn và chắc chắn cũng sẽ tốt cho các bệnh nhân của bạn.

TRỰC GIÁC VÀ HỨNG KHỞI (INTUITION AND IMPULSE)

Bạn hỏi làm cách nào bạn có thể phân biệt được giữa húng khởi và trực giác. Tôi hoàn toàn hiểu được nan đề của bạn. Lúc đầu, một môn sinh sẽ khó thực hiện được điều này, nhưng hãy yên tâm vì điều khó khăn này chỉ là một vấn đề tạm thời. Khi bạn đã tiến bộ thì bạn sẽ đến một giai đoạn mà bạn sẽ khẳng định được trực giác một cách chắc chắn, vì sự khác biệt giữa nó và húng khởi sẽ rõ ràng đến nỗi nó không thể nào bị lầm lẫn.

Thoạt đầu, chúng có vẻ giống nhau vì cả hai đều đến từ trong tâm trí nên chúng ta phải hết sức cẩn thận, và quả thật chúng ta khó đưa ra một khẳng

định nào chính xác. Tuy nhiên, một hoặc hai điều cần nhắc sau đây có thể giúp bạn. Tôi đã từng nghe Bà Besant nói rằng tốt nhất lúc nào cũng nên đợi một chút nếu hoàn cảnh cho phép, vì nếu chúng ta đợi một chút thì sự hứng khởi thường giảm đi, trong khi trực giác thì không hề bị ảnh hưởng bởi thời gian. Hơn nữa, sự hứng khởi gần như hay đi đôi với sự phấn khích; lúc nào nó cũng mang một tính cách cá nhân, nên nếu nó không được thoả mãn ngay lập tức, hoặc nếu có bất cứ điều gì nghịch với ý nó, nó sẽ nảy sinh một cảm giác bức bối; trong khi một trực giác chân chính, mặc dù cũng có một cá tính quả quyết, nhưng lại được bao phủ bởi một lực trầm tĩnh. Hứng khởi là một sự trào dâng của thể vía, còn trực giác là một mảnh vụn của minh triết từ linh hồn đưa xuống và gây nên một ấn tượng trên tâm trí của phàm ngã.

Đôi khi, một ấn tượng đột ngột không hẳn là từ bên trong mà là từ bên ngoài, một thông điệp hoặc một gợi ý từ một người nào đó ở cõi cao hơn - thông thường là một người nào đã chết đi ngang qua, hoặc có thể là một người thân đã ra đi. Tốt nhất là hãy coi lời khuyên này giống như nó được đưa ra ở cõi trần - hãy nghe theo nó nếu nó hợp lý và gạt bỏ nó nếu nó phi lý, bởi vì một người không nhất định sẽ khôn ngoan hơn chúng ta chỉ vì y đã chết. Trong vấn đề này cũng như các vấn đề khác, chúng ta phải kiểm soát hành động của mình bằng một thái độ thực tế

vững vàng và không nên lao theo các ảo tưởng hoặc giấc mộng một cách điên rồ.

Ở giai đoạn này, tôi khuyên bạn lúc nào cũng nên tuân theo lý trí nếu bạn nắm chắc được những tiền đề mà từ đó bạn suy luận ra. Theo thời gian và dựa trên kinh nghiệm, bạn sẽ biết trực giác của bạn có đáng tin cậy hay không. Sự hứng khởi xuất phát đơn thuần từ thể vía, nhưng trực giác chính thống đến trực tiếp từ cõi thượng trí và thậm chí đôi khi từ cõi Bồ Đề. Dĩ nhiên, nếu bạn chắc chắn rằng nó đến từ cõi Bồ Đề thì bạn có thể tuân theo nó một cách không do dự, nhưng trong thời gian bạn đang chuyển qua giai đoạn kế tiếp, bạn bắt buộc phải chịu chấp nhận một số rủi ro nhất định - hoặc là đôi khi ta đánh mất tia sáng của chân lý cao hơn vì ta bám quá chặt vào lý trí, hoặc là đôi khi ta bị đánh lạc hướng do ta lầm lẫn sự hứng khởi với trực giác. Chính bản thân tôi cũng sợ khả năng thứ hai này nên nhiều lần tôi thường tuân theo lý trí hơn là trực giác, và chỉ sau khi liên tiếp khám phá ra rằng có một loại trực giác đặc biệt lúc nào cũng đúng, tôi mới cho phép mình hoàn toàn tin cậy vào nó. Chắc chắn bạn cũng sẽ trải qua các giai đoạn kế tiếp này, nhưng bạn không cần phải lo lắng quá nhiều về nó.

CÁC TRUNG TÂM TƯ TƯỞNG

Ở các cảnh cao hơn của cõi trí, tư tưởng của chúng ta hoạt động mạnh hơn bởi vì chúng ta dường như có cả một bầu trời riêng biệt của **mình**. Chúng ta không có nhiều tư tưởng khác để cạnh tranh với chúng ta trong khu vực đó. Khi cùng suy nghĩ về một vấn đề, mọi người sẽ có khuynh hướng *đồng tình* với nhau ở một mức nào đó. Bất kỳ một tư tưởng mạnh nào trong thế giới này đều có thể bị thu hút đến bạn, và bạn cũng có thể bị ảnh hưởng bởi người nghĩ ra nó. Tư tưởng mạnh thường hoạt động liên tục và nó dễ biến thành hành động liên quan đến các vấn đề mà ít người nghĩ đến, bởi vì trong các trường hợp này, các rung động có cá tính riêng biệt và làm việc tự do hơn. Bất kỳ một ý tưởng hoặc hình ảnh đột ngột nào đến với bạn có thể chỉ đơn giản là hình tư tưởng của một người nào đó rất quan tâm đến vấn đề này. Người đó có thể ở bất cứ một khoảng cách nào đó đối với bạn, mặc dù sự gần gũi của thể xác đúng là có làm cho sự truyền đạt này xảy ra dễ hơn.

Có một loại giống như là sự trắc nghiệm tinh thần (psychometrisation) của một hình tư tưởng. Các khối tư tưởng về một chủ đề nhất định là những thực thể thật sự và chúng chiếm một vị trí trong không gian. Các tư tưởng của cùng một chủ đề và cùng một đặc tính có xu hướng tụ tập với nhau. Phần đông các chủ đề đều có một trung tâm tư

Comment [tn1]: Ở cõi trí, các hình tư tưởng vì tần số rung động sẽ thu hút lẫn nhau nên chúng có thể được chia ra từng cảnh. Mỗi cảnh cũng có những cảnh phụ của nó.

tưởng, một khoảng không gian nhất định trong bầu khí quyển, và các suy nghĩ về một trong các chủ đề này thường bị thu hút về trung tâm của nó, nơi có thể hấp thụ bất cứ một số lượng ý tưởng nào, mạch lạc hay rời rạc, đúng hay sai. Ở trung tâm đặc biệt này, bạn sẽ thấy rằng mọi ý nghĩ về một chủ đề nào đó được hút vào một trọng điểm, và từ đó bạn có thể trải nghiệm tinh thần các hình tư tưởng khác nhau, theo dõi chúng đến người suy nghĩ ra chúng và lấy thêm nhiều kiến thức khác từ họ.

Chúng ta có thể dễ thấy rằng khi một người đang suy nghĩ về một vấn đề gì hơi khó, họ có thể thu hút được tư duy của một người khác đã từng nghiên cứu về nó và thậm chí luôn cả chính người đó nếu y đang ở cõi trung giới. Trong trường hợp sau, người đó có thể đang thức tỉnh hoặc đang ngủ. Có rất nhiều người, dù chết hoặc đang ngủ, cũng cố gắng giúp đỡ người khác theo kiểu đặc biệt của họ. Một người như vậy, khi nhìn thấy một người khác đang vật lộn với một lý thuyết nào đó, có thể đến và gợi ý cho y về một đường lối khác mà họ nghĩ rằng y nên thử. Dĩ nhiên, nó không có nghĩa là các ý kiến của họ đều là đúng.

Nếu bạn suy nghĩ lại, bạn sẽ thấy rằng điều này hoàn toàn tự nhiên. Bạn có thể giúp đỡ mọi người ở cõi trần đơn giản chỉ vì lòng tốt bụng, nên bạn cũng sẽ làm như vậy sau khi chết. Bạn vẫn thông cảm với người khác sau khi bỏ lại thể xác, và cho dù ý kiến

của bạn có thể sai hoặc đúng, bạn vẫn đưa ra nó. Tôi không biết cách nào giúp cho một học sinh bình thường xác định được nguồn gốc của một tư tưởng đến với y. Một người phải mở thị giác ở cõi trung giới và cõi trí để nhìn thấy được hình tư tưởng, rồi từ đó truy ra nguồn gốc của nó. Nó được liên kết với người tạo ra nó qua tần số rung động.

Đôi khi, một ý kiến như vậy có thể được gửi đến qua một hình thức biểu tượng; ví dụ, con rắn hay con voi thường được dùng để tượng trưng cho minh triết. Có rất nhiều hệ thống biểu tượng khác nhau. Mỗi linh hồn có một hệ thống riêng của mình, mặc dù có một số hình thức có vẻ thường được dùng trong các giấc mộng. Người ta nói rằng giấc mộng về nước là điềm báo sẽ có một sự rắc rối gì đó, mặc dù tôi không nhận ra được bất cứ một mối liên hệ gì giữa chúng. Dù không có một mối liên hệ nào thực sự, một linh hồn (hay trong vấn đề này là một thực thể nào đó muốn liên lạc) có thể sử dụng một hình thức biểu tượng mà y biết rằng phàm ngã đó sẽ hiểu. Nước không nhất thiết có liên hệ gì với rắc rối, nhưng khi một linh hồn không thể truyền đạt được một thông điệp rõ ràng cho phàm ngã và biết rằng phàm ngã đó có một lòng tin đặc biệt về nước, y có thể sẽ cố gắng tạo ra một ấn tượng về giấc mộng như vậy lên bộ não xác thịt khi y muốn cảnh báo phàm ngã về một biến cố sắp sửa xảy ra. Khi một tư tưởng lướt qua tâm trí, nó thường được tạo ra

từ một gợi ý nào đó. Quyền năng tư tưởng và sự đa dạng của các hình tư tưởng là vô cùng phong phú, nhưng con người lại ít hiểu biết về chúng để cân nhắc chúng.

Khi một ý nghĩ nào đó dễ dàng xuất hiện trong tâm trí của ta, nó có thể xảy ra vì một trong nửa tá nguyên nhân. Đây chỉ là cách suy đoán để đưa ra một số giả định khi chúng ta không biết được chuyện gì thực sự đã xảy ra trong một trường hợp cụ thể. Một người có thể dễ bị ảnh hưởng bởi hình tư tưởng của chính mình. Bạn có thể tạo ra các hình tư tưởng về một chủ đề, chúng sẽ bay lơ lửng chung quanh bạn và tiếp tục tồn tại dựa trên năng lượng mà bạn ban cho chúng, rồi chúng sẽ tác động lên bạn như thể chúng là các ý kiến mới từ bên ngoài đi vào. Ở một nơi như Adyar, bất kỳ người nào mới đến đây cũng sẽ tìm thấy hàng loạt hình tư tưởng đang bay lơ lửng sẵn ở đây, và có lẽ y sẽ chọn nhận lấy một số hình tư tưởng đã được tạo sẵn thay vì bắt tay vào sản xuất các hình tư tưởng mới riêng cho mình. Bất cứ ai cũng nên thận trọng với các hình tư tưởng. Tôi đã từng thấy một người đàn ông tiếp nhận lấy các hình tư tưởng rồi bị chúng chuyển hóa mặc dù chúng hoàn toàn sai, và bản thân ông ta trước đây hoàn toàn đúng khi đưa ra các ý kiến riêng của mình. Tuy nhiên, khi chúng ta bắt đầu học hỏi thì đôi khi việc tiếp cận một hình tư tưởng là một lợi thế.

Ở cõi trung giới, vô số hình tư tưởng có tính chất tương đối lâu bền, thường là kết quả của một việc làm được đóng góp từ nhiều thế hệ. Phần đông các hình tư tưởng như vậy có liên quan đến lịch sử giả định của một tôn giáo, và khi chúng được nhìn thấy bởi những người nhạy cảm, nó là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt các lời tường thuật rất chân thành bởi các nhà tiên tri chưa được huấn luyện - chẳng hạn như trong trường hợp của Bà Anne Catherine Emmerich.⁹ Bà có những linh ảnh (visions) rõ ràng về từng chi tiết một của các sự kiện trong cuộc khổ nạn của Đức Chúa Giê-su giống y như lời tường thuật trong Kinh Phúc Âm, bao gồm nhiều sự kiện mà chúng tôi biết rằng không bao giờ có thực. Tuy nhiên, tôi không hoài nghi về tâm lòng thành thực của nhà ngoại cảm này khi bà tuyên bố chúng; thật ra, bà ấy không phải bị mê sảng trong ảo giác mà chỉ là nhầm lẫn về bản chất của những gì bà đã thấy.

Để đọc được tiên thiên ký ảnh một cách rõ ràng và chính xác, một người cần phải có sự huấn luyện đặc biệt, nó không phải là vấn đề của niềm tin hoặc đức hạnh, mà là một loại kiến thức đặc biệt. Không có dữ kiện gì cho thấy con người thánh thiện đó có loại kiến thức đặc biệt này; trái lại, Bà ấy có lẽ chưa bao giờ biết đến những loại ký ảnh như vậy. Do đó,

⁹ Emmerich là một nữ tu sĩ được phong thánh vì vào cuối đời tu hành, Bà đã có những linh ảnh về cuộc đời và khổ nạn của Đức Chúa Giê-su do lòng sùng tín chân thành của Bà.

Bà sẽ không có khả năng đọc được tiên thiên ký ảnh rõ ràng, và cũng chắc chắn rằng nếu bà ấy có nhìn thấy nó, bà cũng không thể nào phân biệt được nó với bất kỳ “cái nhìn tâm linh” nào khác.

Rất có thể là những gì bà ấy thấy là một tập hợp các hình tư tưởng mà chúng tôi đã mô tả. Tất cả các nhà nghiên cứu đều biết rằng bất kỳ một sự kiện lịch sử hệ trọng nào được cho là đã xảy ra lệ thuộc vào các suy nghĩ liên tục và tạo hình sống động bởi những người thuộc về các thế hệ tiếp theo. Đối với người Anh, các bối cảnh lịch sử như vậy có lẽ là việc Vua John ký kết bản Magna Charta, còn đối với người Mỹ, đó là việc ký bản hiến chương Tuyên Ngôn Độc Lập.

Sự thật là các hình ảnh sống động này đã được tạo ra bởi nhiều người khác nhau và chúng có thể được nhìn thấy bởi bất cứ ai có một chút quyền năng tâm linh. Chúng là những hình tư tưởng rõ ràng, xuất hiện đầu tiên ở cõi trí, và khi có bất kỳ một *cảm xúc* mạnh mẽ nào được gắn liền với chúng thì chúng lập tức được đưa xuống cõi trung giới và hiện hình ở đó trong chất liệu trung giới. Chúng cũng được liên tục củng cố bởi các tư tưởng mới mà lúc nào cũng hướng về chúng. Đương nhiên, mỗi người sẽ tưởng tượng các cảnh này khác nhau và kết quả cuối cùng thường là một hình ảnh tổng hợp; tuy nhiên, hình dạng được đúc kết ban đầu do một ý tưởng tượng như vậy có ảnh hưởng khá lớn đến sự

suy nghĩ của tất cả những người nhạy cảm về chủ đề đó sau này, và nó thường khiến cho họ hình dung nó như những người trước đã từng suy nghĩ.

Sản phẩm của hình tư tưởng này (thông thường được coi là loại tư tưởng thiếu hiểu biết) dễ được nhìn thấy hơn là tiên thiên ký ảnh, vì như chúng tôi đã nói, khả năng nhìn thấy được tiên thiên ký ảnh đòi hỏi một sự rèn luyện, trong khi khả năng nhìn thấy hình tư tưởng không cần gì ngoại trừ một cái nhìn thoáng qua ở cõi trí, như nó thường hay xảy ra đối với những người xuất thần có tâm hồn trong sáng và cao cả. Thậm chí trong nhiều trường hợp, nó cũng không cần đến yếu tố này, bởi vì các hình tư tưởng cũng hiện diện ở cõi trung giới.

Một điểm khác cần được lưu ý là việc tạo ra một hình tư tưởng ít nhất không đòi hỏi các bối cảnh nhất thiết phải thật sự xảy ra. Có một vài bối cảnh trong lịch sử đã được quần chúng yêu thích đến nỗi chúng đã được miêu tả thật sống động và thậm chí còn chứa thêm một vài tình tiết hư cấu như từ các vở kịch của Shakespeare, từ *Quá Trình Hành Hương* của Bunyan, và từ một số các câu chuyện cổ tích khác như *Cô Bé Lọ Lem* hoặc *Cây Đèn Thần của Aladdin*. Một nhà thông nhãn thoáng nhìn thấy được một trong các hình tư tưởng tổng hợp này có thể dễ cho rằng y đã nhìn thấy nền tảng thật sự của câu chuyện, nhưng vì y biết rằng các mẫu chuyện

này là hư cấu nên có lẽ y sẽ nghĩ rằng y chỉ nằm mộng thấy chúng.

Bây giờ, kể từ khi đạo Cơ Đốc Giáo cụ thể hóa các giáo lý tuyệt vời được ban cho họ gìn giữ và cố gắng miêu tả chúng như là một chuỗi các sự kiện đã xảy ra thực sự trong đời sống thể nhân, các linh hồn mộ đạo ở mọi nơi dưới ảnh hưởng này đã cực lực cố gắng, như là một hình thức trau dồi lòng sùng tín, hình dung các sự kiện hư cấu này càng sống động hơn càng tốt. Vì vậy, ở đây chúng ta được cung cấp với một lô các hình tư tưởng với một sức mạnh phi thường không thể tả - một lô hình tư tưởng mà không thể nào mà không thu hút được sự chú ý của bất kỳ người sùng đạo nào đang hướng về chúng. Chắc chắn chúng đã được thấy bởi Anne Catherine Emmerich và bởi nhiều người khác. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hóa của các nhà thông nhãn như vậy, cũng như các người khác có vinh dự được dẫn dắt bởi các Chân Sư Minh Triết, họ sẽ được chỉ dạy (khi họ phải làm việc với các thực tế trong đời sống) làm thế nào để phân biệt được giữa kết quả của một hình tư tưởng sùng tín nhưng vô minh với tiên thiên ký ảnh, vốn là ký ức vĩnh hằng thật sự của thiên nhiên; lúc đó, họ sẽ khám phá ra rằng những bối cảnh mà họ đã bỏ ra nhiều tâm tư vào đó chỉ là những biểu tượng của các chân lý cao hơn, bao la và vĩ đại hơn những gì mà họ có thể tưởng tượng được, thậm chí trong những lần thăng lên cao nhất mà họ

có thể đạt được do tâm lòng thuần khiết và sùng kính tuyệt vời của họ.

TƯ TƯỞNG VÀ LOÀI TINH HOA CHẤT

Loài tinh hoa chất sẽ chọn một màu sắc đặc biệt khi nó được uốn nắn bởi một hình tư tưởng- một màu sắc biểu thị cho bản chất của tư tưởng đó hoặc là một cảm xúc. Dĩ nhiên, tất cả các điều này có nghĩa là trong thời gian loài tinh hoa chất tạo ra một hình tư tưởng, thì nó bị bắt buộc phải rung động theo một tần số nhất định của tư tưởng làm sinh động nó. Loài tinh hoa chất tiến hóa bằng cách học đáp ứng với mọi tần số rung động khả dĩ, nên khi một tư tưởng giữ cho nó rung động ở một tần số nào đó trong một khoảng thời gian, nó sẽ giúp loài tinh hoa chất tiến hóa đến cấp độ của tần số đó hầu nó có thể làm quen với tần số dao động đặc biệt đó để sau này, khi nó đến gần một rung động tương tự như vậy, nó sẽ đáp ứng nhanh nhẹn hơn so với trước kia.

Các hạt nguyên tử của loài tinh hoa chất, ngay sau khi chúng quay lại khối tinh hoa chất chung, sẽ bị một tư tưởng khác nắm bắt lấy và sau đó phải lắng ở một tần số hoàn toàn khác hẳn, do đó sẽ tiến hoá thêm một chút nữa bằng cách lấy thêm được

một khả năng đáp ứng khác với tần số rung động thứ hai. Rồi dần dần, các tư tưởng không chỉ của loài người mà của các loài tinh linh thiên nhiên và thiên thần, thậm chí của loài thú (ở mức độ mà chúng có thể suy nghĩ được), cũng trợ giúp cho loài tinh hoa chất chung quanh chúng phát triển - dạy dỗ từ từ cho một ít hạt nguyên tử ở nơi đây, một vài hạt nguyên tử ở nơi kia, cách đáp ứng với tần số dao động này hoặc dao động nọ, cho đến giai đoạn cuối cùng mà tất cả các phần tử của loài tinh hoa chất sẽ sẵn sàng đáp ứng với bất kỳ tần số rung động nào ở bất cứ thời điểm nào, và như thế quá trình tiến hóa của chúng sẽ được hoàn tất.

Chính vì lý do này mà nhà huyền bí học tránh phá hủy một tinh linh nhân tạo nếu hoàn cảnh cho phép, ngay cả khi nó mang một bản tính xấu xa, và họ thích chọn tự bảo vệ mình hoặc người khác chống trả lại nó bằng cách dùng một cái vỏ bảo vệ. Chúng ta có thể làm tiêu tan một tinh linh nhân tạo tức thì bằng cách dùng ý chí, giống như ở cõi trần người ta có thể giết chết một con rắn độc để cản nó không gây hại được nữa, nhưng cả hai hành động này đều không được chấp nhận bởi nhà huyền bí học, ngoại trừ trong các trường hợp rất đặc biệt.

Cho dù tư tưởng làm linh động nó là xấu hay tốt cũng không có ý nghĩa gì đối với loài tinh hoa chất, sự phát triển của chúng chỉ đòi hỏi là chúng được sử dụng bởi một loại tư tưởng nào đó. Sự khác

biệt giữa thiện và ác sẽ được biểu thị bởi phẩm chất của loài tinh hoa chất mà nó huy động; một tư tưởng ác độc hay dục vọng cần biểu lộ bằng cách sử dụng loại chất liệu thô kệch hay đậm đặc hơn, trong khi một tư tưởng cao thượng cần một loại chất liệu tương đối mịn màng và rung động nhanh hơn để bao bọc nó. Lúc nào cũng có rất nhiều người chưa tiến hoá luôn suy nghĩ theo kiểu thấp hèn, và chính sự ngu dốt và thô bạo của họ được dùng bởi Định Luật Cao Cả như những năng lượng tiến hoá để phụ giúp vào một giai đoạn cụ thể nào đó trong một công trình cần được thực hiện. Đối với chúng ta, những người đã hiểu biết nhiều hơn họ một chút, chúng ta phải cố gắng không ngừng phát ra những tư tưởng cao cả và thánh thiện để giúp loài tinh hoa chất thuộc loại mịn màng hơn phát triển và để hỗ trợ trong một lĩnh vực mà hiện tại thật có quá ít người hoạt động.

CHƯƠNG IV

NHỮNG QUYỀN NĂNG TÂM LINH

QUYỀN NĂNG TÂM LINH

Cũng như việc sở hữu một sức mạnh thể lực phi thường, việc sở hữu các quyền năng tâm linh không nhất thiết phải liên quan đến đạo đức. Đúng là một người bước chân lên đường Đạo sẽ nhanh chóng phát hiện các quyền năng này phát triển trong y, nhưng có nhiều quyền năng có thể đạt được mà không cần điều kiện đạo đức. Bất cứ người nào chịu khó đều có thể phát triển được các quyền năng này, và một người có thể học được thông nhãn hoặc thôi miên giống như họ có thể học được chơi đàn dương cầm nếu họ chấp nhận trải qua một giai đoạn học tập cực khổ cần thiết. Đối với phần đông nhân loại, tốt nhất và an toàn nhất là họ nên học trau dồi nhân cách của mình cho xứng đáng với Chánh Đạo, và chắc chắn các quyền năng này tự nhiên sẽ mở ra

đúng lúc. Có một số người quá gấp gáp làm điều này và ép bản thân mình mở ra các quyền năng này sớm hơn. Thật ra, nếu họ có thể khẳng định rằng họ muốn có chúng chỉ vì để giúp đỡ người khác và họ có đủ trí tuệ để sử dụng chúng một cách đúng đắn thì không có điều gì tai hại sẽ xảy ra từ việc này, nhưng một người thật khó nắm chắc được điểm này, vì một chút sai lệch khỏi con đường Đạo sẽ là một thảm họa.

Nếu một người nhất định phải có được các quyền năng tâm linh, có hai con đường mở ra cho y. Dĩ nhiên là có nhiều hơn hai cách, nhưng ý tôi muốn nói là chúng đều nằm dưới hai đề mục: tạm thời và vĩnh viễn. Phương pháp tạm thời là làm tê liệt các giác quan thể xác bằng một cách nào đó - chẳng hạn như bằng cách chủ động dùng thuốc, tự thôi miên, hoặc tự làm cho mình bị chóng mặt, hoặc bằng cách để cho mình bị thôi miên hầu các giác quan thể vía có thể hiện lên trên bề mặt. Phương pháp vĩnh viễn là cố gắng phát triển chân ngã (linh hồn) hầu có thể điều khiển các dẫn thể thấp hơn và sử dụng chúng theo ý muốn.

Điều này cũng giống hệt như việc điều khiển một con ngựa búng bình. Một người không biết gì về cưỡi ngựa có thể dùng thuốc để làm cho con ngựa lừ đừ hầu y có thể ngồi vững trên lưng con ngựa, nhưng cách này sẽ không thể giúp y điều khiển một con ngựa khác. Cũng vậy, con người có

thể làm mê muội thể xác để có thể sử dụng các giác quan thể vía của mình ở một mức độ nào đó, nhưng việc này không thể nào giúp cho y điều khiển được một thể xác khác trong kiếp đầu thai kế tiếp. Một người chịu khó học cưỡi ngựa đúng cách sẽ có thể thuần phục được bất cứ con ngựa nào sau đó, và một người cố phát triển chân ngã của mình cho đến khi nó có thể điều khiển được tất cả các dẫn thể của nó sẽ có thể điều khiển được bất cứ các dẫn thể nào khác được cung cấp cho y trong tương lai. Cách thứ hai có nghĩa là sự tiến hoá thật sự, còn cách thứ nhất không nhất thiết có liên quan gì đến điều đó. Do đó, chúng ta thấy rằng không phải bất cứ người nào đang đi trên đường Đạo đều có quyền năng tâm linh, chúng tuyệt đối không phải là điều cần thiết cho đến khi họ đạt đến được một giai đoạn đặc biệt nào đó trên đường Đạo.

Dù không phải là quyền năng tâm linh thực sự, con người có nhiều cách khác để có thể cố đạt được một số kết quả như vậy. Chẳng hạn, một trong những phương pháp này là việc lập đi, lập lại các thần chú. Bùa chú và nghi lễ đôi khi có thể tạo ra một kết quả, nó lệ thuộc vào phương pháp mà chúng được thực hiện. Tôi đã từng thấy một người đàn ông có thể trả lời tất cả các câu hỏi bằng một cách khá kỳ lạ: trước hết, y tự thôi miên bản thân bằng cách đọc đi đọc lại các thần chú, và sự cầu đảo của y không chỉ ảnh hưởng đến bản thân mình mà còn thu

hút được các tinh linh thiên nhiên để chúng đi tìm cho y thông tin mà y muốn có, rồi đưa nó vào tâm trí của y.

Bằng cách lập đi, lập lại tên của mình và rút sâu vào tâm thức ngày càng sâu hơn, Công Tước Tennyson đã tự nâng tâm thức của mình lên cao hơn để tiếp xúc được với Chân Ngã, và sau đó nguyên cả kiếp sống này chỉ là trò đùa trẻ con đối với ông ta, còn cái chết không có gì khác hơn là một cánh cửa đi vào một đời sống vĩ đại hơn.

Kết quả của sự lập đi, lập lại nhiều lần có thể giúp một người đi vào trạng thái xuất thần, nhưng đây không phải là một sự rèn luyện của linh hồn. Hiệu quả của nó chỉ kéo dài nhiều lắm là trong một kiếp, trong khi các quyền năng từ một sự phát triển tinh thần thực sự sẽ tái hiện trong các dẫn thể kế tiếp. Một người tự thôi miên mình bằng cách lập lại các từ ngữ hoặc thần chú có thể đầu thai thành một người đồng cốt, hoặc ít nhất một người có khả năng đồng cốt trong kiếp kế tiếp của y, và chúng ta phải nhớ rằng hiện tượng đồng cốt không phải là một quyền năng mà là một trạng thái.

Những sự lập đi, lập lại như vậy có thể dễ dàng dẫn đến một kiểu cầu hồn thấp kém hơn ở cõi trần (có nghĩa là ngồi cầu cho sự hiện hình và các loại hiện tượng giật gân), nhưng việc này thường gây hại đến sức khỏe. Tôi không biết rằng việc xuất thần chỉ để nói chuyện có gây hại cho cơ thể nhiều hay

không, mặc dù khi xét lại những sáo ngữ tầm thường được coi là phần chính yếu của các cuộc liên lạc như vậy thì việc này chắc có thể được coi là một thứ chỉ làm suy nhược cái trí!

Chúng ta hãy xem thử các điều kiện gì là cần thiết để làm một người đồng cốt. Khi một thực thể ở cõi trung giới, cho dù đó là người đã chết hoặc một tinh linh thiên nhiên, muốn tạo ra được bất cứ một kết quả nào trên vật chất đậm đặc ở cõi trần, chẳng hạn như chơi đàn dương cầm hay đập gõ hay cầm bút chì để viết, y cần phải có một thể dĩ thái để làm thông gian, vì chất liệu trung giới không thể nào tác động trực tiếp lên các hình thể vật chất thấp hơn ở cõi trần, mà nó cần chất liệu dĩ thái như là một trung gian để di chuyển các rung động từ một thể này sang một thể khác - giống như một ngọn lửa không thể chỉ được đốt lên với giấy và than; nó cần có gỗ như là một trung gian, còn không thì tờ giấy sẽ bị đốt hết mà vẫn không có ảnh hưởng gì đến cục than.

Điều khiến để một người trở thành một người đồng cốt là sự lỏng lẻo giữa thể phách và thể xác, nên một thực thể ở cõi trung giới có thể rút khá nhiều chất liệu từ thể phách và dùng cho mục đích riêng tư của y. Dĩ nhiên y sẽ hoàn trả lại nó - trên thực tế, xu hướng của nó là quay ngược trở lại với người đồng cốt, như có thể được nhìn thấy từ diễn tiến của một hình dáng được vật chất hoá (hiện hình) - nhưng dù sao, việc thường xuyên rút ra một

phần chất liệu trong cơ thể con người theo cách này không thể nào mà không gây xáo trộn lớn và nguy hiểm đến sức khỏe của y.

Thế phách là dẫn thể của sinh lực, nguyên lý của sự sống, lúc nào cũng đang luân chuyển trong cơ thể của chúng ta. Khi bất cứ một phần nào trong thế phách bị rút đi thì sự lưu hành của sự sống bị gián đoạn và do đó dòng luân chuyển của nó bị đứt đoạn. Kế đó, nó gây ra một sự suy giảm sinh lực khủng khiếp, và đây là lý do tại sao người đồng cốt thường ngất xỉu sau một buổi cầu hồn, và sau một thời gian dài, nhiều người đồng cốt trở nên nghiện ngập, trước hết là vì họ phải dùng những loại thuốc kích thích cực mạnh để thỏa mãn sự thèm khát sinh lực trước sự mất mát đột ngột dữ dội này.

Sức khỏe sẽ bị sa sút khi một người phải liên tục chịu đựng một sự kiệt quệ như thế, mặc dù trong một số trường hợp, các “vong linh” thông minh và cẩn thận hơn sẽ cố gắng dồn sức cho người đồng cốt sau một buổi cầu hồn để bù đắp lại sự mất mát của sinh lực và do đó giúp y tránh khỏi trạng thái bị rơi vào sự sụp đổ hoàn toàn (absolute breakdown) trong một khoảng thời gian khá lâu.

Trong trường hợp hiện hình, chất liệu đậm đặc ở cõi trần, phần chính yếu có lẽ là chất hơi hoặc chất lỏng, thường được mượn từ cơ thể của người đồng cốt khiến cho thể xác của họ tạm thời bị giảm đi về kích thước cũng như trọng lượng. Khi điều này xảy

ra, dĩ nhiên nó cũng là một nguyên nhân gây ra sự xáo trộn nghiêm trọng cho tất cả các chức năng của thể xác.

Trong số những người đồng cốt mà tôi từng ngồi xuống trong các buổi cầu hồn ba mươi năm về trước, một người hiện giờ đã bị mù, một người khác đã chết vì nghiện ngập, còn người thứ ba, nhận thấy mình bị đe dọa bởi chứng trúng phong (apoplexy) và bị tê liệt, đã thoát chết bằng cách duy nhất là từ bỏ tất cả các buổi cầu hồn.

Một cách hiện hình khác là làm cho thể vía tạm thời đậm đặc lại. “Vong linh” thuộc hạng bình thường hiện hình bằng cách lấy chất liệu từ người đồng cốt, bởi vì chất liệu này đã được chuyên biệt hoá nên nó có thể được sắp xếp dễ dàng hơn vào hình dạng của con người, và nó có thể được đông đặc lại và uốn nắn dễ hơn là chất liệu dĩ thái tự do. Không ai trong phái bạch huynh đệ lại nghĩ rằng việc sử dụng thể phách của người khác để hiện hình là đúng, và y cũng sẽ không làm xáo trộn thể phách của mình nếu y muốn hiện hình ở nơi xa xôi nào đó. Y chỉ tự làm đặc lại thể vía của chính bản thân mình bằng cách bọc chung quanh nó với đầy đủ chất liệu dĩ thái từ môi trường chung quanh để hiện hình, rồi cứ giữ nó trong trạng thái đó bởi nỗ lực của ý chí trong khoảng thời gian mà y còn cần dùng đến nó.

Khi một phần của thể phách được rút khỏi thể xác, như trong trường hợp của sự hiện hình bình

thường, bất cứ ai có khả năng nhìn thấy được chất liệu dĩ thái đều có thể nhìn thấy được đường dây từ lực kết nối giữa nó và thể xác. Tuy nhiên, phương pháp kết nối với thể vía thì hoàn toàn khác biệt, vì không có gì thuộc bản chất của một sợi dây hoặc một dòng từ lực của chất liệu trung giới để kết nối hai hình thể với nhau. Thật khó dùng từ ngữ ở cõi trần để mô tả chính xác sự tương cảm mật thiết giữa chúng; có lẽ một ví dụ gần nhất mà chúng tôi có thể đưa ra về sự kiện này là hai nhạc cụ được điều chỉnh đến một âm độ (pitch) giống nhau để bất cứ một nốt nhạc nào được đánh lên từ một trong hai nhạc cụ thì sẽ tạo ra ngay một âm thanh tương ứng chính xác như vậy từ cái kia.

Việc dùng ý chí để chữa bệnh không có gì là tai hại, miễn là không có sự bàn giao gì về tiền bạc hoặc điều kiện cho công việc này. Có một số phương pháp, đơn giản nhất là tuôn đổ sinh lực vào người bệnh. Thiên nhiên sẽ chữa lành hầu hết tất cả các căn bệnh nếu con người được tăng cường sinh lực và chăm sóc trong thời gian chờ đợi để thiên nhiên làm công việc của nó. Điều này đặc biệt là đúng cho các loại bệnh thần kinh không may rất phổ biến hiện nay. Phương pháp điều trị bằng cách khuyên người bệnh nghỉ ngơi là đề nghị tốt nhất, tuy nhiên sự hồi phục có thể tiến triển nhanh hơn nếu sinh lực được đổ thêm vào cho bệnh nhân. Bất cứ ai có dư thừa sinh lực đều có thể dùng ý chí để đưa nó

đến một người khác; khi y không làm như vậy, sinh lực của y chỉ phóng ra theo mọi hướng, chủ yếu là chảy ra từ lòng bàn tay. Nếu một người nào đó bị cạn sức khiến lá lách của y không còn làm việc được tốt nữa, việc cố ý đổ sinh lực vào người đó thường sẽ giúp đỡ cho y rất nhiều trong việc giữ bộ máy cơ thể hoạt động cho tốt cho đến khi y có thể tự sản xuất được sinh lực cho chính mình.

Nhiều bệnh lặt vặt có thể được chữa lành chỉ bằng cách tăng cường sự lưu chuyển của dòng sinh lực. Bệnh nhức đầu, chẳng hạn, là do sự trì trệ nhẹ của máu huyết hoặc do sự trì trệ tương tự của dòng chảy sinh lực. Trong cả hai trường hợp, người có thông nhãn sẽ nhìn thấy được sự bế tắc này và có thể giải quyết nó bằng cách đưa một dòng lực mạnh vào đầu của bệnh nhân và quét sạch hết tất các chất liệu bị ứ đọng. Một người không nhìn thấy gì cũng có thể tạo ra một kết quả tương tự, nhưng vì y không biết nơi nào chính xác để di chuyển dòng lực này nên y thường phí phạm một phần lớn của nó.

Đôi khi người ta chữa bệnh bằng cách áp đặt dòng điện từ trường của họ lên người khác. Việc này dựa trên giả thuyết (rất đúng) rằng tất cả các bệnh tật đều do một sự thiếu điều hoà nào đó, và nếu sự điều hoà này được điều chỉnh lại cho cân bằng thì căn bệnh sẽ biến mất. Vì vậy, trong trường hợp này, một người muốn chữa bệnh trước tiên phải nâng tần số rung động của mình lên đến mức cao

nhất có thể, lấp đầy bản thân với tư tưởng của tình thương, sức khỏe và sự hài hoà, rồi sau đó bao phủ bệnh nhân trong vòng hào quang của mình với ý định dùng các rung động mạnh mẽ của mình để lấn át các rung động của người bệnh, rồi dần dần đưa chúng vào cùng một trạng thái hài hòa và mạnh khỏe. Phương pháp này thường có hiệu quả, nhưng chúng ta phải nhớ rằng nó có liên quan đến việc áp đặt toàn bộ cá tính của người chuyên từ điện lên người bệnh nhân, một điều không phải lúc nào cũng là dễ chịu cho cả hai bên.

Một người phải cẩn thận chớ có bị kẹt hoặc bị vướng mắc vào cõi trung giới, vì y có thể rơi vào tình trạng đó do lòng tốt cũng như tính xấu của mình nếu y không hết sức cẩn thận. Thí dụ, y có thể ảnh hưởng đến người khác bằng tư tưởng và do đó có thể đạt được những gì y mong muốn từ họ, nên sự cám dỗ của quyền lực này là cực mạnh đối với một người bình thường. Lại nữa, bạn cũng có thể dễ dàng ép buộc những người bạn yêu mến rời khỏi con đường tội lỗi để đi vào con đường thánh thiện nếu bạn muốn, nhưng bạn không nên làm điều này - bạn chỉ nên thuyết phục và lý luận. Đây cũng là một sự cám dỗ! Bạn có thể dùng quyền lực để ngăn cản sự sai trái của bạn mình, nhưng thông thường hậu quả của việc đàn áp ý chí của một người sẽ làm cho tâm trí của họ suy nhược và sẽ gây hại cho họ nhiều hơn là để mặc cho họ phạm phải lỗi lầm mà bạn

muốn cố cứu họ tránh khỏi. Sự nghiện rượu có thể được chữa lành bằng cách thôi miên, nhưng tốt hơn hết là nên thuyết phục người đó để tự mình dần dần chiến thắng được bản chất yếu đuối đó, vì đây là việc mà họ sẽ phải làm trong một kiếp nào ở tương lai. Người ta nói rằng trong một số trường hợp, có người đã sa đọa quá lâu theo thói hư, tật xấu đến nỗi ý chí của y hoàn toàn sụp đổ, và y thật sự không còn một sức kháng cự nào; họ khẳng định rằng, đối với một người như vậy, thôi miên là điều cần thiết vì đó là cách duy nhất để cho y có một cơ hội lấy lại tư cách làm người và có một chút khả năng kiểm soát các dẫn thể của y. Điều này có thể là như vậy, và tôi cũng thông cảm với ý muốn cứu vớt một linh hồn đã đi đến một bước quá thảm khốc như thế bằng bất kỳ cách hợp pháp nào. Tuy nhiên, thậm chí đến lúc đó, tôi cũng khuyên bạn nên cẩn thận tối đa trong việc sử dụng phương pháp thôi miên và việc chọn người thôi miên.

Một người có thể sử dụng các khả năng của thể vía mà không cần phải lìa khỏi thể xác. Điều này được gọi là quyền năng tâm linh (điều khiển thể vía trong khi tỉnh thức trong thể xác), và nó là một bước ngoặt lớn trong hành trình tiến hóa. Tuy nhiên, thông thường một người phải rời bỏ thể xác để dùng thể vía khi y định làm một việc gì đó hoặc muốn quan sát một điều gì đó ở một khoảng cách xa với thể xác.

Danh từ Ấn độ “người đi trên mây” thường ám chỉ đến người có khả năng du hành trong thể vía. Tuy nhiên, đôi khi nó cũng có nghĩa là tự bay lên - khi thể xác được nhắc lên và lơ lửng trong không khí. Ở Ấn độ sự kiện này có xảy ra với một số người tu khổ hạnh, và một vài vị Thánh nhân vĩ đại nhất của đạo Thiên chúa giáo đã từng được nhắc lên khỏi mặt đất khi họ tham thiền rất sâu. Tuy nhiên, nó liên quan đến việc sử dụng rất nhiều năng lượng. Khi một người đệ tử được giao phó một nhiệm vụ đặc biệt để phụng sự cho nhân loại, các vị Chân Sư có thể ban thêm cho y một số năng lượng vì mục đích đó, và mặc dù y được toàn quyền sử dụng nó theo ý muốn, y không nên lãng phí nó một cách vô ích. Vì thế, mặc dù những người này có thể tùy ý tạo ra các kết quả kỳ lạ nhưng họ sẽ không làm như vậy chỉ để làm trò tiêu khiển cho mình hoặc người khác, mà chỉ dùng nó cho mục đích phụng sự thật sự. Một vài người đệ tử có thể dùng năng lực này để đăng vân giá vũ (cưỡi mây lướt gió), nhưng việc này đòi hỏi một lớn số năng lượng và họ sẽ không làm như vậy trừ phi nhận được mệnh lệnh nhất định phải làm như thế.

Mặt khác, đã có những trường hợp mà các quyền năng như vậy đã được sử dụng - chẳng hạn, để cứu một người khỏi phải chịu khổ một cách bất công. Có một trường hợp mà một người thanh niên bị buộc tội giả mạo một tờ văn kiện rất quan trọng.

Y quả thật đã có phạm lỗi ở mức nào đó về mặt kỹ thuật, mặc dù y hoàn toàn vô tội về mặt tâm ý. Y đã đại dốt bắt chước chữ ký của một người nào đó trên một tờ giấy trắng, và sau đó một người có ác ý với y đã lấy được tờ giấy đó và viết xuống một số chỉ thị ở bên trên chữ ký, rồi sau đó rất khéo léo cắt tờ giấy đó làm cho nó có vẻ giống như là một lá thư truyền lệnh. Bị cáo phải thừa nhận rằng chữ ký đó là nét chữ của mình, nhưng lời giải thích kèm theo sau đó không thể nào giúp y thoát được khỏi hậu quả thảm khốc nhất. Tuy nhiên, tình cờ một trong các vị Chân sư của chúng tôi được gọi lên làm nhân chứng cho nét chữ của người tù tội đó. Tờ giấy đó đã được đưa cho Ngài với câu hỏi như sau đây:

“Ông có nhận ra nét chữ này là của tù nhân hay không?”

Vị Chân sư chỉ nhìn lướt qua, lập tức trả lại nó, và đáp rằng:

“Đây có phải là tờ giấy mà ông định trao cho tôi hay không?”

Ngay lúc đó, tờ giấy đã trở thành hoàn toàn trắng phau! Luật sư bên công tố dĩ nhiên đã cho rằng vì một lý do khó hiểu nào đó, ông ta đã làm mất tờ giấy đó và vì thiếu nó nên việc truy tố đã được bỏ qua, vì vậy người thanh niên đó đã được cứu.

THÔNG NHÃN

Việc sở hữu quyền năng thông nhãn là một vinh dự và một lợi thế rất lớn, và nếu nó được sử dụng đúng đắn và hợp lý, nó có thể là một ân điển và một lợi điểm cho người may mắn sở hữu nó, nhưng nếu nó bị lạm dụng, chắc chắn nó sẽ là một chương ngại và một tai họa. Nguy cơ chính của nó đến từ lòng kiêu ngạo, thiếu hiểu biết và tham vọng. Nếu những khuyết điểm này có thể tránh được và thật sự cũng dễ tránh, nó chỉ có thể đem lại sự tốt lành.

Lòng kiêu hãnh là nguy cơ đầu tiên. Việc sở hữu một quyền năng hiếm khi được biểu lộ, cho dù nó là di sản của toàn bộ nhân loại, thường làm cho nhà thông nhãn thiếu hiểu biết cảm thấy rằng anh ta, đặc biệt là cô ta, cao siêu hơn đồng loại của mình – một người được chọn lựa bởi Đấng Toàn Năng cho một nhiệm vụ quan trọng với tầm ảnh hưởng quốc tế, thừa kế một sự hiểu biết không bao giờ sai lầm,

được chọn và hướng dẫn bởi các vị thiên thần để thành lập một thể chế mới, v.v... Chúng ta cần phải nhớ rằng lúc nào cũng có nhiều thực thể quây phá và nghịch ngợm ở bên kia bức màn sẵn sàng đón nhận và thậm chí muốn tăng cường những ảo tưởng như vậy để chúng có thể đảm nhận và đóng vai các ảo tưởng đó hoặc bất cứ một vai trò nào khác của một vị Đại Thiên Thần hoặc một người hướng dẫn tâm linh (spirit-guide) được gọi ý đến cho chúng. Thật không may là nó rất dễ thuyết phục một người bình thường rằng, sâu thẳm bên trong, y thật sự là một người tốt và xứng đáng để đón nhận một tiết lộ phi thường, mặc dù bạn bè của y, vì lý do mù quáng hoặc thành kiến của họ, không thể đánh giá y cao được như vậy.

Một nguy cơ khác, có thể là nguy hiểm nhất vì nó là mẹ đẻ của mọi nguy cơ khác, là sự thiếu hiểu biết. Nếu người có thông nhãn biết được bất cứ một điều gì về lịch sử của đối tượng của y, nếu y hiểu được tất cả mọi điều kiện của các cõi khác mà cái nhìn của y cho phép, đương nhiên y không thể nào cho rằng mình là người duy nhất được ưu đãi hoặc cảm thấy tự mãn rằng mình không thể nào làm sai. Nhưng khi y, cũng như bao nhiêu người khác, bị che lấp bởi bức màn vô minh dày đặc về lịch sử, hoàn cảnh và mọi thứ khác, thứ nhất y sẽ dễ mắc phải nhiều lỗi lầm về những gì y đã thấy được, và thứ nhì, y dễ trở thành con mồi cho tất cả các thực

thể gian xảo và hay lừa dối ở cõi trung giới. Y không có tiêu chuẩn để phán xét những gì y thấy hoặc nghĩ rằng y thấy, không có cách nào để kiểm tra những “cái nhìn” hoặc “nghe thấy” của mình, và do đó y không có một khái niệm gì về tầm quan trọng của mọi thứ, và y phóng đại ra một câu châm ngôn được chép ra từ sách vở thành một mảnh trí tuệ thiêng liêng hoặc biến một sáo ngữ bình thường thành một sứ điệp của thiên thần. Còn nữa, vì thiếu kiến thức phổ thông về các chủ đề khoa học nên y sẽ thường hiểu lầm những gì khả năng của y cho phép y nhìn thấy, và hậu quả của điều này là y sẽ trịnh trọng đi truyền bá những điều phi lý hiển nhiên nhất.

Nguyên cơ thứ ba là sự thiếu thanh khiết. Một người có tư tưởng và đời sống trong sáng, tâm ý thuần khiết và không bị ô nhiễm bởi lòng ích kỷ, sẽ được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của những thực thể khó ưa từ các cõi khác. Y không có một thứ gì mà các thực thể này có thể sử dụng được - y không phải là một trung gian phù hợp cho họ. Mặt khác, tất cả các ảnh hưởng tốt tự nhiên sẽ tụ tập chung quanh một người như vậy, và chúng sẽ nhanh chóng dùng y như một con kênh mà thông qua đó chúng có thể tác động, vì thế y lại có thêm một rào cản nữa dựng lên giữa y và những gì xấu xa, thấp hèn, và độc ác. Trái lại, đối với người có đời sống hoặc động cơ không được trong sáng, đương nhiên y sẽ thu hút về

mình tất cả những gì tồi tệ nhất trong thế giới vô hình ở gần chung quanh chúng ta; y đáp ứng ngay với nó, trong khi các lực lành thiện khó có thể tạo ra được bất cứ một ấn tượng gì đối với y.

Tuy nhiên, một nhà thông nhãn tinh tế sẽ nhớ hết tất cả các nguy cơ này và cố gắng tránh chúng. Y sẽ chịu khó học hỏi về lịch sử và nguyên tắc căn bản của quyền năng thông nhãn, sẽ làm cho trái tim của mình biết khiêm nhường và động cơ của mình thanh khiết. Một người như vậy chắc chắn sẽ học được rất nhiều điều về quyền năng mà y sở hữu và có thể sử dụng nó một cách hữu ích nhất trong công việc mà y phải làm.

Trước hết, sau khi y đã chú ý trau dồi nhân cách của mình, hãy để y quan sát và ghi chép lại cẩn thận bất kỳ linh ảnh (visions) nào đến với y; hãy để y nhấn nạy cố gỡ rối từ điểm cốt yếu của sự thật một số điều dường như chắc chắn thường hay bị bỏ sung và phóng đại thêm vào lúc ban đầu và khó có thể tách ra khỏi nó; hãy để y thử nghiệm và kiểm tra chúng rồi cố gắng phân biệt cái nào là đáng tin cậy từ những thứ đã được chứng minh là không đáng tin cậy, và y sẽ nhanh chóng phát hiện rằng mình đang tiến bộ một cách có trật tự ra khỏi sự hỗn loạn, rồi y sẽ học được cách phân biệt điều gì y có thể tin được và điều gì mà y tạm thời phải gạt qua một bên vì không thể nào hiểu được chúng hiện giờ.

Theo thời gian, y có thể sẽ khám phá ra rằng, dù qua cái nhìn trực tiếp hoặc chỉ bằng cảm giác, y sẽ có những ấn tượng liên quan đến một số người mà y tiếp xúc. Một lần nữa, việc ghi chép lại cẩn thận mỗi ấn tượng ngay lúc nó xảy ra, thử nghiệm và kiểm tra nó một cách khách quan khi cơ hội cho phép, sẽ giúp người bạn của chúng ta hiểu được các cảm giác và linh ảnh đó là đáng tin cậy bao nhiêu, và ngay lúc y khám phá ra rằng chúng là đúng và đáng tin, y sẽ đạt được một tiến bộ lớn, vì y đã sở hữu một quyền năng có thể giúp y trở nên hữu ích hơn đối với những người có liên quan đến công việc của y so với khi y chỉ biết về họ qua những gì con mắt bình thường có thể cho thấy.

Ví dụ, nếu khả năng thông nhãn của y có bao gồm luôn cả hào quang của những người chung quanh mà nhờ đó y có thể quyết định được cách tốt nhất để làm việc với họ và phát huy được những phẩm chất tốt lành tiềm ẩn trong họ, y có thể cải thiện được các cá tính yếu hèn cũng như khắc phục được những khuyết điểm của họ. Hơn nữa, quyền năng của y cũng có thể cho phép y quan sát một vài điều về các tiến trình của tạo hoá để thấy được vài diễn tiến và hoạt động của các dòng tiến hóa không thuộc về loài người chung quanh chúng ta, và do đó thu thập được những kiến thức quý giá nhất về mọi chủ đề huyền bí. Nếu y có quen với một nhà thông nhãn đã được huấn luyện chính thống, dĩ nhiên y có

một lợi thế là có thể dễ nhờ cậy một người mà y tin tưởng kiểm tra và trải nghiệm những cái nhìn của y.

Vì vậy, nói một cách tổng quát, lời khuyên của tôi cho một nhà thông nhân *chưa* được huấn luyện là sự kiên nhẫn và cẩn trọng tối đa; tuy nhiên, luôn với niềm hy vọng là nếu y biết sử dụng tốt quyền năng đã được ban cho y, y chắc chắn sẽ thu hút được sự chú ý tốt lành của các Đấng mà lúc nào cũng đang tìm những công cụ thích hợp để có thể sử dụng trong công trình tiến hoá vĩ đại, và khi thời điểm đã đến thì y sẽ tiếp nhận được sự huấn luyện mà y thật lòng khao khát và do đó nhất định sẽ trở thành một trong các phụng sự viên trên thế giới.

Một sự đào tạo đặc biệt cần phải được chuẩn bị cho các đứa trẻ có khả năng thông nhân từ thời thơ ấu. Hệ thống giáo dục thời nay có khuynh hướng áp đảo mọi khả năng tâm linh, và hầu hết các trẻ em đều bị căng thẳng quá độ bởi việc học hành của chúng. Ở Hy Lạp và La Mã, những đứa trẻ có quyền năng tâm linh thường được lập tức cô lập, giống như các nữ tu đồng trinh hoặc như các thí sinh của dòng tu, và được huấn luyện đặc biệt. Hiện nay, ngoài mục đích giáo dục ra, xã hội thường có khuynh hướng tự nhiên đàn áp các khả năng này. Cách tốt nhất để ngăn ngừa sự mất mát của các quyền năng này đối với thế giới là đưa các trẻ em vào một tu viện, nơi mà các tu sĩ có sự thấu hiểu về đời sống tinh thần và cố gắng sống theo nó, vì đời sống gia

đỉnh vốn không thích hợp cho sự phát triển này. Bất kỳ nơi nào có sự xuất hiện của quyền năng thông nhãn thì nó nên được khuyến khích, vì công việc của Hội rất cần nhiều nhà nghiên cứu, và những người bắt đầu công việc này khi còn trẻ có lẽ sẽ dễ dàng thích nghi hơn với nó.

Những nhà ngoại cảm (psychic) bẩm sinh thường dùng thể phách rất nhiều. Họ sở hữu khả năng đôi khi được gọi là “thị giác dĩ thái” - có nghĩa là, thị giác có thể nhìn thấy được trạng thái thanh nhẹ hơn của các phần tử phụ của vật chất hồng trần, mặc dù họ chưa có khả năng nhìn thấy được vật chất vi tế hơn thuộc về cõi trung giới. Khi họ quan sát thật kỹ một phần nào của chất dĩ thái lộ ra trên cơ thể con người, như khuôn mặt hoặc bàn tay chẳng hạn, họ thường thấy vô số các hình dạng bé nhỏ như xích ngầu, ngôi sao, và mẫu hình chóp đôi (double pyramids). Những hình dạng này không thuộc về cõi trí hoặc cõi trung giới mà hoàn toàn thuộc về cõi trần, với kích thước cực kỳ tí tẹo. Chúng chỉ là những chất luôn được bài tiết từ cơ thể con người - một chất liệu thừa thãi, phần nhiều là các loại muối rất mịn được liên tục thải ra ngoài theo cách này. Các phần tử bé nhỏ này có đặc tính khác nhau vì nhiều lý do. Sự lão hoá thường thay đổi chúng hoàn toàn, nhưng bất cứ một cảm xúc nào sẽ ảnh hưởng đến chúng nhiều hay ít, và chúng cũng đáp ứng lại với bất kỳ ảnh hưởng của dòng tư tưởng nào cụ thể.

Người ta nói rằng Giáo sư Gates đã từng tuyên bố như sau: (a) các chất liệu tiết ra từ cơ thể con người có khác nhau dựa trên trạng thái tâm lý cũng như tình trạng sức khỏe, (b) những tiết tố này có thể được thử nghiệm bằng các phản ứng hoá học của loại muối selenium, (c) các phản ứng hoá học này được thị hiện bằng nhiều sắc thái (shades) khác nhau của màu sắc, tùy theo bản chất của các ấn tượng trên thể trí, và (d) có bốn mươi loại sản phẩm của cảm xúc (emotion-products) khác nhau đã được ông ghi lại.

Đôi khi, người ta nhìn thấy các phân tử linh hoạt này rung động cực nhanh và phóng qua lại trong bầu không khí. Điều này chỉ cho thấy rằng người đó có một thể lực mạnh khoẻ chứ không phải là một trí tuệ cao siêu. Thật không may khi một người lần đầu tiên thoáng nhìn thấy cõi trung giới, hoặc thậm chí chất dĩ thái hồng trần, thường nảy ra kết luận rằng ít nhất y phải đang ở tại cõi trí nếu không phải là cõi niết bàn, và nắm trong tay mình chìa khóa của mọi bí mật của toàn bộ thái dương hệ. Tất cả các điều này đều sẽ đến với y trong tương lai, và những viễn ảnh cao hơn chắc chắn sẽ được mở ra trước mắt y một ngày nào đó, nhưng y sẽ nhanh chóng đạt được kết quả tuyệt vời này nếu y nắm chắc được mỗi bước đi của mình và cố gắng thấu hiểu và sử dụng nó với mọi khả năng của y, trước khi y mơ tưởng được nhiều hơn. Hiện nay, rất ít

người có thể bắt đầu trải nghiệm cái nhìn của cõi niết bàn; phần đông chúng ta cứ nên phát triển chậm rãi và vững vàng, và phương châm an toàn nhất cho chúng ta chính là *festina lente* (hãy vội vàng từ từ).

Tôi không khuyên bất cứ một người nào để cho mình bị thôi miên hầu đạt được các kinh nghiệm về thông nhãn. Việc để người khác khống chế ý chí của mình có thể gây ra nhiều tai hoạ mà ít ai ngờ được. Ý chí của nạn nhân trở nên yếu đi và dễ bị điều khiển bởi người khác. Do sự an bày của tạo hoá, không ai bị bắt buộc phải làm điều gì cả, y luôn được giáo dục bằng cách phải đón nhận hậu quả của hành động của mình. Tốt nhất hãy để quyền năng thông nhãn từ từ xuất hiện theo quá trình tiến hoá tự nhiên, thay vì cố ép nó phải phát triển quá sớm bằng một cách nào đó.

Chúng ta không nên cho rằng một người nhìn thấy được một điều gì đó thuộc về các cõi cao hơn nhất định phải có thông nhãn. Thí dụ, chúng ta chắc chắn có thể dùng thông nhãn để nhìn thấy một bóng ma (apparition), nhưng mặt khác cũng có nhiều cách khác để một người có thể nhìn thấy, hoặc cho rằng y đã nhìn thấy, một thứ gì đó mà đối với y giống như là một bóng ma.

Bóng ma của một người chết có thể là: (a) ảo tưởng của một người, (b) một hình tư tưởng được tạo ra do một người khác hoặc (c) do chính người thấy, (d) một sự giả mạo, (e) thể phách của người

chết, hoặc (f) chính người chết thực sự hiện hình. Trong trường hợp cuối cùng, một trong ba điều này nhất định phải xảy ra - nghĩa là, hãy giả định bóng ma là một người đã chết hoặc đang ngủ và do đó đang hoạt động trong thể vía của y, còn người thấy y lại đang ở trong thể xác của mình và hoàn toàn thức tỉnh. Có thể là: (1) người chết tự hiện hình, dĩ nhiên trong trường hợp này y là một thực thể hồng trần có thể được nhìn thấy bởi bất cứ một ai có nhãn quang bình thường trong lúc đó; (2) người chết đang ở trong thể vía, trong trường hợp này chỉ có những người có thị giác trung giới mới có thể nhìn thấy được y, hoặc có lẽ y đã tạm thời thành công mở được thị giác trung giới của người mà y muốn cho thấy bằng một nỗ lực đặc biệt nào đó, và do đó chỉ duy nhất người đó mới có thể nhìn thấy được y, và không ai khác hiện diện lúc đó có thể thấy được y; hoặc (3) người chết đã thôi miên người sống để tạo ra một ấn tượng rằng y đã nhìn thấy một thực thể vốn vô hình đối với người sống, mặc dù thực thể đó vốn thật có hiện diện.

Nếu bóng ma đó là một thể phách, nó sẽ không thể rời xa thể xác của nó. Một bóng ma chưa được huấn luyện - một người còn mới đối với cõi trung giới thường biểu hiện các thói quen của y khi còn ở cõi trần. Y sẽ đi ra và đi vào bằng cánh cửa hoặc xuyên qua cửa sổ vì y chưa biết rằng y cũng có thể dễ dàng đi xuyên qua một bức tường. Tôi đã từng

nhìn thấy cảnh một người cố ép mình lọt qua một khe hở của một cánh cửa đã bị khoá lại, và nếu như vậy chẳng thà là y cứ thử lọt qua luôn lỗ khoá! Nhưng y sẽ làm giống y như lúc y còn ở cõi trần - vì y *nghĩ* rằng mình còn đang đi lại. Vì lý do này mà một bóng ma thường hay đi trên mặt đất trong khi y có thể bay lơ lửng trên không gian.

Thật là một điều sai lầm nếu bạn nghĩ rằng khi bạn thấy được một linh ảnh, nó *phải* mang một ý nghĩa gì đặc biệt đối với bạn hoặc được đặc biệt gửi đến cho bạn. Nếu bạn trở nên nhạy cảm trong một lát, bạn sẽ thấy ngay chuyện gì xảy ra nơi đó.

Giả sử tôi đang ngồi trong một căn phòng và màn cửa được kéo qua cửa sổ để tôi không thể nhìn ra thấy bên ngoài. Giả sử lúc đó có một ngọn gió làm màn cửa bay lên nên tôi nhìn thoáng được ra ngoài, do đó tôi sẽ thấy được chuyện gì xảy ra ngay lúc đó. Hãy giả sử tôi nhìn thấy một cô bé khoác một chiếc áo choàng màu đỏ và cầm một cái giỏ. Cô bé đó có lẽ chỉ đang đi làm công việc của mình hoặc của mẹ cô. Vậy có phải tôi sẽ rất ngu xuẩn khi cho rằng cô bé đó được đặc biệt gửi đến để cho tôi thấy, rồi bản khoả không biết ẩn ý của chiếc áo choàng đỏ và cái giỏ đó là gì? Một thoáng thông nhãn bình thường chỉ là một sự phát lên của một bức màn, và những gì thường được nhìn thấy nói chung không có liên quan đặc biệt gì đối với người thấy nó. Đôi khi, bức màn cũng có thể được cố ý vén lên bởi một

người bạn vì có một chuyện gì đặc biệt rất quan trọng đang xảy ra đối với y, nhưng dù sao đi nữa, chúng ta cũng không nên để cho rằng đó là trường hợp như vậy.

Nhưng các quyền năng tâm linh đạt được bằng sự tiến hóa cẩn thận và từ từ của bản thân sẽ mang lại nhiều kinh nghiệm khá thú vị. Thí dụ, một người có thể hoạt động tự do trong thể trí sẽ có nhiều cách để hiểu được ý nghĩa của một cuốn sách, hoàn toàn khác hẳn với cách thông thường là đọc nó. Phương pháp đơn giản nhất là đọc từ thể trí của một người đã từng nghiên cứu nó; tuy nhiên, điều này đã bị nhiều người phê bình là y sẽ không nắm được ý nghĩa thật sự của cuốn sách đó mà chỉ là nhận được quan điểm của người học sinh đó về nó, quả thật là hai việc khác nhau. Phương pháp thứ hai là nghiên cứu hào quang của cuốn sách - một danh từ cần phải được giải thích rõ hơn một chút cho những ai chưa hiểu về mặt huyền bí của vạn vật.

Trên bình diện huyền bí học, một cuốn cổ thư đứng ở một vị trí khá khác biệt với một cuốn sách hiện đại. Nếu nó không phải là bản gốc của tác giả, có lẽ nó đã từng được sao chép lại từng chữ một bởi một người có trình độ học vấn và kiến thức khá cao, có hiểu biết về chủ đề của cuốn sách và có ý kiến riêng của mình về nó. Chúng ta phải nhớ rằng việc sao chép lại một cuốn sách, (thường được viết bằng một cây bút trâm để khắc), gần như rất chậm và khá

tỉ mỉ giống như điêu khắc, nên người viết chắc chắn sẽ để lại một ấn tượng cảm nhận của y trên tác phẩm. Vì vậy, bất cứ một cuốn cổ thư nào, thậm chí một bản sao, đều có một hào quang tư tưởng về nó để truyền đạt ý nghĩa, hay đúng hơn là quan niệm của một người nào đó, về ý nghĩa và giá trị của nó. Mỗi lần bất cứ ai đọc qua nó thì hào quang tư tưởng của nó lại được bổ sung, và nếu nó được ai nghiên cứu cẩn thận thì sự bổ túc ấy dĩ nhiên là lớn và quý giá vô cùng.

Điều này cũng hoàn toàn đúng với một cuốn sách đã được in ra. Một cuốn sách đã được chuyển tay qua nhiều người sẽ có một hào quang cân xứng hơn là một cuốn sách mới, vì nó toàn vẹn hơn do nó được xây dựng bởi nhiều ý kiến đa dạng hơn từ nhiều độc giả. Do đó, việc trắc nghiệm tâm linh một cuốn sách như vậy thường cho ra một sự hiểu biết khá toàn diện về nội dung của nó, vì phần lớn các ý kiến tuy không được viết ra trong cuốn sách nhưng lại được nghĩ ra bởi các độc giả khác nhau của nó.

Mặt khác, một cuốn sách từ một thư viện công thường là một điều khó chịu về mặt tâm linh cũng như hình tướng, bởi vì nó bị quá tải bởi nhiều thứ từ điện, phần lớn thuộc loại khó ưa. Một người nhạy cảm tốt hơn nên tránh những cuốn sách như vậy, hoặc nếu y bị bắt buộc phải sử dụng chúng thì y nên khôn ngoan tránh chạm vào chúng càng ít càng tốt,

và hãy để chúng nằm trên bàn thay vì cầm chúng lên trong tay.

Một điều khác nữa cần phải được ghi nhớ là một cuốn sách như vậy là một bộ sách được viết về một chủ đề đặc biệt, thường được đọc bởi một loại người đặc biệt, và những độc giả này cũng để lại một ấn tượng trong hào quang của bộ sách. Vì vậy, một cuốn sách đề xướng những quan niệm bẻ phải tôn giáo mạnh mẽ sẽ không được ai đọc ngoại trừ những người đồng tình với tư tưởng hẹp hòi đó, và do đó nó sẽ nhanh chóng phát triển một hào quang thật sự khó ưa. Cũng vậy, một cuốn sách có tính cách đòi truy hoặc dâm dăng cũng sẽ nhanh chóng trở thành ghê tởm một cách không thể tưởng tượng được. Những cuốn sách cổ chứa đầy các công thức ma thuật thường là những món đồ khó chịu nhất vì lý do này. Thậm chí, ngôn ngữ mà cuốn sách được in ra cũng gián tiếp ảnh hưởng đến hào quang của nó bởi vì nó giới hạn quốc tịch độc giả của nó, do đó bao gồm các đặc tính của quốc gia đó ở một mức nào đó.

Trong trường hợp của một cuốn sách được ấn hành mà không có người sao chép, nó bắt đầu sự nghiệp của nó bằng cách không chuyên chở một thứ gì ngoài những mảnh tư tưởng rời rạc của người đóng sách và bán sách. Dường như độc giả hiện nay ít nghiên cứu sâu xa và tỉ mỉ như người thời xưa, nên các hình tư tưởng liên quan đến các cuốn sách

hiện nay hiếm khi được rõ ràng và chính xác như những hình tư tưởng vây quanh các bản thảo cũ thời xưa.

Phương pháp thứ ba để đọc sách đòi hỏi một khả năng cao hơn để đi từ cuốn sách hoặc bản thảo đến tận cái trí của tác giả. Nếu cuốn sách được viết bằng ngoại ngữ, chủ đề của nó hoàn toàn mới lạ và không có hào quang nào chung quanh nó để đưa ra một gợi ý gì hữu dụng, cách duy nhất là phải theo dõi lịch sử của nó để xem nó được sao chép từ đâu (hoặc được ấn hành ở đâu tùy theo trường hợp) và lần mò theo đường dây này cho đến khi nó dẫn đến chính tác giả. Nếu chủ đề của cuốn sách được nhiều người biết đến, một phương pháp bớt rắc rối hơn là hãy trắc nghiệm tâm linh chủ đề đó, nương theo dòng tư tưởng hiện đại về nó và nhờ đó kiếm một tác giả nào đó để xem y suy nghĩ như thế nào về nó. Có một điều là tất cả mọi tư tưởng về một chủ đề nào đó đều được gom lại ở một chỗ, được tập trung vào một điểm cụ thể nào đó trong không gian, nên bằng cách dùng thể trí để đến viếng thăm địa điểm đó, một người có thể tiếp nhận được mọi dòng tư tưởng đổ ra về chủ đề đó, mặc dù chúng cũng được kết nối với hàng triệu đường dây khác về mọi chủ đề khác.

Một quyền năng khác khá thú vị là khả năng phóng đại. Thông nhân có hai phương pháp phóng đại. Một là cách phóng lớn hơn thị giác bình

thường. Dĩ nhiên, khi chúng ta nhìn thấy bất cứ thứ gì ở cõi trần, một ấn tượng được tạo ra trên tế bào hình que và hình nón (rods and cones) của võng mạc. Các kết quả hoặc rung động tạo ra nơi đây được dây thần kinh thị giác truyền đến chất xám của bộ não bằng một cách nào đó mà chúng ta chưa hiểu được hoàn toàn. Rõ ràng là trước khi con người thật bên trong có thể ý thức được điều gì qua thị giác, các ấn tượng trên bộ não vật chất cần phải được truyền qua chất liệu dĩ thái, rồi sau đó đến thể vía và thể trí - những chất liệu với độ đậm đặc khác nhau mà có thể được coi là những trạm thông tin của một đường dây thép (telegraph-wire).

Một phương pháp phóng đại là đi vào trạm trung gian của đường dây thép này để lấy các ấn tượng từ chất liệu dĩ thái của võng mạc, thay vì từ các tế bào hình que và nón của nó, rồi chuyển ấn tượng đó đến phần dĩ thái của bộ não. Bằng nỗ lực của ý chí, chúng ta có thể tập trung vào một vài phân tử của chất liệu dĩ thái, thậm chí chỉ một phân tử (particle) thôi, và qua cách đó tạo ra một kích thước tương đương giữa cơ quan thị giác được sử dụng và vật nhỏ bé được quan sát.

Một phương pháp khác thường được dùng nhiều hơn nhưng đòi hỏi một sự phát triển cao hơn là sử dụng khả năng đặc biệt của trung tâm giữa chân mày. Từ giữa trung tâm đó phóng ra một cái mà chúng ta có thể gọi là một kính hiển vi tí hon,

với kính lúp là một hạt nguyên tử duy nhất. Một lần nữa theo cách này, chúng ta có thể tạo ra một bộ phận với kích thước tương xứng với vật thể rất nhỏ được quan sát. Hạt nguyên tử được sử dụng có thể thuộc về chất liệu hồng trần, trung giới hoặc cõi trí, nhưng dù nó thuộc về cõi nào đi nữa, nó cũng cần có một sự chuẩn bị đặc biệt. Tất cả các vòng xoắn ốc của nó đều phải được mở ra và hoạt động đầy đủ, như nó sẽ là trong cuộc tuần hoàn thứ bảy.

Quyền năng này thuộc về nhân thể, nên nếu một hạt nguyên tử thuộc về cõi thấp được dùng làm kính lúp thì nguyên cả một hệ thống của các đối phần của nó đều phải được thành lập. Hạt nguyên tử này có thể được điều chỉnh để thích nghi với bất cứ cõi phụ nào, nên bất kỳ độ phóng đại nào cũng có thể được sắp xếp hầu thích nghi với vật được quan sát. Quyền năng này có thể được mở ra thêm để cho phép người sử dụng nó có thể tập trung tâm thức của y qua ống kính đó để nhìn thấy và phóng nó đến các điểm xa hơn. Nó cũng có thể được sử dụng theo một cách khác là thu nhỏ ống kính lại để y có thể nhìn được toàn diện khi một vật gì quá lớn đến nỗi thị giác bình thường không thể nào nhìn thấy hết được nó trong cùng một lúc.

HỢP ÂM HUYỀN BÍ

(MYSTIC CHORD)

Một câu hỏi thường được đặt ra là làm cách nào một nhà thông nhãn lão luyện có thể lập tức tìm thấy một người ở xa hàng nghìn dặm. Rõ ràng đây vẫn là một điều bí ẩn đối với nhiều người nên tôi sẽ cố gắng giải thích phương pháp thường được áp dụng, mặc dù nó thật sự không phải là dễ. Các sự kiện siêu hình khó có thể được giải thích rõ ràng bằng ngôn ngữ thế gian vì nó luôn gây ra sự hiểu lầm ở một mức nào đó, thậm chí ngay cả khi vấn đề đó dường như đã được làm sáng tỏ.

Các quyền năng và phẩm tính của con người đều được biểu lộ dưới hình thức rung động của mỗi dẫn thể, chúng phát ra một thứ có thể được gọi là chủ âm. Hãy lấy thể vía làm thí dụ. Từ một số rung động thông thường khác nhau của thể vía trỗi lên một âm điệu trung bình mà ta có thể gọi là chủ âm của người đó ở cõi trung giới. Đương nhiên, người ta có thể hình dung ra được một số người bình thường ở cõi trung giới sẽ có cùng một chủ âm thể vía, nên chỉ điều này thôi không thể nào đủ để phân biệt giữa họ. Tuy nhiên, cũng có một âm điệu trung bình tương tự như vậy cho thể trí, nhân thể, và ngay cả thể phách - và chưa có hai người nào mà chủ âm của mọi dẫn thể của họ đều đồng điệu với nhau để

tạo ra một *hợp âm* giống nhau khi toàn bộ các thể đồng phát ra âm điệu cùng một lúc.

Do đó, hợp âm của mỗi người đều là độc nhất vô nhị, và nhờ đó người ta có thể phân biệt được một cá nhân với hầu hết phần đông còn lại. Trong hàng triệu người bán khai, có những trường hợp mà sự phát triển của họ còn quá thô thiển đến nỗi các hợp âm của họ không đủ rõ để được phân biệt giữa nhau, nhưng đối với các giống dân cao hơn thì không bao giờ có sự khó xử hoặc nguy cơ nhầm lẫn về điều này.

Cho dù một người ngủ hay thức, sống hay chết, hợp âm của y vẫn được giữ y như vậy, nên nhờ đó mà người ta có thể tìm thấy được y. Bạn có thể hỏi điều này làm sao có thể được như vậy khi y đang nghỉ ngơi ở cõi thượng giới và do đó không còn thể vía hoặc thể phách để phát ra những âm điệu đặc thù? Chỉ cần nhân thể còn tồn tại thì nó luôn được kết nối với các hạt nguyên tử trường tồn của nó, mỗi hạt thuộc về mỗi cõi và do đó, bất cứ lúc nào y đi đâu, con người trong nhân thể đều mang theo hợp âm của chính mình, vì chỉ một hạt nguyên tử trường tồn thôi cũng đủ để đưa ra một âm thanh đặc thù.

Một nhà thông nhãn lão luyện, một người có thể cảm nhận được hợp âm này, có thể điều chỉnh lại các dẫn thể của mình để hòa theo các nốt nhạc đó trong một lát và phát ra âm thanh đó bằng nỗ lực của ý chí. Dù người được tìm kiếm đang ở bất cứ

nơi đâu trong ba cõi, y sẽ lập tức đáp lại nó. Nếu y đang sống trong thể xác, có lẽ là y sẽ ý thức được một cú sốc nhẹ trong cơ thể và hoàn toàn không hiểu được lý do của nó. Tuy nhiên, nhân thể của y sẽ lập tức sáng lên; nó bùng lên như một ngọn lửa lớn và tác động này lập tức được nhìn thấy bởi nhà thông nhãn, nên bằng cách đó ông ta tìm thấy được y và một đường dây từ điện liên lạc được thiết lập. Nhà thông nhãn có thể dùng đường dây này như một ống kính viễn vọng, hoặc nếu muốn, ông ta có thể truyền tâm thức của mình chạy cấp tốc trên đường dây đó với tốc độ ánh sáng để ông ta có thể nhìn thấy được từ đầu bên kia.

Sự kết hợp của các âm điệu để tạo ra một hợp âm đặc biệt cho một cá nhân là tên gọi huyền bí thật sự của y, và theo quan niệm này, nó được nói rằng là khi tên thật của một người được gọi, y sẽ lập tức đáp lại cho dù y đang ở bất cứ nơi đâu. Có lẽ đây là nguyên nhân đằng sau một truyền thống mơ hồ rất phổ biến trong các nước bán khai rằng tên thật của một người là một điều quan trọng cần phải được giữ kín, vì người nào biết được nó sẽ sai khiến được y ở một mức độ nào đó, hoặc dùng nó để làm bùa phép trên người y. Cũng như thế, nó được cho rằng tên thật của một người sẽ *thay đổi sau mỗi lần điểm đạo*, vì mỗi nghi lễ như vậy là một sự công nhận chính thức và đồng thời cũng là một sự hoàn tất một giai đoạn phát triển mà sau đó, y tự nâng mình lên

một phím cao hơn, tạo ra một sự căng thẳng mới trên phím đàn dụng cụ của mình để trôi lên một dòng nhạc tuyệt vời hơn, nên từ đó hợp âm của y phải nghe khác đi. Cái tên này của y không nên bị nhầm lẫn với cái tên huyền bí của Augoeides,¹⁰ vì nó là hợp âm của ba nguyên lý của Chân Ngã được tạo ra bởi sự rung động của ba hạt nguyên tử trường tồn của cõi Niết bàn, Bồ-đề và Thượng Trí, với Chân thần đứng đằng sau chúng.

Để tránh sự lầm lẫn như vậy, chúng ta nên phân tích rõ ràng sự khác biệt giữa hai biểu lộ của con người ở các tầng lớp khác nhau. Sự tương xứng giữa hai biểu lộ này rất gần gũi nên chúng ta có thể cho rằng cái thấp hơn là một sự lặp lại của cái cao hơn. Chân ngã là tam thể, bao gồm Atma, Buddhi, Manas, với mỗi thể tồn tại ở cõi riêng của nó: Atma ở cõi Niết bàn, Buddhi ở cõi Bồ-đề, và Manas ở cảnh cao nhất của cõi trí. Chân Ngã cư ngụ trong nhân thể, một dẫn thể được làm bằng chất liệu của cảnh thấp nhất trong ba cảnh thuộc về nó. Sau đó, Chân Ngã tự đặt mình xuống cõi thấp hơn để biểu lộ và lấy ba dẫn thể thấp hơn, đó là thể trí, thể vía, và thể xác. Hợp âm của y trong biểu lộ thấp hơn này là thứ mà chúng ta đã mô tả và bao gồm chính nốt nhạc của y và ba nốt nhạc của ba dẫn thể thấp hơn.

¹⁰ Augoeides là một biệt hiệu khác của Tam Nguyên Thượng.

Nếu như Chân Ngã là tam thể thì Chân Thần cũng như vậy, nó cũng có ba phần, mỗi phần tồn tại ở cõi riêng của nó. Tuy nhiên, trong trường hợp này, ba cõi đó là cõi thứ nhất, thứ nhì, và thứ ba của thái dương hệ chúng ta, và Niết bàn là cõi thấp nhất thay vì là cõi cao nhất. Nhưng ở cõi Niết bàn nó tự cho mình một sự biểu lộ, chúng ta gọi nó là Chân thần trong dẫn thể Atma của nó, hoặc đôi khi là tam thể Atma hoặc tam thể tinh thần, và thể này đối với nó cũng như là nhân thể đối với Chân Ngã. Cũng như Chân Ngã lấy ba thể thấp hơn (thể trí, thể vía, và thể xác), thể đầu tiên (thể trí) ở phần thấp hơn cõi của nó và thể thấp nhất (thể xác) ở hai cõi dưới nữa, Chân Thần cũng lấy ba biểu lộ thấp hơn (mà chúng ta thường gọi là Atma, Buddhi, và Manas), thể đầu tiên ở phần thấp hơn cõi của nó rồi hai thể kia là ở hai cõi thấp hơn dưới đó. Do đó ta sẽ thấy rằng nhân thể đối với Chân Thần cũng như thể xác đối với Chân Ngã. Nếu chúng ta nghĩ về Chân Ngã như là linh hồn của thể xác, thì đến lượt nó, chúng ta có thể coi Chân Thần như là linh hồn của Chân Ngã. Do đó hợp âm của Augoeides (Chân Ngã vinh quang trong nhân thể của y) bao gồm nốt nhạc của Chân Thần và các nốt nhạc của ba biểu lộ của nó: đó là thể Atma, Buddhi, và Manas (thể Niết Bàn, Bò Đề, và Thượng Trí).

Ta phải hiểu rằng hợp âm không thể được coi như là âm thanh theo nghĩa của nó ở cõi trần. Có

người gợi ý với tôi rằng theo vài khía cạnh, sự kết hợp của các lần vạch trong quang phổ là một ví dụ tốt hơn. Quang phổ của mỗi nguyên tố hoá học (element) (mà chúng ta biết đến) đều dễ được nhìn thấy cho dù nó có xuất hiện ở bất cứ hành tinh nào và ở khoảng cách xa gấp mấy - miễn sao là những lần vạch đủ sáng để người ta nhìn thấy chúng. Nhưng hợp âm mà chúng ta nói đến trên thực tế vốn không thể được nhìn thấy hoặc nghe thấy mà nó được nhận thức một cách rất phức tạp, đòi hỏi một tâm thức phải biết hoạt động đồng thời trong nhân thể và các dẫn thể thấp hơn.

Ngay cả đối với nhận thức bình thường ở cõi trung giới, chúng ta đã sai khi dùng từ “nghe thấy” và “nhìn thấy.” Những danh từ này gợi lên một ý tưởng về một bộ phận giác quan được dùng để tiếp nhận các ấn tượng từ một loại cảm xúc nào đó. “Nhìn thấy” ám chỉ việc sở hữu một đôi mắt, “nghe thấy” ám chỉ sự hiện hữu của đôi tai, nhưng vốn không có một bộ phận giác quan nào như vậy được tìm thấy ở cõi trung giới. Đúng vậy, thể vía là bản sao chính xác của thể xác nên nó có đôi mắt, đôi tai, mũi và miệng, tay và chân giống như thể xác. Tuy nhiên, khi hoạt động trong thể vía thì chúng ta không phải đi bằng đôi phần trung giới tương ứng với đôi chân thể xác, hoặc nhìn thấy và nghe thấy bằng đôi phần trung giới của cặp mắt và đôi tai thể xác.

Mỗi phần tử trong thể vía đều có thể tiếp nhận được một số rung động nhất định - các rung động thuộc về tầng cấp riêng của nó và chỉ đúng tầng cấp đó mà thôi. Nếu chúng ta chia tất cả các rung động của cõi trung giới thành bảy tầng cấp, giống như bảy cấp bậc của âm giai (octaves), mỗi tầng cấp tương xứng với một cảnh, chỉ có loại phần tử của thể vía được thành lập bằng chất liệu thuộc cảnh đó mới có thể đáp ứng được với tầng cấp rung động của âm giai đó. Vì vậy, “*để sống ở một cảnh nào ở cõi trung giới*” có nghĩa là một người phải phát triển sự nhạy cảm của các phần tử thể vía chỉ thuộc về cảnh đó, hầu y có thể nhận thức được đồ vật và cư dân chỉ thuộc về cảnh đó. Để có một cái nhìn toàn diện về cõi trung giới có nghĩa là phải phát triển sự nhạy cảm trong tất cả các phần tử thể vía để một người có thể cảm nhận được tất cả các cảnh giới cùng một lúc.

Cho dù một người chỉ phát triển các phần tử thuộc về một cảnh, nhưng nếu chúng được hoàn toàn phát triển thì trong cảnh đó y sẽ có một khả năng nhận thức được các cảm xúc tương đương với mọi giác quan của thể xác. Nếu y có ý thức gì về một vật thể, y sẽ nhận được một ấn tượng bao gồm hết tất cả những gì chúng ta có thể nhận thức được ở dưới đây qua các con kênh khác nhau mà chúng ta gọi là giác quan. Y sẽ *nhìn thấy, nghe thấy và cảm thấy cùng một lúc*. Việc nhận thức tức khắc ở các

cõi cao hơn vượt rất xa hoạt động nửa vờ và vụng về của các giác quan của thể xác.

Để xem bằng cách nào nhà thông nhãn có thể tìm được bất cứ người nào qua hợp âm huyền bí, chúng ta phải biết rằng các rung động của nó đều được truyền từ chủ nhân của nó đến bất cứ vật gì có tiếp xúc với y trong một khoảng thời gian và do đó được thấm nhuần từ điển của y. Một lọn tóc, một bộ đồ mà y từng mặc, một lá thư mà y từng viết - bất cứ thứ gì trong các đồ vật này đều có thể đưa ra một hợp âm huyền bí cho người biết cách cảm nhận nó. Nó cũng có thể dễ dàng được thu thập từ một tấm hình, cho dù điều này cũng có vẻ hơi kỳ lạ, vì tấm hình đó không nhất thiết phải tiếp xúc trực tiếp với người trong bức ảnh. Ngay cả các nhà thông nhãn chưa được huấn luyện và không biết gì về các điều này cũng tự động nhận thức được điều cần thiết của việc thiết lập một mối liên hệ với người mà họ muốn tìm kiếm qua các món đồ như thế.

Nhà thông nhãn không nhất thiết phải cầm lá thư trong tay hoặc thậm chí để nó ở bên cạnh khi y dùng cách trắc nghiệm tâm linh để nghiên cứu nó. Chỉ cần y đã cầm lá thư và cảm nhận được hợp âm của nó thì y có thể nhớ lại và tái tạo nó, giống như bất cứ ai có trí nhớ tốt đều có thể nhớ lại một khuôn mặt mà họ đã từng thấy một lần. Mối liên hệ như vậy lúc nào cũng cần thiết để tìm một người mà y không hề quen biết. Gần đây, chúng tôi có gặp một

trường hợp của một người đã chết ở một nơi nào đó trong khu vực Congo, nhưng vì người bạn viết thư về y không gửi kèm theo một bức hình nào nên trước hết, chúng tôi đành phải đi tìm người bạn đó (tôi nhớ hình như đầu đó ở Bắc Âu) và tạo ra một mối liên hệ lòng vòng như vậy qua người bạn của y.

Tuy nhiên, có những phương pháp khác để tìm một người ở xa. Cách hiệu quả nhất đòi hỏi một trình độ tiến hoá cao hơn cách vừa được mô tả. Một người có thể nâng cao tâm thức của mình lên cảnh nguyên tử của cõi Bồ-đề để hợp nhất với đồng loại - và dĩ nhiên luôn với cả người mà y đang tìm kiếm. Y tự nâng tâm thức của mình lên đến sự hợp nhất này qua con đường của y, rồi sau đó y lại đặt mình vào con đường của người kia để tìm ra họ. Lúc nào cũng có nhiều cách khác nhau để tập luyện thông nhãn, và mỗi học trò sẽ dùng phương pháp nào tự nhiên nhất đối với y. Nếu y chưa nghiên cứu đầy đủ về vấn đề này thì y thường sẽ cho rằng phương pháp của mình là cách duy nhất, nhưng y sẽ nhanh chóng bỏ đi ý kiến này khi kiến thức của y được mở mang.

PHƯƠNG PHÁP SOI TIỀN KIẾP

Khi một lô các tiền kiếp hết sức thú vị được đăng trên tờ báo *Nhà Thông Thiên Học*, nhiều người đã hỏi về phương pháp chính xác mà các nhà điều tra đã sử dụng để đọc được hồ sơ (record) của các kiếp trước. Thật không dễ giải thích vấn đề này một cách thỏa đáng cho những ai chưa có khả năng đọc được chúng, nhưng ít nhất chúng tôi nên đưa ra một nỗ lực để mô tả quá trình này để giúp cho các môn sinh hiểu biết thêm về nó.

Để bắt đầu, thật sự không dễ giải thích hồ sơ đó được đọc như thế nào. Chúng tôi có thể gợi ra một ý niệm về nó nếu chúng ta hãy thử tưởng tượng một căn phòng với một tấm gương lớn được đặt ở cuối phòng và mọi thứ diễn ra trong căn phòng này sẽ được phản chiếu vào trong tấm gương đó. Nếu chúng ta giả định thêm rằng tấm gương đó có đặc tính của một máy quay phim liên tục có thể ghi hết lại những gì nó phản chiếu và sau đó chiếu nó lại dưới các điều kiện đặc biệt, chúng ta đã đạt thêm một bước nữa trong quá trình hiểu biết về cách nó tự biểu lộ. Tuy nhiên, chúng ta cần phải cho thêm vào đó các phẩm chất mà không tấm gương nào sở hữu - khả năng tái tạo mọi âm thanh như một máy đĩa hát

và phản chiếu luôn mọi suy nghĩ và cảm xúc của mọi vật trong đó.

Tiếp theo, chúng ta phải cố gắng hiểu rõ hơn nữa sự phản chiếu trong gương thực sự là gì. Nếu hai người đứng ở một chỗ đối chiếu với tấm gương để họ không nhìn thấy bản thân mình mà chỉ nhìn thấy được người kia, rõ ràng là trong cùng một vùng kính phải phản chiếu hai hình ảnh. Vì vậy, nếu chúng ta giả định rằng tấm gương sẽ lưu giữ hết mọi hình ảnh đã từng phản chiếu lên nó (có lẽ nó thực sự là như vậy), rõ ràng là một phần của mảnh kính đồng thời phải ghi lại hai hình ảnh. Đi lên, đi xuống, đi qua và đi lại trong căn phòng, bạn sẽ sớm thuyết phục mình là mọi phần nhỏ của tấm kính phải đồng thời ghi lại mọi góc cạnh của mọi đồ vật trong phòng, và những gì bạn nhìn thấy trong đó lệ thuộc vào vị trí của con mắt của bạn. Vì vậy, hai người không thể nào đồng thời nhìn thấy được cùng một hình ảnh phản chiếu trong gương hơn là họ có thể đồng thời nhìn thấy một cầu vồng, bởi vì hai con mắt vật lý không thể nào đồng thời chiếm cùng một góc cạnh trong không gian.

Những gì chúng ta cho rằng đã xảy ra đối với các phần tử thủy tinh trong gương cũng thật sự xảy ra đối với các phần tử của mọi chất liệu. Mỗi viên đá bên đường đều chứa một hồ sơ không thể bị xóa nhòa về những gì đã từng đi qua nó, nhưng hồ sơ này không thể được khôi phục từ viên đá (như

chúng tôi được biết cho đến nay) để chúng ta có thể nhìn thấy được nó bằng giác quan của thể xác thông thường, mặc dù một nhà trắc nghiệm tâm linh với giác quan khá phát triển có thể đọc nó không mấy khó khăn.

Nhiều người hỏi bằng cách nào một hạt phân tử (molecule) *vô tri vô giác (inanimate)* có thể ghi lại và tái tạo các ấn tượng? Câu trả lời là hạt phân tử *không* phải là vật vô tri vô giác vì sự sống bên trong nó là một phần của Sự Sống Thiêng Liêng. Quả thật, một người có thể diễn tả hồ sơ đó một cách khác đi, như nói rằng nó chính là ký ức của Thượng Đế và hạt phân tử bằng một cách nào đó có liên lạc được với một phần ký ức liên quan đến các sự kiện đã từng xảy ra trong vùng lân cận của nó, hoặc cái mà chúng ta có thể gọi là trong tầm quan sát của nó. Có lẽ thứ mà chúng ta gọi là trí nhớ của *chúng ta* không khác gì hơn là một khả năng tương tự để tiếp cận (cho dù nó thường không hoàn hảo) với một phần ký ức của Ngài liên quan đến các sự kiện mà chúng ta đã từng chứng kiến hoặc biết đến.

Do đó, chúng ta có thể nói rằng mỗi người trong chúng ta đều mang trong bản thân mình hai ký ức về bất cứ những gì chúng ta đã thấy ở cõi trần - ký ức não bộ, thường không được hoàn hảo hoặc không đúng, và ký ức bất biến được gìn giữ trong bất cứ hạt phân tử nào trong cơ thể hoặc trong các dẫn thể mà y đang khoác lên, luôn luôn hoàn hảo và

chính xác, nhưng chỉ dành cho những ai đã học được cách đọc nó. Hãy nhớ rằng ký ức não bộ có thể là không đúng, không chỉ vì chính nó không được hoàn hảo mà vì sự quan sát ban đầu có thể bị khiếm khuyết. Hơn nữa, nó có thể bị nhuộm màu bởi thành kiến, vì chúng ta chỉ thấy phần lớn những gì chúng ta muốn thấy, và do đó chúng ta có thể nhớ lại một sự kiện *mà nó dường như là như vậy đối với chúng ta*, mặc dù chúng ta có thể đã sai hoặc chỉ nhìn thấy được một phần của nó. Tuy nhiên, “tiên thiên ký ảnh” hoàn toàn không có các vết này.

Rõ ràng thể xác của một người không thể mang theo ký ức hoặc hồ sơ của kiếp trước mà nó vốn không hề tham dự, và điều này cũng là như vậy đối với thể vía và thể trí bởi vì các dẫn thể này đều là *mới* trong mỗi kiếp đầu thai. Vì vậy, chúng ta thấy ngay rằng cấp độ thấp nhất mà chúng ta có thể lấy được một thông tin gì đáng tin cậy về kiếp trước là từ nhân thể, vì không có dẫn thể nào dưới thể này có thể cho chúng ta một bằng chứng trực tiếp. Chân ngã - hay ít nhất một phần nhỏ của nó - có hiện diện trong nhân thể trong tất cả mọi kiếp và do đó nó là một nhân chứng thật sự, trong khi mọi dẫn thể thấp hơn đều là *không* phải và chỉ có thể báo cáo lại những gì chúng nhận được từ Chân Ngã. Khi chúng ta nhớ lại rằng sự liên lạc giữa Chân Ngã và Phàm Ngã của một người thường xuyên bất hảo đến mức nào, chúng ta sẽ thấy ngay rằng lời khai gián tiếp từ

người thứ hai, thứ ba, hoặc thứ tư không đáng tin cậy đến mức nào. Đôi khi, một người có thể lấy được một vài hình ảnh rời rạc về các sự kiện từ tiền kiếp của một người từ thể vía hoặc thể trí, nhưng đây không phải là một sự tường thuật mạch lạc hay trật tự, và ngay cả các hình ảnh đó cũng chỉ là những phản chiếu, có lẽ rất tối và mờ, từ nhân thể đưa xuống.

Vì vậy, trước tiên chúng ta phải phát triển khả năng của nhân thể để đọc được hồ sơ của kiếp trước cho chính xác. Khi chúng ta áp dụng khả năng này trên nhân thể của người được khảo sát, trước mắt chúng ta có hai khả năng giống như trong trường hợp của thể xác. Chúng ta có thể dùng trí nhớ của chân ngã về những gì đã xảy ra, hoặc chúng ta có thể trắc nghiệm tâm linh (psychometry) người ấy và tự xem lấy những kinh nghiệm mà y đã trải qua. Phương pháp sau là an toàn hơn vì thậm chí chân ngã cũng có thể có những ấn tượng không hoàn hảo hoặc thành kiến về những gì y đã thấy qua một phàm ngã cũ.

Đây là phương pháp bình thường để điều tra các kiếp trong quá khứ: sử dụng khả năng nhân thể của mình để trắc nghiệm tâm linh nhân thể của đối phương. Điều này có thể được thực hiện ở cấp độ thấp hơn bằng cách trắc nghiệm tâm linh các hạt nguyên tử trường tồn, nhưng vì đó là một việc làm rất khó hơn là việc mở các giác quan của nhân thể

nên chắc nó sẽ không bao giờ được thử nghiệm một cách rốt ráo. Một phương pháp khác (đương nhiên đòi hỏi một sự phát triển cao hơn) là dùng quyền năng của thể bồ đề - để trở nên hợp nhất với chân ngã được điều tra và đọc được kinh nghiệm của y giống như là kinh nghiệm của mình, một kiến thức lấy từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Cả hai phương pháp này đều được áp dụng bởi những người đang chuẩn bị để viết cho hết các loạt bài về các kiếp đầu thai đang liên tiếp xuất hiện trên tờ báo *Nhà Thông Thiên Học*, và những nhà điều tra cũng có lợi điểm là họ có được sự hợp tác thông minh của Chân Ngã mà các kiếp đầu thai của y đang được tường trình.

Trong lúc đọc các kiếp đầu thai, sự có mặt của đương sự là một lợi thế nhưng không phải là điều cần thiết. Y sẽ giúp đỡ nếu y có thể kiểm soát được các dẫn thể của mình một cách bình tĩnh, nhưng nếu y trở nên phấn khích thì y sẽ làm hỏng chuyện.

Môi trường chung quanh không quan trọng lắm, nhưng yên tĩnh là điều cần thiết bởi vì bộ não xác thịt phải yên lặng để các ấn tượng được mang xuống một cách rõ ràng. Mọi thứ đi từ nhân thể xuống thể xác đều phải đi qua thể trí và thể vía; nếu một trong hai thể này bị quấy nhiễu thì nó sẽ phản chiếu không chính xác, giống như các gợn sóng thật nhỏ trên bề mặt của hồ nước sẽ làm đứt đoạn hoặc méo mó hình ảnh phản chiếu của cây cỏ hoặc nhà cửa trên bờ. Mọi thành kiến đều phải được tẩy sạch

hoàn toàn, vì nếu không chúng sẽ gây ra kết quả của một tấm kính bị nhuộm màu, làm mọi thứ xuyên qua chúng cũng bị nhuộm màu theo và do đó đưa ra một ấn tượng sai lầm.

Khi nhìn về tiền kiếp, chúng tôi có thói quen giữ cho tâm thức mình hoàn toàn tỉnh thức trong thể xác hầu có thể ghi xuống được tất cả những gì được quan sát. Đây là phương pháp an toàn hơn là rời bỏ thể xác trong lúc quan sát rồi thức dậy và cạy vào trí nhớ để tạo lại các ấn tượng. Tuy nhiên, người học trò sẽ trải qua một giai đoạn mà y chỉ có thể thực hiện được phương pháp sau, vì tuy rằng y có thể sử dụng được nhân thể, nhưng y chỉ có thể soi kiếp trong khi thể xác đi ngủ mà thôi.

Đôi khi, trong những cái nhìn thoáng qua về quá khứ, chúng tôi có gặp một chút khó khăn về việc nhận diện các nhân vật, vì tự nhiên các linh hồn phải thay đổi khá nhiều qua thời gian dài đằng đằng cả hai mươi ngàn năm. May thay, với một chút tập luyện, một người có thể coi hồ sơ nhanh hay chậm tùy ý, nên khi có một sự hoài nghi về thân thể, chúng tôi luôn áp dụng kế hoạch là chạy thật nhanh theo các kiếp đầu thai cho đến khi chúng tôi dò ra được đương sự ở kiếp hiện tại. Khi nhìn thấy một linh hồn ở một kiếp xa xưa, vài nhà điều tra lập tức có linh cảm (trực giác) về thân thể hiện tại của y; tuy nhiên, dù rằng một chút trực giác loé lên như vậy thường là đúng, đôi khi nó có thể là sai, và

phương pháp duy nhất đáng tin cậy là loại phải tốn nhiều công sức hơn.

Có những trường hợp mà linh hồn của một người trung bình vẫn có thể được nhận diện sau vài nghìn năm, nhưng việc này không nói được một điều gì tốt về y vì nó có nghĩa là y đã tiến bộ rất ít trong suốt thời gian qua. Để nhận diện một người mà chúng ta biết hiện nay ở hai mươi ngàn năm về trước cũng giống như là chúng ta gặp lại một người bạn mà chúng ta đã biết rất lâu từ thuở ấu thơ nhưng nay đã trưởng thành. Trong một vài trường hợp, sự nhận diện này có thể xảy ra nhưng trong các trường hợp khác thì sự thay đổi thật là quá lớn. Tuy nhiên, từ lúc các vị Chân Sư đắc quả Chân Tiên, các Ngài thường có thể được nhận ra ngay lập tức, thậm chí đến cả mấy ngàn năm về trước, nhưng vì một lý do hoàn toàn khác hẳn. Khi các dẫn thể thấp hơn đã hoàn toàn sáp nhập với linh hồn, chúng tự nhiên uốn mình theo đường nét của Augoeides (Chân Ngã) và do đó sẽ có rất ít thay đổi từ kiếp này sang kiếp khác. Cũng vậy, khi Linh hồn trở thành một phản ảnh hoàn hảo của Chân Thần thì Ngài cũng sẽ không thay đổi nhiều lắm mà chỉ lớn lên dần dần, nên Ngài cũng sẽ dễ dàng được nhận diện.

Cách soi kiếp dễ nhất là để ký ảnh lướt qua chúng ta ở tốc độ tự nhiên của nó, nhưng điều này có nghĩa là ta phải mất nguyên một ngày để xem hết các sự kiện xảy ra mỗi ngày và tốn cả một kiếp sống

cho một kiếp. Như đã nói, chúng ta có thể quay nhanh hoặc chậm quá trình diễn tiến của các sự kiện để khoảng thời gian hàng nghìn năm có thể lướt qua rất nhanh, hoặc ngược lại, chúng ta có thể ngừng lại ở một hình ảnh đặc biệt nào đó tùy ý để quan sát nó tỉ mỉ hơn. Việc quay nhanh hay chậm có lẽ tương đương với sự di chuyển nhanh hay chậm của một quang cảnh (panorama), chỉ cần chúng ta bỏ ra một chút công phu tu tập thì chúng ta sẽ có khả năng thực hiện được điều đó theo ý muốn, nhưng giống như trường hợp của một quang cảnh, toàn bộ hồ sơ vẫn thật sự ở đó bất cứ lúc nào.

Cái mà tôi diễn tả là coi hồ sơ nhanh hay chậm tùy ý trên thực tế là sự di chuyển tâm thức của nhà thông nhãn chứ không phải của hồ sơ, nhưng ấn tượng mà nó tạo ra thì chính xác giống như tôi đã nói. Các hồ sơ có thể được nói là nằm chồng lên nhau, cái mới nằm trên cái cũ. Tuy nhiên, ngay cả sự so sánh này cũng là sai bởi vì nó đương nhiên gợi lên một ý tưởng về một bề dày trong khi các hồ sơ không hề chiếm hữu nhiều chỗ trong không gian hơn là sự phản chiếu trên bề mặt của một tấm gương. Khi tâm thức của người điều tra lướt qua chúng, nó thật sự không phải di chuyển trong không gian mà nó khoác lên người một lớp áo, choàng lên lớp hồ sơ này đến lớp hồ sơ khác, và cứ như thế nó thấy mình như đứng ngay giữa diễn tiến của câu chuyện.

Một trong những nhiệm vụ mệt mỏi nhất của cuộc điều tra này là xác định thời gian cho chính xác. Quả thật, có vài nhà điều tra thẳng thắn từ chối không làm việc này bởi vì nó không thực tế, và họ nói rằng một con số đại khái (làm tròn con số) là đủ rồi. Có lẽ đúng là như vậy, nhưng quả thật chúng tôi có được một cảm giác rất thỏa mãn khi chúng tôi có thể thu thập được các chi tiết chính xác nhất, thậm chí bằng cách tẻ nhạt nhất là phải đếm lên các con số rất cao. Tất nhiên, phương pháp của chúng tôi là chọn ra một vài thời điểm nhất định để làm điểm bắt đầu cho bài toán đếm lên.

Một thời điểm cố định như vậy là 9,564 TCN (trước Công Nguyên) khi Poseidonis (di tích cuối cùng của châu Atlantis) bị chìm xuống đại dương. Một thời điểm khác nữa là 75,025 TCN, sự khởi đầu (mầm mống) của thảm họa lớn vừa rồi. Vì vậy, trong quá trình điều tra các kiếp sống của Alcyone, chúng tôi đã xác định được một số thời điểm chính xác cho đến 22,662 TCN, và khi những kiếp sống đó được dò ngược lại về quá khứ, các con số được tính theo từng kiếp một chứ không phải tất cả các kiếp cùng một lúc, nên kế hoạch này cũng không phải đến nỗi quá tẻ nhạt như nó chắc chắn sẽ là khi phải đối phó với những con số quá lớn. Trong vài trường hợp cụ thể, các công thức của chiêm tinh vẫn cũng được áp dụng. Các công thức này sẽ được giải thích trong cuốn sách *Thông nhãn* của tôi.

Nói chung, soi kiếp đi tới dễ hơn là đi lùi, bởi vì trong trường hợp đó chúng tôi đang làm việc thuận với dòng chảy tự nhiên của thời gian thay vì nghịch với nó. Vì vậy, kế hoạch thông thường là quay nhanh trở về một vài điểm đã được chọn trong quá khứ rồi chậm chậm tiến lên từ điểm đó. Phải nhớ rằng trong một kiếp sống, chúng ta khó đoán được tầm quan trọng của một vài sự kiện nhỏ nhất từ cái nhìn thoát đầu, nên chúng tôi thường lướt qua nó trước để xem những thay đổi quan trọng nào đã xảy ra từ các hoạt động hoặc sự kiện đó, rồi sau đó mới quay lại và mô tả những sự kiện đó tỉ mỉ hơn. Nếu nhà điều tra tình cờ lại là một trong những nhân vật trong kiếp sống mà y đang quan sát, y có một phương pháp khác khá thú vị là tự đặt mình lại vào cái phạm ngã cũ đó và cảm nhận lại những gì y ấy từng thấy trong thời xa xưa đó. Tuy nhiên, trong trường hợp đó y sẽ nhìn thấy mọi thứ giống như y đã thấy trước đó và do đó cũng sẽ không biết nhiều hơn so với những gì y đã biết ngay lúc đó.

Khi đọc các mẫu chuyện tiền kiếp, thường chỉ là những bản phác thảo đơn sơ khá mộc mạc, rất ít người ý thức được công trình cực nhọc ở đằng sau, cũng như số lượng thời gian đã được đầu tư để thấu hiểu triệt để một vài chi tiết nhỏ nhất hầu một hình ảnh chân thật nhất có thể được trình bày. Đọc giả của chúng tôi ít nhất có thể chắc chắn rằng chúng tôi đã không ngần ngại bỏ ra bất cứ một nỗ lực nào để

bảo đảm một sự thật tuyệt đối, mặc dù điều này thường không phải là một nhiệm vụ dễ dàng khi chúng tôi phải làm việc với các điều kiện và cách suy nghĩ hoàn toàn khác hẳn, như thể chúng thuộc về một hành tinh khác.

Các nhà điều tra gần như không bao giờ hiểu được các ngôn ngữ sử dụng thời bấy giờ, nhưng vì họ có thể đọc được tư tưởng đằng sau ngôn ngữ nên điều này không quan trọng lắm. Nhiều lúc trong khi làm việc, họ sao chép lại những dòng chữ được khắc ở những nơi công cộng mà họ không thể nào hiểu được và sau đó đã nhờ một nhà thông thạo cổ ngữ dịch lại cho họ ở cõi trần.

Chúng tôi đang lần lượt ấn hành một loạt kiếp đầu thai, chúng đại diện cho một công trình nghiên cứu lớn đang được thực hiện. Mong rằng công trình này sẽ hữu ích trong việc mang lại một nhận thức sống động hơn về các nền văn minh huy hoàng trong quá khứ, cũng như một sự hiểu biết rõ ràng hơn về các hoạt động của luật nhân quả và luật luân hồi. Từ khi bộ sách đầu tiên của các kiếp đầu thai được ấn hành cho đến nay thì nhân vật chính¹¹ trong các kiếp đó đã được điễm đạo trong kiếp hiện tại, nên các kiếp sống của người ấy là một nghiên cứu có giá trị với những ai ao ước được trở thành đệ tử của Chân Sư, vì sự tiến hoá của chính bản thân họ

11 Krishnamurti.

sẽ phát triển nhanh hơn khi họ học được làm thế nào người huynh đệ của mình đã đạt được mục tiêu mà họ đang chiến đấu. Họ có thể dễ tiến bộ hơn vì người huynh đệ này đã chịu khó ghi chép lại cho chúng ta trong cuốn cẩm nang nhỏ *Dưới Chân Thầy* những lời dạy dỗ đã dẫn dắt người ấy đến mục tiêu đó.

Khoảng một trăm năm mươi người trong số các thành viên hiện thời của Hội Thông Thiên Học là những nhân vật chính trong các câu chuyện đang xuất hiện dưới mắt độc giả của tờ báo *Nhà Thông Thiên Học*, và điều đáng lưu ý nhất là những người có liên hệ huyết thống với nhau trong quá khứ vẫn tìm đến với nhau bằng một cách nào đó vì sở thích chung của họ về Thông Thiên Học, tuy rằng hiện giờ họ được sinh ra trong các quốc gia cách xa nhau hàng nghìn dặm; mỗi quan hệ của họ vẫn thân thiết với nhau hơn bất kỳ mối quan hệ nào khác trên cõi trần vì tình thương họ dành cho Bậc Thầy đáng kính của họ.

Có hai nguyên nhân có thể gây ra sự hiểu lầm khi quan sát các hồ sơ (tiên thiên ký ảnh) bằng thông nhãn: (1) thành kiến cá nhân và (2) tầm nhìn hạn hẹp. Tính tình con người căn bản đều có những nét khác nhau, và chúng không thể nào không nhuộm màu cái nhìn của họ về các cõi. Chỉ có vị Chân Tiên mới có một nhận thức hoàn hảo về sự sống, còn những người dưới trình độ này đều luôn

có một số thành kiến. Kẻ phàm phu thường thói phồng các chi tiết nhỏ nhặt và bỏ sót lại các điểm quan trọng vì y có thói quen làm như vậy hàng ngày. Mặt khác, một người bắt đầu đặt chân lên đường Đạo, trong sự phấn khởi của mình, có thể làm mất đi sự cân bằng giữa đời sống tinh thần với đời sống thể tục nhằm chán tàm thường mà y đã tách ra khỏi trong một khoảng thời gian. Tuy nhiên, ngay lúc đó y cũng đã tiến bộ rất nhiều, vì những người nhìn thấy sự việc từ tầm nhìn bên trong vẫn gần gũi với sự thật hơn so với những người chỉ nhìn thấy nó từ bên ngoài.

Những lời tuyên bố của các nhà thông nhân có thể và chắc chắn phải bị nhuộm màu bởi thành kiến, như rõ ràng trong trường hợp của ông Swedenborg, người đã dùng các danh từ rất hạn chế của Thiên Chúa Giáo để mô tả các sự kiện xảy ra ở cõi trung giới. Chắc chắn ông đã nhìn thấy nhiều thứ qua những hình tư tưởng kiên cố mà ông đã tự tạo ra cho mình trong nhiều năm trước đó. Ông ta bắt đầu với một số định kiến và chúng khiến ông ta nhìn thấy mọi thứ thuận theo các định kiến đó. Bạn cũng biết ở cõi trần một người có thành kiến về người khác có thể bóp méo lời nói và hành động ngay thẳng nhất của y để làm chúng phù hợp với thành kiến của họ và suy nghĩ ra những ý nghĩ mà người bất hạnh đó chưa bao giờ từng mơ tưởng đến. Điều tương tự như

vậy cũng có thể xảy ra ở cõi trung giới nếu một người không cẩn thận.

Các nhà điều tra Thông Thiên Học đều hết sức cố gắng đề phòng nguy cơ này (thành kiến cá nhân) và liên tục dùng mọi biện pháp kiểm tra để ngăn ngừa nó. Các Chân Sư thường chọn những người rất khác nhau để hợp tác hầu giảm thiểu tối đa khả năng sai lầm có thể xảy ra từ nguyên do này.

Nguy cơ thứ hai là tầm nhìn hạn hẹp - việc cho rằng một phần là đại diện của toàn phần. Ví dụ, người ta thường nói rất nhiều về sự trác táng và lộng hành của ma thuật trong những ngày cuối cùng của hải đảo Poseidonis, nhưng vào thời điểm đó, ngay ở chỗ đó cũng có một hội Huyền bí giáo rất thanh bạch và theo đuổi các mục tiêu cao cả. Nếu chúng ta chỉ thấy có Hội này, chúng ta có thể dễ cho rằng Poseidonis là một quốc gia có đời sống tinh thần rất cao. Do đó, bạn có thể thấy tại sao những tầm nhìn hạn hẹp như vậy có thể được áp dụng cho cả một vùng hoặc một cộng đồng. Các suy diễn rộng ra như vậy cần phải được điều tra và kiểm chứng lại. Tuy nhiên, mỗi thời đại hoặc mỗi quốc gia thường có một hào quang tổng quát nói chung để ngăn ngừa những kết luận sai lầm lớn như vậy. Một nhà ngoại cảm, khi chưa được huấn luyện để cảm nhận được luồng hào quang tổng quát này, sẽ thường không ý thức được nó và do đó sẽ phạm phải nhiều điều sai sót. Trên thực tế, dựa trên sự điều tra lâu ngày, nó

cho thấy rằng tất cả các nhà ngoại cảm khi chưa được huấn luyện đôi khi thì đáng tin cậy, đôi khi thì không, và những người tư vấn với họ thường có nguy cơ bị hướng dẫn sai lầm.

Chúng ta không nên nghĩ rằng các hồ sơ ngay từ lúc bắt đầu phải có bất cứ một cá tính đặc biệt nào để được phản chiếu trong tiên thiên ký ảnh. Chúng ta không cần phải tiếp xúc trực tiếp với một nhóm vật liệu đặc biệt nào để đọc được hồ sơ vì chúng ta có thể đọc được chúng từ bất cứ một khoảng cách nào một khi mối liên hệ đã được thành lập.

Tuy nhiên, cũng đúng là mỗi hạt nguyên tử có giữ hồ sơ, hay đúng hơn là sở hữu khả năng tạo ra mối liên hệ giữa nhà thông nhãn với hồ sơ về tất cả những gì đã xảy ra trong tầm nhìn của nó. Nhờ bản chất này mà phương pháp trắc nghiệm tâm linh (psychometry) có thể được thực hiện. Tuy nhiên, có một giới hạn rất kỳ quặc liên quan đến nó là nhà ngoại cảm tâm thường chỉ thấy được bằng cách này những gì có thể được nhìn thấy, giống như y đang đứng ngay tại chỗ của món đồ đó. Thí dụ, nếu một người trắc nghiệm tâm linh một viên sỏi đã nằm lâu năm trong một thung lũng, y chỉ thấy được những gì đã trải qua trong thời gian đó ở thung lũng ấy. Cái nhìn của y sẽ bị giới hạn bởi các ngọn đồi chung quanh, giống như y đã đứng ở đó trong suốt thời

gian mà viên sỏi ấy đã từng nằm ở đó và chứng kiến hết mọi thứ.

Đúng, khả năng trải nghiệm tâm linh có thể được mở rộng ra cho một người thấy luôn cả suy nghĩ và cảm xúc của các diễn viên trong bộ phim đó rõ như y thấy thể xác của họ; thêm vào đó, một khả năng khác được mở ra là trước hết, vì y đã tự đặt mình vào trong thung lũng đó, y có thể dùng nó làm nền tảng cho nhiều hoạt động khác tiếp theo và vì vậy có thể lướt qua các ngọn đồi chung quanh và nhìn thấy những gì xa hơn và luôn cả những gì đã xảy ra sau khi viên sỏi đó đã được mang đi, thậm chí ngay cả những gì đã xảy ra trước đó khi nó được đem đến nơi ấy bằng một cách nào đó. Tuy nhiên, người có thể làm được điều này đã sớm không cần phải dùng viên sỏi đó nữa. Khi chúng ta có thể sử dụng được các giác quan của *nhân thể* trên đối phần của các đồ vật ở cõi hồng trần, chúng ta sẽ thấy rằng mỗi vật thật sự đều có thể phóng ra các hình ảnh về quá khứ.

Khi chúng ta phát triển tâm thức và các quyền năng bên trong thì đời sống của chúng ta sẽ trở nên liên tục; chúng ta sẽ đạt đến mức độ tâm thức của *chân ngã* rồi sau đó có thể quay ngược về quá khứ, thậm chí đến cả hồn-khóm mà chúng ta đã từng trải qua trong giai đoạn cảm thú và nhìn qua đôi mắt của con thú về nhân loại và một thế giới khác đã phát triển trong lúc đó. Tuy nhiên, không có một ngôn

ngữ nào có thể diễn tả được những gì được nhìn thấy theo cách đó, bởi vì sự khác biệt của tầm nhìn đó quả thật nằm ngoài mọi khả năng diễn tả.

Tuy nhiên, trừ tâm thức liên tục đó ra thì thật không có một ký ức gì tỉ mỉ, thậm chí về các thứ quan trọng nhất. Ví dụ, một người đã biết được sự thật về luân hồi trong một kiếp nào đó không nhất thiết phải mang theo ký ức của chân lý này qua kiếp sau. Chính tôi cũng không nhớ được nó và Bà Besant cũng vậy. Tôi không biết gì về nó trong kiếp này cho đến khi tôi nghe được nó từ một người khác, rồi sau đó tôi nhận ra ngay được chân lý của nó. Bất cứ những gì chúng ta biết trong quá khứ sẽ hiện lên trong tâm trí của chúng ta một cách quả quyết khi nó được đưa đến chúng ta trong kiếp tới.

Khi còn nhỏ, tôi thường hay nằm mộng về một căn nhà mà sau đó tôi được cho biết rằng đó là căn nhà mà tôi đã từng sống trong kiếp trước. Nó không giống bất cứ căn nhà nào tôi biết ở cõi trần trong kiếp này, bởi vì nó được xây cất chung quanh trung tâm một cái sân (với đài phun nước, các bức tượng và bụi cây) mà mọi căn phòng đều nhìn ra. Tôi thường nằm mộng về nó có lẽ ba lần trong một tuần, tôi biết mỗi căn phòng trong căn nhà đó và mọi người sống trong đó, rồi tôi thường xuyên tả lại cho mẹ tôi nghe và phác họa một sơ đồ về nó. Chúng tôi thường gọi nó là “căn nhà chiêm bao” của tôi. Khi lớn lên, tôi ít nằm mơ đến nó hơn cho đến khi nó

hoàn toàn trở thành phai mờ trong ký ức của tôi. Tuy nhiên một ngày kia, để giải thích một điểm nào đó, vị Thầy của tôi đã cho tôi xem một bức hình về căn nhà mà tôi từng sống trong kiếp trước, và tôi nhận ra nó ngay lập tức.

Bất cứ ai cũng có thể dùng lý trí để nhận thức được giá trị cần thiết của luân hồi, nhưng để thật sự chứng minh được điều đó thì họ cần phải ý thức được quá khứ và tương lai của mình trong chính nhân thể của họ. Cách duy nhất để loại bỏ xiềng xích của lòng ngờ vực là bằng kiến thức và sự nhận xét khôn ngoan. Niềm tin mù quáng là một rào cản cho sự tiến bộ, nhưng nó không có nghĩa rằng chúng ta sai khi ta chấp nhận những lời tuyên bố từ những người biết nhiều hơn ta. Hội Thông Thiên Học không bao giờ chấp nhận bất kỳ một giáo điều độc đoán nào, chỉ tuyên bố những kết quả của các cuộc nghiên cứu đã được trình bày trong niềm tin chúng sẽ mang lại lợi ích cho người khác về mặt trí tuệ, như thể chúng đã từng làm cho các nhà điều tra.

TIÊN TRI

Thật khó giải thích làm thế nào chúng ta có thể tiên đoán được tương lai, nhưng đây là một hiện tượng chắc chắn có thật. Ngoài những hình ảnh tình

cờ và những thoáng trực giác hiện lên như chớp, mặc dù rất linh nghiệm nhưng lại khó điều khiển, có hai phương pháp để tiên đoán tương lai bằng cách dùng trình độ thông nhân cao cấp hơn. Một phương pháp thì rất dễ giải thích và dễ hiểu, còn cách kia thì không dễ giải thích một chút nào.

Chỉ với giác quan của thể xác cũng đủ để chúng ta tiên đoán vài điều cụ thể. Chẳng hạn, nếu chúng ta thấy một người có một đời sống xa hoa trác táng, chúng ta có thể tiên đoán chắc rằng, trừ phi y thay đổi, nếu không y sẽ mất cả tiền lẫn sức khỏe. Cái mà chúng ta không thể tiên đoán được là y có thể thay đổi được hay không dựa trên cách làm việc ở cõi trần. Tuy nhiên, một người có khả năng nhìn được nhân thể có thể tiên đoán được điều này bởi vì y sẽ nhìn thấy được sức mạnh dự trữ trong nhân thể của người đó; y có thể thấy được linh hồn đó đang nghĩ gì về mọi thứ và nó có đủ sức mạnh để can thiệp hay không. Một tiên đoán chỉ dựa trên các dữ kiện ở cõi trần sẽ không được chính xác bởi vì sự sống bên trong có quá nhiều tác nhân ảnh hưởng lên nó mà chúng ta không thể nào thấy được ở cõi trần. Tuy nhiên, khi chúng ta nâng tâm thức lên các cõi cao hơn thì chúng ta có thể nhìn thấy được nhiều tác nhân hơn nữa, và do đó chúng ta có thể tính toán được kết quả của chúng một cách chính xác hơn.

Rõ ràng là nếu *tất cả* các tác nhân đều có thể được nhìn thấy và phán đoán một cách chính xác thì

tất cả các kết quả của chúng sẽ dễ được tính toán. Có lẽ không ai ngoài Thượng Đế có thể nhìn thấy được hết mọi tác nhân hoặc nguyên nhân trong hệ thống của Ngài, nhưng một vị Chân Sư chắc chắn sẽ có thể nhìn thấy được tất cả những gì có thể ảnh hưởng đến một người bình thường! Vì vậy, có lẽ bằng phương pháp này, một vị Chân Sư có thể tiên đoán khá chính xác về cuộc đời của một người vì người bình thường ít có đủ sức mạnh của ý chí. Nhân quả chỉ định cho y vào các môi trường nhất định và y là sản phẩm của môi trường đó; y chấp nhận số phận được định sẵn bởi vì y không biết rằng y có thể thay đổi nó. Một người tiến hoá hơn có thể nắm được vận mệnh của mình và uốn nắn nó, biến tương lai của y thành những gì y ao ước, điều chỉnh nghiệp chương của quá khứ bằng cách thiết lập ra các lực mới để tác động lên nghiệp cũ. Vì vậy, tương lai của y khó tiên đoán hơn, nhưng chắc chắn ngay cả trong trường hợp này, Chân Sư cũng có thể nhìn thấy ý chí tiềm ẩn trong y và đoán được cách y sẽ sử dụng nó như thế nào.

Chúng ta có thể hoàn toàn hiểu được phương pháp tiên tri này, và rõ ràng các sự kiện lớn lao trong bất cứ kiếp nào đều có thể được tiên đoán theo cách này, nhưng còn có một cách nữa mà chúng tôi không thể giải thích được. Đó là phương pháp mà một người chỉ cần nâng tâm thức của mình lên một cõi đủ cao để thấy giới hạn của cái mà chúng ta gọi

là thời gian biến mất: quá khứ, hiện tại và tương lai đều trải ra trước mắt họ như một cuốn sách đang mở ra. Làm thế nào điều này có thể dung hòa với quyền tự do lựa chọn của con người thì tôi không thể nói được, nhưng tôi có thể chứng minh rằng đây là sự thật. Khi tầm nhìn này được sử dụng thì tương lai đơn giản là ở ngay *đó*, thậm chí đến cả những chi tiết vụn vặt nhất. Bản thân tôi tin rằng chúng ta *có* quyền tự do lựa chọn dù chỉ ở trong các giới hạn nhất định, nhưng một quyền lực cao hơn chúng ta rất nhiều có thể biết trước được chúng ta sẽ chọn lựa ra sao. Bạn biết con chó của bạn sẽ làm gì dưới các điều kiện nhất định, nhưng ít ra điều này không *buộc* nó phải làm như vậy; cũng như thế, một quyền lực cao hơn con người rất nhiều (cũng như con người đối với con chó) có thể biết rất rõ con người sẽ sử dụng mảnh ý chí tự do của y để làm gì.

Vì nó *chỉ* là một mảnh nhỏ; kế hoạch của Thượng Đế là cho chúng ta một chút tự do rồi xem chúng ta sử dụng nó như thế nào. Nếu chúng ta sử dụng nó khôn khéo và đúng, chúng ta được ban thêm một chút tự do nữa, và chỉ cần chúng ta tiếp tục sử dụng nó phù hợp với mục đích tiến hoá vĩ đại của Ngài thì chúng ta càng ngày sẽ càng có nhiều tự do chọn lựa hơn. Nhưng nếu chúng ta đại dốt đến nỗi sử dụng nó một cách ích kỷ để gây hại cho bản thân mình và cản trở kế hoạch của Ngài, chúng ta sẽ thấy chính hành động của mình bị tù túng và chúng

ta bị ép trở vào hàng ngũ cho ngay thẳng. Một đứa trẻ phải có được quyền tự do đi lại mặc dù nó có thể bị té, còn không nó sẽ không bao giờ học biết đi, nhưng không ai sẽ cho nó tập đi ở ngay cạnh bờ vực thẳm. Do đó, chúng ta vẫn có đủ tự do để có thể tự gây hại cho mình một chút nếu chúng ta làm sai, nhưng không đủ để hoàn toàn tự hủy diệt lấy mình.

Thời điểm mà chúng ta có toàn quyền tự do chọn lựa chắc chắn sẽ đến, nhưng trước thời điểm đó chúng ta thường có ít sự chọn lựa. Khi chúng ta đã chọn xong thì chúng ta phải chấp nhận hậu quả của hành động đó. Từ trên cao nhìn xuống, số phận của một người cũng giống như một hệ thống đường rầy xe lửa. Một người phải chọn đường rầy của mình khi bắt đầu đi lên tàu xe lửa, nhưng sau khi y đã chọn nó rồi thì y phải theo nó và không thể chuyển sang đường rầy khác cho đến khi y đến trạm dừng chân thứ nhất. Từ nơi đó, y có thể đi xuống và chọn một đường rầy khác theo ý, nhưng sau khi đã chọn xong và bắt đầu lên xe thì y phải chấp nhận hậu quả của quyết định của mình, y không được quyền từ chối nó cho đến khi y đến điểm chọn lựa kế tiếp. Chúng ta không nên nhầm lẫn giữa tự do ý chí và tự do hành động.

Bây giờ, để có khả năng tiên tri bằng một trong hai phương pháp trên hàm ý một sự tiến hóa khá cao, nhưng các hình ảnh rời rạc được phản ánh xuống từ cả hai phương pháp trên thường có thể

xuất hiện ở những người có trình độ tiến hoá thấp hơn. Cái được gọi là “cái nhìn thứ hai” (second-sight) ở Tô Cách Lan (Scotland) có lẽ là một thí dụ, vì qua cách đó mà một sự kiện trong tương lai có thể được nhìn thấy với khá nhiều chi tiết.

Tôi nhớ có đọc về một trường hợp mà một nhà tiên tri nói với một kẻ không tin rằng một người đàn ông quen với cả hai sẽ chết vào một thời điểm nhất định nào đó và hơn nữa còn mô tả rất tỉ mỉ về chi tiết của đám tang ông ta, bao gồm luôn cả những người khiêng quan tài. Kẻ không tin ấy chế nhạo toàn bộ lời nói của người tiên tri, nhưng khi thời điểm đã đến, người đàn ông được tiên đoán như trên đã chết. Kẻ không tin ấy rất ngạc nhiên nhưng vẫn còn tức tối, và y quyết định rằng phần còn lại của câu chuyện sẽ không được trở thành sự thật vì chính y sẽ can thiệp để biến nó khác đi. Do đó, y tìm cách để được chỉ định làm một trong những người khiêng quan tài, nhưng khi ngày đó đến và lễ tang sắp bắt đầu, y bị gọi qua một bên trong giây lát, và khi y quay trở lại, y phát hiện ra rằng cuộc khiêng quan tài đã diễn ra, và những người đỡ quan tài chính là những người đã được nhìn thấy trong hình ảnh tiên tri.

Chính tôi cũng từng có những hình ảnh như vậy về các bối cảnh tương lai - những bối cảnh mà tôi không hề quan tâm đến và thật sự cũng không có lợi ích gì đối với tôi cho đến bây giờ - theo nhận xét

của tôi, nhưng chúng luôn xảy ra giống y như tôi đã thấy trong những trường hợp mà tôi có cơ hội để kiểm chứng chúng.

Thượng Đế đã suy nghĩ ra toàn bộ diễn tiến của sự sống trong hệ thống của Ngài, không chỉ những gì nó đang là trong hiện tại mà luôn cả những gì nó đã là trong quá khứ và sẽ là trong tương lai. Tư tưởng của Ngài ban sự sống cho những gì Ngài nghĩ đến. Những hình tư tưởng này được nói là hiện hữu ở cõi trí của vũ trụ - hai *bộ* bảy cõi trên *bộ* bảy cõi của chúng ta.¹² Ngài nghĩ ra những gì Ngài dự tính sẽ cho mỗi dãy hành tinh thực hiện; Ngài còn đi sâu vào các chi tiết nhỏ hơn khi Ngài suy nghĩ về kiểu mẫu cho các giống dân chính và giống dân phụ, từ giống dân đầu tiên cho đến giống dân Lemurian, Atlantis, Aryan và các giống dân tiếp theo. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng trên Cõi Trí của Vũ trụ, toàn bộ thái dương hệ (quá khứ, hiện tại, và vị lai) đồng tồn tại với nhau trong hình tư tưởng đó - một hành động sáng tạo đặc biệt; nó phải hiện diện cùng một lúc trước mắt của Ngài. Có lẽ vì tâm thức của Ngài mạnh đến nỗi nó phản chiếu khá nhiều xuống các cõi thấp hơn mà chúng ta đôi khi có một cái thoáng nhìn của sự phản ánh đó bằng một cách nào đó.

¹² Vũ trụ có bảy cõi vĩ đại, mỗi cõi có bảy cõi phụ. Toàn bộ bảy cõi Thái Dương Hệ của chúng ta là thuộc về cõi Trần của Vũ trụ.

CHƯƠNG V

ĐẠI THIÊN THẦN VÀ TINH LINH THIÊN NHIÊN

HÀO QUANG CỦA ĐẠI THIÊN THẦN

Các đại thiên thần thuộc về một vương quốc hùng mạnh của Tinh thần (Spirit), được sắp xếp tiếp theo bên trên nhân loại, cũng như loài thú được xếp tiếp theo bên dưới chúng ta. Bạn có thể nghĩ về Họ như là các vị đại thiên thần vĩ đại và lộng lẫy, mặc dù dĩ nhiên họ cũng có nhiều loại khác nhau và thuộc về nhiều mức độ tiến hoá khác nhau. Không ai trong số họ thấp đến mức có thể xác vật chất như chúng ta, loại thấp nhất được gọi là thiên thần cảm dục (kamadevas) và họ có thể vía, trong khi hạng kế tiếp cao hơn có cơ thể được làm bằng chất liệu hạ trí, v.v.. Họ sẽ không bao giờ là con người bởi vì phần đông đã vượt qua giai đoạn đó, nhưng một số

trong bọn họ đã từng là con người trong quá khứ. Khi một người đã kết thúc quá trình tiến hoá của loài người và trở thành siêu nhân, có nhiều con đường tiến hóa mở ra trước mắt họ, và một trong số đó là gia nhập vào dòng tiến hoá của các vị thiên thần đẹp đẽ này.

Thiên thần và loài người khác nhau về mặt ngoại hình. Thí dụ, cơ thể của các vị thiên thần lưu động nhiều hơn - họ có khả năng co giãn nhiều hơn. Thứ nhì, họ có một tính chất bốc lửa độc đáo dễ được phân biệt với bất cứ một người bình thường nào. Chỉ có một hạng người có thể bị nhầm lẫn với họ là hạng người rất tiến hoá, chẳng hạn như một vị La-Hán với một hào quang to lớn và đường nét rõ ràng; nhưng ngay cả một người đã từng nhìn thấy cả hai dù chỉ một lần cũng khó lầm lẫn được giữa họ. Hào quang của người bình thường chỉ có khả năng nở rộng khá lớn tạm thời. Nó có một kích thước nhất định, bằng với kích thước khu vực của nhân thể; khi nhân thể đó phát triển, khu vực đó cũng nở rộng ra và do đó con người có một hào quang rộng lớn hơn, nhưng sự gia tăng này chỉ xảy ra từ từ.

Nếu bạn nhớ đến các hoạ đồ trong quyển *Con Người Hữu Hình và Vô Hình*, bạn sẽ thấy rằng nhân thể của một người bình thường vẫn còn rất xa một sự phát triển hoàn mỹ. Khi bạn nhìn vào nhân thể của một người tiến hoá, bạn sẽ thấy rằng nó có đầy đủ màu sắc, nên giai đoạn đầu tiên của sự cải thiện

trong trường hợp của người bình thường là lấp đầy màu sắc cho nhân thể chứ không phải nói rộng nó. Y phải làm cho hình quả trứng có đầy đủ các màu sắc khác nhau, rồi sau đó mới bắt đầu bành trướng kích thước của nó.

Nếu một cảm xúc bất chợt bùng lên trong một người bình thường, nó sẽ tự biểu thị, như đã được minh hoạ trong cuốn sách, như là một chớp loé lên trong hào quang, rồi từ đó một màu sắc được phóng ra biểu thị cho bản chất của cảm xúc đó (màu hồng cho tình thương, màu xanh cho lòng sùng kính, hoặc màu xanh lục cho lòng thông cảm), cùng với sự rung động của các dải màu sắc và sự tăng cường nói chung của những màu liên quan đến cảm xúc đó. Người bình thường sẽ không có biểu lộ gì khác hơn thế; chẳng hạn, một luồng cảm xúc mãnh liệt của tình thương chỉ lấp đầy hào quang với màu hồng rồi gửi đi các hình tư tưởng thuộc màu đó đến đối tượng của cảm xúc, nhưng nó không hề gia tăng kích thước của hào quang dù chỉ là tạm thời.

Tuy nhiên, đối với một người tiến hoá, y đã lấp đầy nhân thể với màu sắc nên trong trường hợp của y, kết quả của một cảm xúc bộc phát của tình thương, lòng sùng kính, hoặc thông cảm không chỉ nhuộm màu *nhân thể* và đưa ra một loạt hình tư tưởng, mà còn tạm thời nói rộng hào quang của y một cách đáng kể, mặc dù sau đó nó sẽ rút lại về kích thước bình thường của nó. Tuy nhiên, mỗi một

cảm giác bộc phát như vậy sẽ làm cho hào quang vĩnh viễn nở lớn hơn một chút so với khi trước. Nó càng gia tăng thì con người càng dễ cảm nhận mọi thứ nhiều hơn. Sự phát triển trí tuệ cũng làm gia tăng hào quang nhưng trong trường hợp này, màu vàng sẽ là màu chính yếu.

Hãy nhớ rằng một tình thương vị tha hoặc lòng sùng tín không phải thuộc về cõi trung giới mà là cõi bồ đề, và đó là lý do tại sao khi một lần cảm xúc như vậy dâng trào lên trong một người, nó sẽ làm cho hào quang của y tạm thời nở rộng nhưng không bao giờ gia tăng đến mức độ của một vị đại thiên thần. Sự thay đổi trong hào quang của một vị đại thiên thần lớn đến nỗi nó sẽ gây kinh ngạc cho những ai chưa quen biết họ. Gần đây, có một vị đại thiên thần đến thăm chúng tôi tại Adyar (để cho chúng tôi biết các thông tin về nền tảng của giống dân thứ sáu); Ngài có một hào quang với đường kính trung bình khoảng 150 thước (yards), nhưng khi Ngài trở nên phấn khởi về đề tài Ngài đang giảng dạy thì hào quang của Ngài gia tăng cho đến khi nó chạm đến bờ biển cách chỗ chúng tôi ngồi khoảng một dặm (mile).

Người bình thường không thể nào có một cảm xúc dẫn đến một sự gia tăng như vậy. Ngay cả trong trường hợp của một vị Chân sư, tỷ lệ gia tăng tạm thời cũng không thể nào lớn được như vậy. Tôi không có ý bất kính đối với vị đại thiên thần khi tôi

nói rằng hào quang của Chân Sư ổn định hơn, và tuy rằng hào quang của Ngài cũng có thể lớn ngang với hào quang của vị đại thiên thần, nhưng tỷ lệ gia tăng tạm thời của nó thì ít hơn. Cách tổ chức hào quang của vị đại thiên thần quả thật rất lỏng lẻo. Hào quang của con người chứa nhiều chất liệu hơn trong cùng một chu vi, nên nó đặc hơn và dày hơn. Vị đại thiên thần được đề cập ở trên có trình độ tiến hóa ngang với một vị La-Hán, nhưng hào quang của vị La-Hán chỉ bằng một phần ba kích thước của vị đại thiên thần. Tuy nhiên, chuyện có thể xảy ra là một nhà thông nhãn chưa bao giờ nhìn thấy được cả hai hào quang chỉ biết rằng y đang được bao phủ trong một đám mây lộng lẫy trong cả hai trường hợp, nhưng y sẽ không dễ dàng phân biệt được giữa hai.

Thể vía và thể trí cũng phát triển và gia tăng như nhân thể. Ba thể này thật ra ở cùng một mức độ phát triển với nhau, tuy bạn phải nhớ rằng ta chỉ đang làm việc với các phần, hoặc thậm chí một phần của các phần. Có một giả thuyết lan truyền rằng nhân thể của một người bình thường có kích thước chỉ bằng hạt đậu rồi mới từ từ phát triển, nhưng điều này không đúng. Một nhân thể chưa tiến hoá có cùng một kích thước với bất cứ một nhân thể nào khác cho đến khi nó bắt đầu nở ra.

Như tôi đã nói, hào quang của một vị đại thiên thần có những đặc tính bốc lửa khó diễn tả, mặc dù người ta rất dễ nhận ra nó. Tất cả các màu sắc đều

chảy lỏng và thuộc bản chất lửa hơn là lùm mây. Hào quang của con người sáng chói nhưng mảnh mai như một lùm mây của một khối khí phát sáng, còn hào quang của một vị đại thiên thần lại nhìn giống như một khối lửa lớn.

Hình dáng của vị thiên thần bên trong hào quang không có đường nét rõ ràng như trong trường hợp của con người. Ngài sống khắp nơi trên chu vi hào quang của Ngài nhiều hơn là con người. Chín mươi chín phần trăm chất liệu hào quang của con người nằm ở bên trong chu vi thể xác, nhưng trong trường hợp của thiên thần, tỷ lệ này bị giảm xuống rất nhiều. Các thiên thần thường hiện hình giống như con người nhưng với một kích thước khổng lồ hơn. Có người từng gợi ý rằng các vị thiên thần nhìn như thể họ có lông vũ. Ý kiến này cũng có lý do của nó, và tôi biết chính xác hình ảnh người đó đang cố gắng diễn tả nhưng không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả. Các vị đại thiên thần to lớn màu xanh lá cây mà tôi từng thấy ở Ái Nhĩ Lan (Ireland) có một hình thù rất to lớn, lộng lẫy và oai nghiêm. Thật là khó diễn tả họ được chính xác, ngôn ngữ chỉ có thể phỏng chừng mà thôi. Các họa sĩ thường vẽ các thiên thần với đôi cánh lông vũ, nhưng tôi nghĩ rằng hình tượng này luôn mang tính cách biểu tượng trong các kinh sách Cơ Đốc Giáo, vì khi các thiên thần thật sự xuất hiện thì đôi khi họ còn bị nhầm lẫn

với con người (như bởi Abraham, chẳng hạn), cho nên họ đương nhiên không thể có đôi cánh.

Trong nhiều trường hợp, một thiên thần có thể được phân biệt dựa trên hình dạng thị hiện lúc bấy giờ bên trong vòng hào quang bầu dục của Ngài. Nó gần như lúc nào cũng là hình dáng con người. Bạn nên nhớ rằng tinh linh thiên nhiên thường lấy hình dáng con người nhưng nó có một nét kỳ lạ đặc biệt nào đó - lúc nào nó cũng hơi kỳ quặc. Tôi cho rằng các vị đại thiên thần cũng như vậy, nhưng ta sẽ làm to khi cho rằng như vậy hẳn hình thù của họ sẽ bị khiếm khuyết theo một cách nào đó, trong khi thật sự họ có một phong thái thật oai nghiêm và tôn kính.

Các vị thiên thần cũng tạo ra các hình tư tưởng như chúng ta, nhưng chúng thường không cụ thể bằng chúng ta cho đến khi họ đạt đến một trình độ tiến hóa khá cao. Họ có tính khái quát hoá (generalization) nói chung và không ngừng lập ra các dự án tuyệt vời. Ngôn ngữ của họ là màu sắc, có lẽ không rõ ràng bằng ngôn ngữ của chúng ta, nhưng theo một cách nào đó, nó lại có thể diễn đạt nhiều hơn.

Khi nói về kích thước của hào quang, một người bình thường có hào quang phóng ra khoảng mười tám inch ở mỗi bên cơ thể. Nếu y đặt khuỷu tay vào bên hông và duỗi thẳng cánh tay và bàn tay ra, đầu ngón tay của y sẽ chạm gần đến chu vi của

hào quang. Nhà Thông Thiên Học trung bình có thể có một hào quang lớn hơn một chút so với người chưa học đạo, tuy nhiên cũng có những người bên ngoài Hội có hào quang lớn và đẹp đẽ hơn. Một cảm xúc mãnh liệt đồng nghĩa với một hào quang lớn hơn.

Chúng ta có thể có một hào quang bị méo mó - nó có thể nhìn hơi khác thường một chút. Như tôi đã giải thích, nhiều người có đầu nhỏ của quả trứng nằm ở bên trên, nhưng các môn đồ như chúng ta có khuynh hướng phát triển đầu bên trên nhiều hơn, vì các cá tính mà chúng ta đang tập phát triển sẽ tự nhiên biểu lộ trong các chất liệu thường nổi lên ở phần trên của hào quang do trọng lượng đặc thù của nó. Sự gia tăng của hào quang là điều kiện tiên quyết cho việc điểm đạo, và các khả năng phải được biểu thị rõ ràng trong đó. Các kinh sách có nhắc đến là bán kính hào quang của Đức Phật vươn dài ra đến ba dặm; dưới trình độ của Ngài, tôi đã từng nhìn thấy một vị với hào quang vươn dài ra đến hai dặm. Nó tự nhiên sẽ gia tăng sau mỗi lần điểm đạo.

Các vị thiên thần không tham dự vào dòng tiến hoá của con người và không thực hiện các cuộc điểm đạo như chúng ta, vì hai vương quốc này sẽ hội tụ ở một điểm bên trên quả vị Chân Tiên. Tuy nhiên, con người có nhiều cách để tham gia vào dòng tiến hoá của thiên thần, thậm chí ngay ở giai đoạn hiện nay của chúng ta hoặc thấp hơn.

Bạn hỏi liệu các thiên thần có thường ở quanh đây và chịu chỉ dạy cho loài người hay không? Họ thường rất sẵn sàng giải thích và tự lấy bản thân họ làm ví dụ cho các chủ đề liên quan đến dòng tiến hoá của họ với bất cứ ai có đủ trình độ để hiểu chúng. Đã có nhiều người được chỉ dẫn theo cách này; tuy nhiên, hầu hết mọi người vẫn chưa đủ trình độ để tiếp nhận chúng và do đó không thể tiếp thu được bất cứ lợi ích gì từ chúng. Chúng tôi không biết có bất cứ một quy tắc hoặc giới hạn nào trong công việc của các vị thiên thần hay không; họ có nhiều đường lối hoạt động hơn chúng ta có thể tưởng tượng được.

Thông thường, có rất nhiều vị thiên thần xuất hiện nơi đây ở Adyar. Chúng tôi có rất nhiều lợi điểm ở đây, nơi mà các Chân Sư thường xuyên thăm viếng. Một người chỉ cần có một chút thông nhãn vào đúng lúc là có thể nhìn thấy họ. Các Bạc Cao Cả này có một lực kích thích mà một số người có thể cảm nhận được theo cách này hoặc cách kia. Có lẽ trong một kiếp trước của Đức Thích Ca Mâu Ni dưới dạng là vị Giáo Chủ Bái Hỏa Giáo (Zoroaster), lửa là một trong các dấu hiệu biểu thị sự tiến hoá của Ngài, nên đó là một trong những nguyên nhân Ngài thường hay bị nhầm lẫn với một vị đại thiên thần. Người ta từng nói là khi Đức Phật tham thiền, hào quang của Ngài bốc lửa, nhưng chúng ta phải nhớ rằng một hình tư tưởng bình thường cũng xuất

hiện như một ngọn lửa đối với một ai chưa từng quen với các thứ như vậy. Sự sáng chói của Đức Christ trong giai đoạn Biến Hình (transfiguration)¹³ cũng là một trường hợp tương tự.

Có rất nhiều ảnh hưởng tuyệt vời chung quanh chúng tôi ở nơi đây, tuy ảnh hưởng của chúng trên mỗi cá nhân tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận của người ấy. Chúng ta chỉ có thể đón nhận những gì phù hợp đối với chúng ta từ các ảnh hưởng này và không thể nhiều hơn nữa. Một người ích kỷ chỉ biết lo cho mình có thể tắm trong luồng từ lực sáng chói này nguyên cả một năm mà vẫn không hề có một chút tiến bộ. Y thậm chí có thể trở nên tồi tệ hơn vì các rung động mãnh liệt này đều tăng cường các cá tính của con người, nên đôi khi những cá tính xấu cũng như tốt đều được gia tăng; lại nữa, y có thể trở nên bức bối, căng thẳng và phát điên. Đối với một người có đủ trí tuệ để nắm lấy nó, đời sống tại Adyar là một cơ hội ít ai có được trong lịch sử, nhưng chúng ta có thể thu hoạch được bao nhiêu phải hoàn toàn tùy thuộc vào bản thân mình.

THẦN CÂY

13 Transfiguration (Biến Hình) là biểu tượng của lần điểm đạo thứ ba.

Vị thần của một cây lớn, chẳng hạn như cây đa, thường hiện hình ở bên ngoài và khi làm như vậy, nó thường lấy hình dạng của một người khổng lồ. Ví dụ, tôi đã nhìn thấy một vị thần cây ở gần đây, lần cuối cùng khi tôi nhìn thấy nó thì nó có một hình dáng cao khoảng 12 feet và nhìn giống như một người đàn bà. Nét mặt của nó cũng khá rõ ràng, tuy hình dáng của nó mờ như sương mù. Cũng có rất nhiều tinh linh thiên nhiên bám chung quanh thân cây và chúng không thích bị quấy rầy. Tôi từng nghe đồn rằng tinh linh thiên nhiên không bám vào các cây mà con người đốn xuống để làm gỗ, nhưng theo những gì tôi quan sát được, lời đồn này là không đúng, và đối với tôi, dường như nó được bịa ra bởi những người muốn phá hoại cây cối nhưng lại không muốn lương tâm bị cắn rứt.

Tuy mang một hình dáng đẹp đẽ nhưng thần cây chưa cá nhân hoá, hoặc thậm chí còn chưa đến gần giai đoạn cá nhân hóa mà chúng ta có thể ước lượng được. Tuy nhiên, nó đã tiến hoá cao hơn so với các hình thức của sự sống thấp hơn trong loài động vật, và khi nó gia nhập loài thú thì nó sẽ đi thẳng vào một trong số động vật có vú. Nó có các sở thích và ghét bỏ của nó, và những thứ này sẽ biểu hiện trong hào quang của nó, mặc dù màu sắc và đường nét của chúng dĩ nhiên còn rất mơ hồ và mờ hơn so với trường hợp của một con thú. Quả thật,

màu sắc của các con thú biết tỏa sáng tình thương trở nên rất rực rỡ, thậm chí còn lộng lẫy hơn nhiều so với màu sắc biểu hiện trong trường hợp của một vài người, bởi vì nó tập trung hơn và chỉ hướng về một đối tượng duy nhất mà thôi.

Một vài người có thể cảm thấy yêu thích một loại cây hoặc một con thú nào đó bởi vì họ đã tiến lên từ dòng tiến hoá đó.

*

Xin xem tiếp
“ĐỜI SỐNG NỘI TÂM - QUYỂN III”